

Số: 05/2018/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2018

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 10 năm 2018.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Bắc Ninh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐĐBĐVN.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VẤN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH BẮC NINH

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 05/2018/TT-BTNMT
ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Ninh được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Bắc Ninh.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Ninh được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư, SV là nhóm địa danh sơn văn, TV là nhóm địa danh thủy văn, KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, TX. là chữ viết tắt của “thị xã”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột “địa danh”.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
TỈNH BẮC NINH

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Ninh gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Bắc Ninh	3
2	Thị xã Từ Sơn	15
3	Huyện Gia Bình	27
4	Huyện Lương Tài	36
5	Huyện Quế Võ	45
6	Huyện Thuận Thành	55
7	Huyện Tiên Du	67
8	Huyện Yên Phong	78

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 1	DC	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 39"	106° 04' 35"					F-48-69-C-a
Khu phố 2	DC	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 35"	106° 04' 20"					F-48-69-C-a
Khu phố 3	DC	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 28"	106° 04' 37"					F-48-69-C-a
Khu phố 4	DC	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 21"	106° 04' 35"					F-48-69-C-a
Khu phố 5	DC	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 06"	106° 04' 33"					F-48-69-C-a
Khu phố 6	DC	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 13"	106° 04' 47"					F-48-69-C-a
Khu phố 7	DC	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 13"	106° 04' 52"					F-48-69-C-a
Khu phố 8	DC	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 17"	106° 04' 55"					F-48-69-C-a
Khu phố 9	DC	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 19"	106° 04' 59"					F-48-69-C-a
Khu phố 10	DC	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 32"	106° 04' 10"					F-48-69-C-a
Khu phố Vũ	DC	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 37"	106° 04' 29"					F-48-69-C-a
cầu Đại Phúc	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 25"	106° 05' 15"					F-48-69-C-a
Chùa Cao	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 41"	106° 04' 44"					F-48-69-C-a
Di tích lịch sử Văn Miếu Bắc Ninh	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 32"	106° 04' 02"					F-48-69-C-a
đền thờ Nguyễn Phúc Xuyên	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 13"	106° 04' 57"					F-48-69-C-a
đình Diên Thọ	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 16"	106° 04' 41"					F-48-69-C-a
đình Đông Thượng	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 22"	106° 04' 39"					F-48-69-C-a
đình Phúc Đức	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 31"	106° 04' 05"					F-48-69-C-a
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh			21° 11' 15"	106° 04' 34"	21° 10' 24"	106° 03' 36"	F-48-69-C-a
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 10' 27"	106° 05' 05"	F-48-69-C-a
lăng đá Bùi Nguyên Thái	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 37"	106° 04' 37"					F-48-69-C-a
nghe Thượng Thàn	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 38"	106° 04' 32"					F-48-69-C-a
nhà thờ Trung chi thứ phái Tích Thiện Đường	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 22"	106° 04' 37"					F-48-69-C-a
Quốc lộ 1	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh			21° 12' 13"	106° 05' 52"	21° 05' 24"	105° 57' 28"	F-48-69-C-a
Quốc lộ 18	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Tượng đài Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 20"	106° 04' 13"					F-48-69-C-a
Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 51"	106° 04' 32"					F-48-69-C-a
Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	KX	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 34"	106° 04' 15"					F-48-69-C-a
kênh Kim Đồi	TV	P. Đại Phúc	TP. Bắc Ninh			21° 08' 24"	106° 05' 00"	21° 10' 15"	106° 05' 44"	F-48-69-C-a
Khu phố 1	DC	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 12' 11"	106° 05' 28"					F-48-69-C-a
Khu phố 2	DC	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 12' 06"	106° 05' 34"					F-48-69-C-a
Khu phố 3	DC	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 12' 05"	106° 05' 41"					F-48-69-C-a
Khu phố 4	DC	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 12' 10"	106° 05' 41"					F-48-69-C-a
Khu phố 5	DC	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 12' 04"	106° 06' 03"					F-48-69-C-a
Khu phố 6	DC	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 12' 08"	106° 05' 14"					F-48-69-C-a
Khu phố 10	DC	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 12' 01"	106° 05' 31"					F-48-69-C-a
cầu Như Nguyệt	KX	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 12' 13"	106° 05' 52"					F-48-69-C-a
chùa Bảo Uyên	KX	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 12' 07"	106° 06' 01"					F-48-69-C-a
đình Đáp Cầu	KX	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 12' 07"	106° 06' 00"					F-48-69-C-a
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh			21° 11' 39"	106° 04' 43"	21° 12' 17"	106° 05' 21"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 279	KX	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh			21° 12' 17"	106° 05' 20"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 295B	KX	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-69-C-a
Quốc lộ 1	KX	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh			21° 12' 13"	106° 05' 52"	21° 05' 24"	105° 57' 28"	F-48-69-C-a
Sông Cầu	TV	P. Đáp Cầu	TP. Bắc Ninh			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-C-a
Áp Oong	DC	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh	21° 08' 03"	106° 04' 43"					F-48-69-C-a
Khu phố Ất	DC	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh	21° 07' 45"	106° 04' 43"					F-48-69-C-a
Khu phố Sơn	DC	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh	21° 08' 02"	106° 04' 10"					F-48-69-C-b
khu phố Tiên Xá	DC	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh	21° 08' 34"	106° 04' 26"					F-48-69-C-a
Khu phố Trần	DC	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh	21° 07' 55"	106° 03' 46"					F-48-69-C-a
Phố Và	DC	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh	21° 08' 09"	106° 04' 34"					F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Công ty Xây dựng Thủy lợi 1	KX	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh	21° 08' 07"	106° 04' 20"					F-48-69-C-a
Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh	KX	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh	21° 09' 06"	106° 04' 29"					F-48-69-C-a
Chùa Trần	KX	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh	21° 07' 56"	106° 03' 54"					F-48-69-C-a
Đình Sơn	KX	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh	21° 07' 59"	106° 04' 22"					F-48-69-C-a
Đình Trần	KX	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh	21° 07' 57"	106° 03' 58"					F-48-69-C-a
Khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh	KX	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh	21° 08' 01"	106° 05' 11"					F-48-69-C-a
Quốc lộ 38	KX	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh			21° 10' 45"	106° 03' 26"	20° 59' 43"	106° 07' 45"	F-48-69-C-a
Quốc lộ 38 (Mới)	KX	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh			21° 08' 22"	106° 04' 27"	21° 04' 59"	106° 05' 22"	F-48-69-C-a
Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh	KX	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh	21° 08' 16"	106° 04' 16"					F-48-69-C-a
kênh Kim Đôi	TV	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh			21° 08' 24"	106° 05' 00"	21° 10' 15"	106° 05' 44"	F-48-69-C-a
Kênh Nam	TV	P. Hạp Lĩnh	TP. Bắc Ninh			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-69-C-a, F-48-69-C-b
Khu phố Đoài	DC	P. Khắc Niệm	TP. Bắc Ninh	21° 08' 27"	106° 03' 24"					F-48-69-C-a
Khu phố Đông	DC	P. Khắc Niệm	TP. Bắc Ninh	21° 08' 19"	106° 03' 41"					F-48-69-C-a
khu phố Quế Sơn	DC	P. Khắc Niệm	TP. Bắc Ninh	21° 07' 57"	106° 03' 21"					F-48-69-C-a
Khu phố Sơn	DC	P. Khắc Niệm	TP. Bắc Ninh	21° 08' 42"	106° 03' 07"					F-48-69-C-a
khu phố Tiền Ngoài	DC	P. Khắc Niệm	TP. Bắc Ninh	21° 08' 27"	106° 02' 57"					F-48-69-C-a
khu phố Tiền Trong	DC	P. Khắc Niệm	TP. Bắc Ninh	21° 08' 20"	106° 03' 15"					F-48-69-C-a
Khu phố Thượng	DC	P. Khắc Niệm	TP. Bắc Ninh	21° 08' 50"	106° 03' 56"					F-48-69-C-a
phố Ba Huyện	DC	P. Khắc Niệm	TP. Bắc Ninh	21° 09' 28"	106° 04' 02"					F-48-69-C-a
chùa Đại Bi	KX	P. Khắc Niệm	TP. Bắc Ninh	21° 09' 02"	106° 03' 38"					F-48-69-C-a
Đình Thượng	KX	P. Khắc Niệm	TP. Bắc Ninh	21° 08' 53"	106° 03' 53"					F-48-69-C-a
Quốc lộ 1	KX	P. Khắc Niệm	TP. Bắc Ninh			21° 12' 13"	106° 05' 52"	21° 05' 24"	105° 57' 28"	F-48-69-C-a
Quốc lộ 38	KX	P. Khắc Niệm	TP. Bắc Ninh			21° 10' 45"	106° 03' 26"	20° 59' 43"	106° 07' 45"	F-48-69-C-a
Kênh Nam	TV	P. Khắc Niệm	TP. Bắc Ninh			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu phố Khúc Toại	DC	P. Khúc Xuyên	TP. Bắc Ninh	21° 11' 13"	106° 02' 41"					F-48-69-C-a
khu phố Trà Xuyên	DC	P. Khúc Xuyên	TP. Bắc Ninh	21° 11' 03"	106° 02' 35"					F-48-69-C-a
chùa Khúc Toại	KX	P. Khúc Xuyên	TP. Bắc Ninh	21° 11' 08"	106° 02' 48"					F-48-69-C-a
chùa Trà Xuyên	KX	P. Khúc Xuyên	TP. Bắc Ninh	21° 11' 08"	106° 02' 45"					F-48-69-C-a
đình Khúc Toại	KX	P. Khúc Xuyên	TP. Bắc Ninh	21° 11' 08"	106° 02' 47"					F-48-69-C-a
đình Trà Xuyên	KX	P. Khúc Xuyên	TP. Bắc Ninh	21° 11' 07"	106° 02' 43"					F-48-69-C-a
Đường tỉnh 286	KX	P. Khúc Xuyên	TP. Bắc Ninh			21° 10' 55"	106° 03' 39"	21° 12' 04"	105° 54' 27"	F-48-69-C-a
Trường Cao đẳng Y dược Thăng Long	KX	P. Khúc Xuyên	TP. Bắc Ninh	21° 11' 19"	106° 02' 55"					F-48-69-C-a
sông Ngũ Huyện Khê	TV	P. Khúc Xuyên	TP. Bắc Ninh			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-69-C-a
khu phố 2 Y Na	DC	P. Kinh Bắc	TP. Bắc Ninh	21° 11' 31"	106° 04' 07"					F-48-69-C-a
khu phố Hồ Ngọc Lân	DC	P. Kinh Bắc	TP. Bắc Ninh	21° 11' 17"	106° 03' 54"					F-48-69-C-a
khu phố Niềm Xá	DC	P. Kinh Bắc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 50"	106° 03' 08"					F-48-69-C-a
khu phố Thị Chung	DC	P. Kinh Bắc	TP. Bắc Ninh	21° 11' 15"	106° 03' 40"					F-48-69-C-b
khu phố Y Na	DC	P. Kinh Bắc	TP. Bắc Ninh	21° 11' 28"	106° 04' 01"					F-48-69-C-a
khu phố Yên Mẫn	DC	P. Kinh Bắc	TP. Bắc Ninh	21° 11' 24"	106° 03' 26"					F-48-69-C-a
chùa Thị Chung	KX	P. Kinh Bắc	TP. Bắc Ninh	21° 11' 17"	106° 03' 39"					F-48-69-C-a
chùa Yên Mẫn	KX	P. Kinh Bắc	TP. Bắc Ninh	21° 11' 24"	106° 03' 20"					F-48-69-C-a
đình Niềm Xá	KX	P. Kinh Bắc	TP. Bắc Ninh	21° 10' 56"	106° 03' 07"					F-48-69-C-a
đình Thị Chung	KX	P. Kinh Bắc	TP. Bắc Ninh	21° 11' 17"	106° 03' 41"					F-48-69-C-b
đình Y Na	KX	P. Kinh Bắc	TP. Bắc Ninh	21° 11' 23"	106° 03' 54"					F-48-69-C-a
đình Yên Mẫn	KX	P. Kinh Bắc	TP. Bắc Ninh	21° 11' 25"	106° 03' 21"					F-48-69-C-a
Đường tỉnh 286	KX	P. Kinh Bắc	TP. Bắc Ninh			21° 10' 55"	106° 03' 39"	21° 12' 04"	105° 54' 27"	F-48-69-C-a
Khu phố 1	DC	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh	21° 10' 47"	106° 03' 30"					F-48-69-C-a
Khu phố 2	DC	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh	21° 10' 46"	106° 03' 21"					F-48-69-C-a
Khu phố 3	DC	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh	21° 10' 36"	106° 03' 16"					F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 4	DC	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh	21° 10' 46"	106° 03' 52"					F-48-69-C-b
Khu phố 5	DC	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh	21° 10' 34"	106° 03' 41"					F-48-69-C-a
khu phố Độ Xá	DC	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh	21° 10' 48"	106° 03' 33"					F-48-69-C-a
Khu phố Mới	DC	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh	21° 10' 52"	106° 03' 32"					F-48-69-C-a
khu phố Nguyễn Trãi	DC	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh	21° 10' 39"	106° 03' 30"					F-48-69-C-a
chùa Độ Xá	KX	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh	21° 10' 46"	106° 03' 38"					F-48-69-C-a
Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ tỉnh Bắc Ninh	KX	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh	21° 13' 09"	106° 03' 52"					F-48-69-C-a
đình Độ Xá	KX	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh	21° 10' 47"	106° 03' 36"					F-48-69-C-a
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh			21° 11' 15"	106° 04' 34"	21° 10' 24"	106° 03' 36"	F-48-69-C-a
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh			21° 11' 39"	106° 04' 43"	21° 10' 45"	106° 03' 26"	F-48-69-C-a
đường Nguyễn Du	KX	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh			21° 10' 55"	106° 03' 39"	21° 10' 45"	106° 03' 26"	F-48-69-C-a
đường Nguyễn Trãi	KX	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh			21° 10' 45"	106° 03' 26"	21° 09' 52"	106° 03' 51"	F-48-69-C-a
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh			21° 10' 45"	106° 03' 26"	21° 09' 57"	106° 02' 30"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 295B	KX	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-69-C-a
Quốc lộ 38	KX	P. Ninh Xá	TP. Bắc Ninh			21° 10' 45"	106° 03' 26"	20° 59' 43"	106° 07' 45"	F-48-69-C-a
khu phố Châm Khê	DC	P. Phong Khê	TP. Bắc Ninh	21° 10' 47"	106° 01' 54"					F-48-69-C-a
khu phố Dương Ổ	DC	P. Phong Khê	TP. Bắc Ninh	21° 09' 41"	106° 01' 57"					F-48-69-C-a
khu phố Đào Xá	DC	P. Phong Khê	TP. Bắc Ninh	21° 10' 19"	106° 02' 02"					F-48-69-C-a
khu phố Ngô Khê	DC	P. Phong Khê	TP. Bắc Ninh	21° 10' 18"	106° 01' 45"					F-48-69-C-a
cầu Đào Xá	KX	P. Phong Khê	TP. Bắc Ninh	21° 10' 28"	106° 02' 00"					F-48-69-C-a
cầu Xuân Ổ	KX	P. Phong Khê	TP. Bắc Ninh	21° 10' 01"	106° 02' 28"					F-48-69-C-a
đình Dương Ổ	KX	P. Phong Khê	TP. Bắc Ninh	21° 10' 07"	106° 01' 46"					F-48-69-C-a
đình Đào Xá	KX	P. Phong Khê	TP. Bắc Ninh	21° 10' 19"	106° 01' 59"					F-48-69-C-a
đường Nội Bài - Bắc Ninh	KX	P. Phong Khê	TP. Bắc Ninh			21° 12' 48"	105° 54' 49"	21° 09' 26"	106° 03' 14"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 286	KX	P. Phong Khê	TP. Bắc Ninh			21° 10' 55"	106° 03' 39"	21° 12' 04"	105° 54' 27"	F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Đường tỉnh 295B	KX	P. Phong Khê	TP. Bắc Ninh			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-69-C-a
sông Ngũ Huyện Khê	TV	P. Phong Khê	TP. Bắc Ninh			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-69-C-a
Khu phố 1	DC	P. Suối Hoa	TP. Bắc Ninh	21° 11' 18"	106° 04' 22"					F-48-69-C-a
Khu phố 2	DC	P. Suối Hoa	TP. Bắc Ninh	21° 11' 13"	106° 04' 10"					F-48-69-C-a
Khu phố 3	DC	P. Suối Hoa	TP. Bắc Ninh	21° 11' 02"	106° 04' 07"					F-48-69-C-a
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Suối Hoa	TP. Bắc Ninh			21° 11' 15"	106° 04' 34"	21° 10' 24"	106° 03' 36"	F-48-69-C-a
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Suối Hoa	TP. Bắc Ninh			21° 11' 39"	106° 04' 43"	21° 10' 45"	106° 03' 26"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 295B	KX	P. Suối Hoa	TP. Bắc Ninh			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-69-C-a
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Suối Hoa	TP. Bắc Ninh			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 10' 27"	106° 05' 05"	F-48-69-C-a
Quốc lộ 18	KX	P. Suối Hoa	TP. Bắc Ninh			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-C-a
UBND Tỉnh Bắc Ninh	KX	P. Suối Hoa	TP. Bắc Ninh	21° 11' 14"	106° 04' 28"					F-48-69-C-a
Khu phố 1	DC	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 42"	106° 04' 56"					F-48-69-C-a
Khu phố 2	DC	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 31"	106° 05' 07"					F-48-69-C-a
Khu phố 3	DC	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 37"	106° 05' 14"					F-48-69-C-a
Khu phố 4	DC	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 44"	106° 05' 27"					F-48-69-C-a
Khu phố 5	DC	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 55"	106° 05' 30"					F-48-69-C-a
Khu phố 6	DC	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 50"	106° 05' 06"					F-48-69-C-a
Khu phố 7	DC	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 46"	106° 04' 53"					F-48-69-C-a
Khu phố 8	DC	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 44"	106° 05' 16"					F-48-69-C-a
Công ty May Đáp Cầu	KX	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 49"	106° 05' 11"					F-48-69-C-a
Chùa Đèo	KX	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 39"	106° 04' 55"					F-48-69-C-a
đền Điều Sơn	KX	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 38"	106° 04' 55"					F-48-69-C-a
đường Lý Thường Kiệt	KX	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh			21° 11' 39"	106° 04' 43"	21° 12' 17"	106° 05' 21"	F-48-69-C-a
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh			21° 11' 39"	106° 04' 43"	21° 10' 45"	106° 03' 26"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 295B	KX	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-69-C-a
Quốc lộ 1	KX	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh			21° 12' 13"	106° 05' 52"	21° 05' 24"	105° 57' 28"	F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Trường Trung học phổ thông Hoàng Quốc Việt	KX	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 32"	106° 05' 03"					F-48-69-C-a
Viện Quân y 110	KX	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 56"	106° 05' 19"					F-48-69-C-a
Núi Dinh	SV	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 48"	106° 05' 18"					F-48-69-C-a
núi Điều Sơn	SV	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 33"	106° 04' 46"					F-48-69-C-a
núi Thiềm Sơn	SV	P. Thị Cầu	TP. Bắc Ninh	21° 11' 31"	106° 05' 20"					F-48-69-C-a
Khu phố 1	DC	P. Tiền An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 03"	106° 03' 49"					F-48-69-C-a
Khu phố 2	DC	P. Tiền An	TP. Bắc Ninh	21° 10' 59"	106° 03' 55"					F-48-69-C-a
Khu phố 3	DC	P. Tiền An	TP. Bắc Ninh	21° 10' 56"	106° 03' 48"					F-48-69-C-a
Khu phố 4	DC	P. Tiền An	TP. Bắc Ninh	21° 10' 54"	106° 03' 52"					F-48-69-C-a
Khu phố 5	DC	P. Tiền An	TP. Bắc Ninh	21° 10' 55"	106° 03' 42"					F-48-69-C-a
đền Trần Hưng Đạo	KX	P. Tiền An	TP. Bắc Ninh	21° 10' 50"	106° 03' 46"					F-48-69-C-a
đình Tân An	KX	P. Tiền An	TP. Bắc Ninh	21° 10' 59"	106° 03' 50"					F-48-69-C-a
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Tiền An	TP. Bắc Ninh			21° 11' 39"	106° 04' 43"	21° 10' 45"	106° 03' 26"	F-48-69-C-a
đường Nguyễn Du	KX	P. Tiền An	TP. Bắc Ninh			21° 10' 55"	106° 03' 39"	21° 10' 45"	106° 03' 26"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 295B	KX	P. Tiền An	TP. Bắc Ninh			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-69-C-a
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Tiền An	TP. Bắc Ninh			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 10' 27"	106° 05' 05"	F-48-69-C-a
Quốc lộ 18	KX	P. Tiền An	TP. Bắc Ninh			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-C-a
Toà giám mục Bắc Ninh	KX	P. Tiền An	TP. Bắc Ninh	21° 10' 52"	106° 03' 38"					F-48-69-C-a
khu phố Dương Xá 1	DC	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 57"	106° 02' 44"					F-48-69-C-a
khu phố Dương Xá 2	DC	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 38"	106° 02' 33"					F-48-69-C-a
khu phố Dương Xá 3	DC	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 48"	106° 02' 51"					F-48-69-C-a
khu phố Thụ Ninh	DC	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 34"	106° 03' 11"					F-48-69-C-a
khu phố Thượng Đồng	DC	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 54"	106° 02' 55"					F-48-69-C-a
khu phố Vạn Phúc	DC	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh	21° 12' 13"	106° 02' 16"					F-48-69-C-a
Chùa Lãm	KX	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 56"	106° 02' 58"					F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Thanh Lãng	KX	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 32"	106° 02' 31"					F-48-69-C-a
Di chỉ khảo cổ học Lò gốm Đường Xá	KX	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh	21° 12' 05"	106° 02' 48"					F-48-69-C-a
đình Thụ Ninh	KX	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 36"	106° 03' 20"					F-48-69-C-a
đình Thượng Đồng	KX	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 57"	106° 02' 59"					F-48-69-C-a
Đường tỉnh 286	KX	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh			21° 10' 55"	106° 03' 39"	21° 12' 04"	105° 54' 27"	F-48-69-C-a
Sông Cầu	TV	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-C-a
sông Ngũ Huyện Khê	TV	P. Vạn An	TP. Bắc Ninh			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-69-C-a
khu phố Chu Mầu	DC	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 09' 59"	106° 05' 40"					F-48-69-C-a
khu phố Hai Vân	DC	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 09' 42"	106° 05' 24"					F-48-69-C-a
khu phố Lâm Làng	DC	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 09' 01"	106° 06' 11"					F-48-69-C-a
khu phố Lâm Trại	DC	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 09' 14"	106° 05' 35"					F-48-69-C-a
khu phố Vân Trại	DC	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 09' 31"	106° 04' 38"					F-48-69-C-a
Công ty Liên doanh Kinh nội Việt - Nhật	KX	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 09' 46"	106° 06' 43"					F-48-69-C-a
Đền Cô	KX	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 10' 21"	106° 05' 40"					F-48-69-C-a
đền Vân Mầu	KX	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 10' 01"	106° 05' 25"					F-48-69-C-a
đình Lâm Dương	KX	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 09' 05"	106° 06' 04"					F-48-69-C-a
Khu công nghiệp Quế Võ	KX	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 09' 28"	106° 06' 27"					F-48-69-C-a
nghe Tứ Vị	KX	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 10' 02"	106° 05' 47"					F-48-69-C-a
nhà Cổ Trạch	KX	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 09' 43"	106° 05' 29"					F-48-69-C-a
Quốc lộ 18	KX	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-C-a
Núi Dạm	SV	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 08' 48"	106° 05' 55"					F-48-69-C-a
Núi Triều	SV	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 09' 10"	106° 04' 56"					F-48-69-C-a
Núi Vân	SV	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh	21° 09' 26"	106° 04' 40"					F-48-69-C-a
kênh Kim Đôi	TV	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh			21° 08' 24"	106° 05' 00"	21° 10' 15"	106° 05' 44"	F-48-69-C-a
kênh Kim Đôi - 9	TV	P. Vân Dương	TP. Bắc Ninh			21° 08' 45"	106° 07' 21"	21° 10' 15"	106° 05' 44"	F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
khu phố Cổng Hậu	DC	P. Vệ An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 14"	106° 03' 25"					F-48-69-C-a
khu phố Cổng Hữu	DC	P. Vệ An	TP. Bắc Ninh	21° 10' 59"	106° 03' 12"					F-48-69-C-a
khu phố Cổng Tả	DC	P. Vệ An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 10"	106° 03' 39"					F-48-69-C-a
khu phố Rạp Hát	DC	P. Vệ An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 01"	106° 03' 40"					F-48-69-C-a
Di tích lịch sử Thành Bắc Ninh	KX	P. Vệ An	TP. Bắc Ninh	21° 11' 04"	106° 03' 26"					F-48-69-C-a
Đường tỉnh 286	KX	P. Vệ An	TP. Bắc Ninh			21° 10' 55"	106° 03' 39"	21° 12' 04"	105° 54' 27"	F-48-69-C-a
khu phố Bồ Sơn	DC	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 10' 14"	106° 03' 35"					F-48-69-C-a
khu phố Hoà Đình	DC	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 10' 17"	106° 02' 55"					F-48-69-C-a
khu phố Khả Lễ	DC	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 09' 50"	106° 02' 57"					F-48-69-C-a
khu phố Xuân Ổ A	DC	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 09' 20"	106° 02' 04"					F-48-69-C-a
khu phố Xuân Ổ B	DC	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 09' 35"	106° 02' 16"					F-48-69-C-a
cầu Bồ Sơn	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 09' 46"	106° 03' 53"					F-48-69-C-a
cầu Khả Lễ	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 09' 30"	106° 03' 12"					F-48-69-C-a
cầu Xuân Ổ	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 10' 01"	106° 02' 28"					F-48-69-C-a
chùa Xuân Ổ A	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 09' 08"	106° 02' 17"					F-48-69-C-a
chùa Xuân Ổ B	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 09' 35"	106° 02' 13"					F-48-69-C-a
đền Hoà Đình	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 10' 16"	106° 02' 43"					F-48-69-C-a
đền Xuân Ổ A	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 09' 21"	106° 02' 21"					F-48-69-C-a
đình Bồ Sơn	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 10' 10"	106° 03' 26"					F-48-69-C-a
đình Hoà Đình	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 10' 15"	106° 02' 42"					F-48-69-C-a
đình Khả Lễ	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 09' 50"	106° 02' 52"					F-48-69-C-a
đình Xuân Ổ A	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 09' 08"	106° 02' 18"					F-48-69-C-a
đình Xuân Ổ B	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh	21° 09' 36"	106° 02' 13"					F-48-69-C-a
đường Hai Bà Trưng	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh			21° 09' 57"	106° 02' 30"	21° 08' 41"	106° 01' 02"	F-48-69-C-a
đường Lê Thái Tổ	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh			21° 10' 24"	106° 03' 36"	21° 10' 07"	106° 02' 40"	F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh			21° 11' 15"	106° 04' 34"	21° 10' 24"	106° 03' 36"	F-48-69-C-a
đường Nội Bài - Bắc Ninh	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh			21° 12' 48"	105° 54' 49"	21° 09' 26"	106° 03' 14"	F-48-69-C-a
đường Nguyễn Trãi	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh			21° 10' 45"	106° 03' 26"	21° 09' 52"	106° 03' 51"	F-48-69-C-a
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh			21° 10' 45"	106° 03' 26"	21° 09' 57"	106° 02' 30"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 295B	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-69-C-a
Quốc lộ 1	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh			21° 12' 13"	106° 05' 52"	21° 05' 24"	105° 57' 28"	F-48-69-C-a
Quốc lộ 38	KX	P. Võ Cường	TP. Bắc Ninh			21° 10' 45"	106° 03' 26"	20° 59' 43"	106° 07' 45"	F-48-69-C-a
khu phố Cô Mễ	DC	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 12' 10"	106° 04' 50"					F-48-69-C-a
khu phố Công Bình	DC	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 51"	106° 04' 41"					F-48-69-C-a
khu phố Đồng Trầm	DC	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 12' 19"	106° 05' 14"					F-48-69-C-a
khu phố Phúc Sơn	DC	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 56"	106° 04' 19"					F-48-69-C-a
khu phố Phương Vỹ	DC	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 14"	106° 05' 22"					F-48-69-C-a
khu phố Suối Hoa	DC	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 29"	106° 04' 33"					F-48-69-C-a
khu phố Thanh An	DC	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 11"	106° 04' 49"					F-48-69-C-a
khu phố Thanh Sơn	DC	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 23"	106° 04' 56"					F-48-69-C-a
chùa Cô Mễ	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 12' 00"	106° 04' 33"					F-48-69-C-a
chùa Phương Vỹ	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 12"	106° 05' 18"					F-48-69-C-a
chùa Thanh Sơn	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 19"	106° 04' 54"					F-48-69-C-a
đền Cô Mễ	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 12' 23"	106° 05' 01"					F-48-69-C-a
đền Thanh Sơn	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 18"	106° 04' 53"					F-48-69-C-a
đình Cô Mễ	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 12' 04"	106° 04' 47"					F-48-69-C-a
đình Phúc Sơn	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 53"	106° 04' 18"					F-48-69-C-a
đình Phương Vỹ	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 09"	106° 05' 22"					F-48-69-C-a
đình Thanh Sơn	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 13"	106° 05' 55"					F-48-69-C-a
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh			21° 11' 39"	106° 04' 43"	21° 10' 45"	106° 03' 26"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 295B	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Nhà máy Kính Đáp Cầu	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 12' 09"	106° 04' 37"					F-48-69-C-a
Quốc lộ 1	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh			21° 12' 13"	106° 05' 52"	21° 05' 24"	105° 57' 28"	F-48-69-C-a
Trung tâm Văn hoá Kinh Bắc	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 18"	106° 04' 37"					F-48-69-C-a
Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 26"	106° 05' 13"					F-48-69-C-a
Trường Đại học Kinh Bắc	KX	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 41"	106° 04' 18"					F-48-69-C-a
núi Điều Sơn	SV	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 33"	106° 04' 46"					F-48-69-C-a
núi Thiềm Sơn	SV	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh	21° 11' 31"	106° 05' 20"					F-48-69-C-a
Sông Cầu	TV	P. Vũ Ninh	TP. Bắc Ninh			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-C-a
thôn Đầu Hàn	DC	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 13' 03"	106° 04' 43"					F-48-69-C-a
thôn Hữu Cháp	DC	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 13' 14"	106° 03' 50"					F-48-69-C-a
thôn Quả Cầm	DC	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 12' 37"	106° 02' 54"					F-48-69-C-a
thôn Viêm Xá	DC	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 13' 00"	106° 02' 56"					F-48-69-C-a
thôn Xuân Ái	DC	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 12' 28"	106° 03' 34"					F-48-69-C-a
thôn Xuân Đồng	DC	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 12' 32"	106° 03' 18"					F-48-69-C-a
thôn Xuân Viên	DC	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 12' 09"	106° 02' 58"					F-48-69-C-a
chùa Đầu Hàn	KX	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 13' 06"	106° 04' 36"					F-48-69-C-a
chùa Kim Sơn	KX	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 12' 28"	106° 02' 43"					F-48-69-C-a
chùa Xuân Đồng	KX	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 12' 37"	106° 03' 12"					F-48-69-C-a
đền Đức Vua Bà	KX	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 12' 30"	106° 03' 00"					F-48-69-C-a
đình Đầu Hàn	KX	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 13' 05"	106° 04' 42"					F-48-69-C-a
đình Hữu Cháp	KX	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 13' 13"	106° 03' 35"					F-48-69-C-a
đình Quả Cầm	KX	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 12' 25"	106° 02' 50"					F-48-69-C-a
đình Xuân Ái	KX	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh	21° 12' 27"	106° 03' 29"					F-48-69-C-a
Sông Cầu	TV	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
sông Ngũ Huyện Khê	TV	xã Hòa Long	TP. Bắc Ninh			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-69-C-a
làng Tiến Sỹ	DC	xã Kim Chân	TP. Bắc Ninh	21° 11' 57"	106° 06' 30"					F-48-69-C-a
thôn Đạo Chân	DC	xã Kim Chân	TP. Bắc Ninh	21° 11' 12"	106° 05' 47"					F-48-69-C-a
thôn Kim Đồi	DC	xã Kim Chân	TP. Bắc Ninh	21° 11' 56"	106° 06' 35"					F-48-69-C-a
thôn Ngọc Đồi	DC	xã Kim Chân	TP. Bắc Ninh	21° 12' 04"	106° 06' 10"					F-48-69-C-a
thôn Phú Xuân	DC	xã Kim Chân	TP. Bắc Ninh	21° 11' 41"	106° 06' 29"					F-48-69-C-a
thôn Quỳnh Đồi	DC	xã Kim Chân	TP. Bắc Ninh	21° 11' 32"	106° 06' 32"					F-48-69-C-a
xóm Phúc Hoạch	DC	xã Kim Chân	TP. Bắc Ninh	21° 11' 32"	106° 05' 43"					F-48-69-C-a
Đường tỉnh 279	KX	xã Kim Chân	TP. Bắc Ninh			21° 12' 17"	106° 05' 20"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-a
Quốc lộ 1	KX	xã Kim Chân	TP. Bắc Ninh			21° 12' 13"	106° 05' 52"	21° 05' 24"	105° 57' 28"	F-48-69-C-a
Sông Cầu	TV	xã Kim Chân	TP. Bắc Ninh			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-C-a
thôn Đa Cầu	DC	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 51"	106° 06' 56"					F-48-69-C-a
thôn Đông Dương	DC	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 09"	106° 07' 36"					F-48-69-C-b
thôn Môn Tự	DC	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 31"	106° 06' 04"					F-48-69-C-a
thôn Sơn Đông	DC	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 42"	106° 06' 42"					F-48-69-C-a
thôn Sơn Nam	DC	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 18"	106° 06' 30"					F-48-69-C-a
thôn Sơn Trung	DC	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 45"	106° 05' 09"					F-48-69-C-a
thôn Tự Thôn	DC	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 34"	106° 05' 46"					F-48-69-C-a
thôn Thái Bảo	DC	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 52"	106° 06' 28"					F-48-69-C-a
thôn Triều Thôn	DC	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 09' 11"	106° 04' 49"					F-48-69-C-a
Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh	KX	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 09' 06"	106° 04' 29"					F-48-69-C-a
chùa Bách Tháp	KX	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 35"	106° 06' 53"					F-48-69-C-a
Chùa Dạm	KX	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 39"	106° 06' 01"					F-48-69-C-a
chùa Hàm Long	KX	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 45"	106° 06' 13"					F-48-69-C-a
đình Sơn Nam	KX	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 18"	106° 06' 32"					F-48-69-C-a
đình Thái Bảo	KX	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 55"	106° 06' 31"					F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Đình Triều	KX	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 09' 09"	106° 04' 50"					F-48-69-C-a
Khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh	KX	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 01"	106° 05' 11"					F-48-69-C-a
Khu công nghiệp Quế Võ	KX	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 09' 28"	106° 06' 27"					F-48-69-C-a
Quốc lộ 18	KX	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-C-a
Núi Chùa	SV	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 35"	106° 05' 29"					F-48-69-C-a
Núi Dạm	SV	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 48"	106° 05' 55"					F-48-69-C-a
Núi Gấu	SV	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 08' 30"	106° 07' 08"					F-48-69-C-a
Núi Rùa	SV	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 07' 57"	106° 06' 06"					F-48-69-C-a
Núi Triều	SV	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh	21° 09' 10"	106° 04' 56"					F-48-69-C-a
kênh Kim Đôi	TV	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh			21° 08' 24"	106° 05' 00"	21° 10' 15"	106° 05' 44"	F-48-69-C-a
kênh Kim Đôi - 9	TV	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh			21° 08' 45"	106° 07' 21"	21° 10' 15"	106° 05' 44"	F-48-69-C-a
Kênh Nam	TV	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-69-C-a, F-48-69-C-b
ngòi Con Tèn	TV	xã Nam Sơn	TP. Bắc Ninh			21° 08' 23"	106° 06' 06"	21° 05' 42"	106° 06' 52"	F-48-69-C-a
khu phố Đa Hội	DC	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 07' 29"	105° 55' 00"					F-48-68-D-d
khu phố Đa Vạn	DC	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 07' 17"	105° 55' 36"					F-48-68-D-d
khu phố Đồng Phúc	DC	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 07' 25"	105° 56' 09"					F-48-68-D-d
khu phố Song Tháp	DC	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 07' 09"	105° 55' 36"					F-48-68-D-d
khu phố Trịnh Nguyễn	DC	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 07' 08"	105° 55' 52"					F-48-68-D-d
khu phố Trịnh Xá	DC	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 06' 50"	105° 55' 51"					F-48-68-D-d
Cụm công nghiệp làng nghề Châu Khê	KX	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 07' 04"	105° 55' 26"					F-48-68-D-d
Chùa Tháp	KX	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 07' 05"	105° 55' 35"					F-48-68-D-d
chùa Trịnh Nguyễn	KX	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 07' 09"	105° 55' 45"					F-48-68-D-d
chùa Trịnh Xá	KX	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 06' 59"	105° 55' 52"					F-48-68-D-d
đền thờ Thuần Quận Công Trần Đức Huệ	KX	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 07' 26"	105° 55' 06"					F-48-68-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đền Trịnh Nguyễn	KX	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 07' 07"	105° 55' 54"					F-48-68-D-d
đền Trịnh Xá	KX	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 06' 57"	105° 55' 50"					F-48-68-D-d
đình Trịnh Nguyễn	KX	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 07' 07"	105° 55' 46"					F-48-68-D-d
đình Trịnh Xá	KX	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn	21° 06' 55"	105° 55' 49"					F-48-68-D-d
Kênh Bắc	TV	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn			21° 07' 16"	105° 55' 54"	21° 08' 11"	105° 55' 12"	F-48-68-D-b, F-48-68-D-d
Kênh Nam	TV	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-68-D-d
kênh tiêu Trịnh Xá	TV	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn			21° 07' 17"	105° 55' 56"	21° 05' 51"	106° 02' 17"	F-48-68-D-d
sông Ngũ Huyện Khê	TV	P. Châu Khê	TX. Từ Sơn			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-68-D-b, F-48-68-D-d
khu phố Ao Sen	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 42"	105° 57' 24"					F-48-68-D-d
khu phố Bà La	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 31"	105° 57' 18"					F-48-68-D-d
khu phố Cao Lâm	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 34"	105° 56' 56"					F-48-68-D-d
khu phố Chùa Dận	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 33"	105° 56' 22"					F-48-68-D-d
khu phố Đền Rồng	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 56"	105° 56' 15"					F-48-68-D-d
Khu phố Đình	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 38"	105° 56' 59"					F-48-68-D-d
Khu phố Hạ	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 39"	105° 57' 09"					F-48-68-D-d
khu phố Long Vỹ	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 30"	105° 56' 24"					F-48-68-D-d
khu phố Tân Lập	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 21"	105° 56' 09"					F-48-68-D-d
khu phố Tinh Cầu	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 35"	105° 56' 53"					F-48-68-D-d
khu phố Thịnh Lang	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 44"	105° 56' 51"					F-48-68-D-d
khu phố Thọ Môn	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 41"	105° 56' 59"					F-48-68-D-d
Khu phố Thượng	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 38"	105° 57' 18"					F-48-68-D-d
Khu phố Trầm	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 55"	105° 56' 42"					F-48-68-D-d
khu phố Trung Hoà	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 31"	105° 57' 04"					F-48-68-D-d
khu phố Xuân Đài	DC	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 29"	105° 56' 42"					F-48-68-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Cụm công nghiệp đa nghề Đình Bảng	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 08"	105° 56' 27"					F-48-68-D-d
Cụm công nghiệp Mã Ông Đình Bảng	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 32"	105° 56' 11"					F-48-68-D-d
Chùa Dận	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 36"	105° 56' 27"					F-48-68-D-d
chùa Kim Đài	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 33"	105° 56' 46"					F-48-68-D-d
Đền Đô	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 29"	105° 57' 30"					F-48-68-D-d
Đền Ròng	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 54"	105° 56' 14"					F-48-68-D-d
đình Đình Bảng	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 34"	105° 57' 00"					F-48-68-D-d
Đường tỉnh 277	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn			21° 14' 00"	105° 56' 37"	21° 04' 23"	105° 57' 59"	F-48-68-D-d
Đường tỉnh 295B	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-68-D-d
đường Trần Phú	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn			21° 07' 09"	105° 57' 29"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-68-D-d
Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 04' 41"	105° 58' 28"					F-48-68-D-d
lăng bà Lý Chiêu Hoàng	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 35"	105° 56' 21"					F-48-68-D-d
lăng bà Phạm Thị Ngà	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 21"	105° 56' 29"					F-48-68-D-d
lăng Nguyên phi Ỡ Lan	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 38"	105° 57' 37"					F-48-68-D-d
lăng vua Lý Anh Tông	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 38"	105° 57' 08"					F-48-68-D-d
lăng vua Lý Cao Tông	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 23"	105° 56' 36"					F-48-68-D-d
lăng vua Lý Huệ Tông	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 44"	105° 56' 17"					F-48-68-D-d
lăng vua Lý Nhân Tông	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 57"	105° 57' 21"					F-48-68-D-d
lăng vua Lý Thái Tổ	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 52"	105° 57' 10"					F-48-68-D-d
lăng vua Lý Thái Tông	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 44"	105° 57' 30"					F-48-68-D-d
lăng vua Lý Thánh Tông	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 44"	105° 57' 33"					F-48-68-D-d
lăng vua Lý Thần Tông	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 45"	105° 57' 11"					F-48-68-D-d
nhà cụ Đám Thi	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 39"	105° 56' 55"					F-48-68-D-d
Nhà máy Vật liệu chịu lửa Kiểm tính Việt Nam	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 05' 57"	105° 56' 10"					F-48-68-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Quốc lộ 1	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn			21° 12' 13"	106° 05' 52"	21° 05' 24"	105° 57' 28"	F-48-68-D-d
từ đường họ Nguyễn Thạc	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 32"	105° 57' 06"					F-48-68-D-d
Trường Cao đẳng Kinh Tế, Kỹ thuật và Thủy sản	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 15"	105° 56' 12"					F-48-68-D-d
Trường Đại học Khoa học và công nghệ Hà Nội	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 11"	105° 57' 29"					F-48-68-D-d
Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản I	KX	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn	21° 06' 15"	105° 56' 23"					F-48-68-D-d
Kênh Nam	TV	P. Đình Bảng	TX. Từ Sơn			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-68-D-d
khu phố Đại Đình	DC	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 08' 23"	105° 56' 30"					F-48-68-D-b
khu phố Đồng Tiến	DC	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 08' 17"	105° 56' 45"					F-48-68-D-b
Khu phố Nghè	DC	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 08' 29"	105° 56' 30"					F-48-68-D-b
khu phố Tân Thành	DC	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 08' 12"	105° 56' 24"					F-48-68-D-b
Khu phố Tư	DC	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 08' 23"	105° 56' 41"					F-48-68-D-b
khu phố Thanh Bình	DC	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 08' 12"	105° 56' 31"					F-48-68-D-b
khu phố Thanh Nhân	DC	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 08' 11"	105° 56' 40"					F-48-68-D-b
cầu Đồng Kỵ	KX	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 07' 47"	105° 57' 02"					F-48-68-D-b
Cụm công nghiệp làng nghề Đồng Quang	KX	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 07' 49"	105° 56' 40"					F-48-68-D-b
Cụm công nghiệp sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ Đồng Quang	KX	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 07' 56"	105° 56' 58"					F-48-68-D-b
chùa Đồng Kỵ	KX	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 08' 31"	105° 56' 25"					F-48-68-D-b
đền Đồng Kỵ	KX	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 08' 34"	105° 56' 31"					F-48-68-D-b
đình Đồng Kỵ	KX	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 08' 29"	105° 56' 23"					F-48-68-D-b
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn			21° 07' 09"	105° 57' 29"	21° 08' 39"	105° 55' 35"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 277	KX	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn			21° 14' 00"	105° 56' 37"	21° 04' 23"	105° 57' 59"	F-48-68-D-b
Trường Quản lý Kinh tế Công nghiệp Hưng Yên (chi nhánh phường Đồng Kỵ)	KX	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn	21° 07' 55"	105° 57' 11"					F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh tiêu Trịnh Xá	TV	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn			21° 07' 17"	105° 55' 56"	21° 05' 51"	106° 02' 17"	F-48-68-D-b
sông Ngũ Huyện Khê	TV	P. Đồng Kỵ	TX. Từ Sơn			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-68-D-b
khu phố Hoàng Quốc Việt	DC	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 07' 02"	105° 57' 44"					F-48-68-D-d
khu phố Lê Hồng Phong	DC	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 06' 57"	105° 57' 14"					F-48-68-D-d
khu phố Minh Khai	DC	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 07' 19"	105° 57' 48"					F-48-68-D-d
khu phố Phù Lưu	DC	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 06' 52"	105° 57' 38"					F-48-68-D-d
khu phố Trần Phú	DC	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 07' 08"	105° 57' 31"					F-48-68-D-d
khu phố Xuân Thụ	DC	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 07' 24"	105° 58' 03"					F-48-68-D-d
chùa Nguyễn Thụ	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 07' 18"	105° 57' 55"					F-48-68-D-d
chùa Phù Lưu	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 06' 55"	105° 57' 38"					F-48-68-D-d
đền Nguyễn Thụ	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 07' 18"	105° 57' 54"					F-48-68-D-d
đền Phù Lưu	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 06' 52"	105° 57' 33"					F-48-68-D-d
đình Phù Lưu	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 06' 55"	105° 57' 37"					F-48-68-D-d
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn			21° 07' 01"	105° 57' 14"	21° 05' 55"	105° 57' 55"	F-48-68-D-d
đường Lý Thánh Tông	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn			21° 07' 29"	105° 58' 04"	21° 06' 36"	105° 58' 55"	F-48-68-D-d
đường Minh Khai	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn			21° 07' 09"	105° 57' 49"	21° 08' 00"	105° 59' 37"	F-48-68-D-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn			21° 07' 22"	105° 57' 52"	21° 09' 55"	105° 57' 20"	F-48-68-D-d
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn			21° 07' 09"	105° 57' 29"	21° 08' 39"	105° 55' 35"	F-48-68-D-d
Đường tỉnh 277	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn			21° 14' 00"	105° 56' 37"	21° 04' 23"	105° 57' 59"	F-48-68-D-d
Đường tỉnh 287	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn			21° 07' 29"	105° 58' 04"	21° 06' 31"	106° 04' 36"	F-48-68-D-d
Đường tỉnh 295	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn			21° 13' 46"	105° 58' 40"	21° 07' 22"	105° 57' 52"	F-48-68-D-d
Đường tỉnh 295B	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-68-D-d
đường Trần Phú	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn			21° 07' 09"	105° 57' 29"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-68-D-d
ga Từ Sơn	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 07' 17"	105° 57' 39"					F-48-68-D-d
nhà thờ họ Chu Tam	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 06' 48"	105° 57' 40"					F-48-68-D-d
từ đường họ Hoàng	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 06' 52"	105° 57' 35"					F-48-68-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
văn chỉ Hương Hiền Từ	KX	P. Đông Ngàn	TX. Từ Sơn	21° 06' 56"	105° 57' 39"					F-48-68-D-d
khu phố 1 - Cẩm Giang	DC	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 51"	105° 58' 01"					F-48-68-D-b
khu phố 2 - Cẩm Giang	DC	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 47"	105° 57' 59"					F-48-68-D-b
khu phố 3 - Cẩm Giang	DC	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 44"	105° 57' 56"					F-48-68-D-b
khu phố 4 - Cẩm Giang	DC	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 39"	105° 57' 54"					F-48-68-D-b
khu phố 5 - Cẩm Giang	DC	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 54"	105° 57' 58"					F-48-68-D-b
khu phố 6 - Cẩm Giang	DC	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 37"	105° 57' 49"					F-48-68-D-b
khu phố Lễ Xuyên	DC	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 08' 08"	105° 58' 32"					F-48-68-D-b
Khu phố Mới	DC	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 32"	105° 58' 13"					F-48-68-D-b
khu phố Nguyễn Giáo	DC	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 33"	105° 57' 57"					F-48-68-D-b
khu phố Tam Lư	DC	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 22"	105° 58' 42"					F-48-68-D-d
khu phố Vĩnh Kiều 1	DC	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 42"	105° 58' 52"					F-48-68-D-b
khu phố Vĩnh Kiều 2	DC	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 50"	105° 58' 49"					F-48-68-D-b
khu phố Vĩnh Kiều 3	DC	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 56"	105° 58' 43"					F-48-68-D-b
Bệnh viện Đa khoa Thị xã Từ Sơn	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 28"	105° 58' 08"					F-48-68-D-b
cầu Chùa Chanh	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 08' 06"	105° 57' 40"					F-48-68-D-b
chùa Tam Lư	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 23"	105° 58' 48"					F-48-68-D-b
chùa Vĩnh Kiều	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 50"	105° 58' 47"					F-48-68-D-b
đền thờ Tiến sỹ Nguyễn Ngô Chung	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 57"	105° 58' 01"					F-48-68-D-b
đình Cẩm Giang	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 39"	105° 57' 49"					F-48-68-D-b
đình Lễ Xuyên	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 08' 09"	105° 58' 30"					F-48-68-D-b
đình Tam Lư	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 22"	105° 58' 47"					F-48-68-D-b
đình Vĩnh Kiều	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 49"	105° 58' 47"					F-48-68-D-b
đường Minh Khai	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn			21° 07' 09"	105° 57' 49"	21° 08' 00"	105° 59' 37"	F-48-68-D-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn			21° 07' 22"	105° 57' 52"	21° 09' 55"	105° 57' 20"	F-48-68-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Đường tỉnh 277	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn			21° 14' 00"	105° 56' 37"	21° 04' 23"	105° 57' 59"	F-48-68-D-d
Đường tỉnh 287	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn			21° 07' 29"	105° 58' 04"	21° 06' 31"	106° 04' 36"	F-48-68-D-d
Đường tỉnh 295	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn			21° 13' 46"	105° 58' 40"	21° 07' 22"	105° 57' 52"	F-48-68-D-b, F-48-68-D-d
Đường tỉnh 295B	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-68-D-b, F-48-68-D-d
nhà cụ Tú Ba	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 49"	105° 58' 06"					F-48-68-D-b
Trường Đại học Luật Hà Nội cơ sở 2	KX	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn	21° 07' 56"	105° 58' 21"					F-48-68-D-b
kênh tiêu Trịnh Xá	TV	P. Đồng Nguyên	TX. Từ Sơn			21° 07' 17"	105° 55' 56"	21° 05' 51"	106° 02' 17"	F-48-68-D-b
khu phố Dương Lôi	DC	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 06' 49"	105° 58' 29"					F-48-68-D-d
khu phố Đại Đình	DC	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 06' 10"	105° 57' 50"					F-48-68-D-d
khu phố Nội Trì	DC	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 06' 34"	105° 58' 07"					F-48-68-D-d
khu phố Trung Hoà	DC	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 06' 15"	105° 58' 42"					F-48-68-D-d
khu phố Yên Lã 1	DC	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 06' 54"	105° 58' 04"					F-48-68-D-d
khu phố Yên Lã 2	DC	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 07' 04"	105° 58' 11"					F-48-68-D-d
cầu Đồng Xép	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 06' 41"	105° 59' 05"					F-48-68-D-d
chùa Cổ Pháp	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 06' 19"	105° 57' 40"					F-48-68-D-d
chùa Dương Lôi	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 06' 50"	105° 58' 34"					F-48-68-D-d
chùa Yên Lã	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 07' 01"	105° 58' 08"					F-48-68-D-d
Đền Miếu	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 06' 37"	105° 58' 52"					F-48-68-D-d
đình Dương Lôi	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 06' 46"	105° 58' 36"					F-48-68-D-d
đình Đại Đình	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 06' 14"	105° 57' 47"					F-48-68-D-d
đình Yên Lã	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 07' 02"	105° 58' 05"					F-48-68-D-d
đường Lý Thái Tổ	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn			21° 07' 01"	105° 57' 14"	21° 05' 55"	105° 57' 55"	F-48-68-D-d
đường Lý Thánh Tông	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn			21° 07' 29"	105° 58' 04"	21° 06' 36"	105° 58' 55"	F-48-68-D-d
Đường tỉnh 277	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn			21° 14' 00"	105° 56' 37"	21° 04' 23"	105° 57' 59"	F-48-68-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Đường tỉnh 287	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn			21° 07' 29"	105° 58' 04"	21° 06' 31"	106° 04' 36"	F-48-68-D-d
Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 06' 21"	105° 59' 02"					F-48-68-D-d
Khu công nghiệp Tiên Sơn	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn	21° 06' 50"	105° 59' 09"					F-48-68-D-d
Quốc lộ 1	KX	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn			21° 12' 13"	106° 05' 52"	21° 05' 24"	105° 57' 28"	F-48-68-D-d
Kênh Nam	TV	P. Tân Hồng	TX. Từ Sơn			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-68-D-d
khu phố Bình Hạ	DC	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn	21° 07' 05"	105° 57' 01"					F-48-68-D-d
Khu phố Mới	DC	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn	21° 07' 42"	105° 57' 08"					F-48-68-D-b
khu phố Trang Liệt	DC	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn	21° 07' 21"	105° 56' 55"					F-48-68-D-d
cầu Đồng Kỵ	KX	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn	21° 07' 47"	105° 57' 02"					F-48-68-D-b
Cụm công nghiệp Dốc Sắt	KX	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn	21° 07' 16"	105° 57' 16"					F-48-68-D-d
Cụm công nghiệp ITD	KX	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn	21° 07' 42"	105° 56' 44"					F-48-68-D-b
đền Bình Hạ	KX	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn	21° 07' 01"	105° 56' 42"					F-48-68-D-d
đền Trang Liệt	KX	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn	21° 07' 23"	105° 56' 53"					F-48-68-D-d
đình Trang Liệt	KX	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn	21° 07' 24"	105° 56' 51"					F-48-68-D-d
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn			21° 07' 09"	105° 57' 29"	21° 08' 39"	105° 55' 35"	F-48-68-D-d
Đường tỉnh 277	KX	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn			21° 14' 00"	105° 56' 37"	21° 04' 23"	105° 57' 59"	F-48-68-D-b, F-48-68-D-d
Đường tỉnh 295B	KX	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-68-D-d
Khu công nghiệp HaNaKa	KX	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn	21° 07' 45"	105° 57' 17"					F-48-68-D-b
Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh	KX	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn	21° 07' 28"	105° 57' 03"					F-48-68-D-d
Trường Trung học phổ thông Từ Sơn	KX	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn	21° 07' 43"	105° 56' 52"					F-48-68-D-b
kênh tiêu Trịnh Xá	TV	P. Trang Hạ	TX. Từ Sơn			21° 07' 17"	105° 55' 56"	21° 05' 51"	106° 02' 17"	F-48-68-D-d
thôn Đồng Hương	DC	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 08' 44"	105° 56' 17"					F-48-68-D-b
thôn Hương Mạc	DC	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 21"	105° 55' 42"					F-48-68-D-b
thôn Kim Bảng	DC	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 08' 49"	105° 56' 34"					F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Kim Thiều	DC	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 13"	105° 55' 31"					F-48-68-D-b
thôn Mai Động	DC	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 17"	105° 56' 35"					F-48-68-D-b
thôn Vĩnh Thọ	DC	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 41"	105° 55' 49"					F-48-68-D-b
Chợ Me	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 23"	105° 55' 37"					F-48-68-D-b
chùa Đồng Hương	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 08' 51"	105° 56' 30"					F-48-68-D-b
chùa Kim Bảng	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 08' 43"	105° 56' 14"					F-48-68-D-b
đền thờ các Tiến sỹ họ Trần	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 07"	105° 55' 37"					F-48-68-D-b
đền thờ Đàm Công Hiệu	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 16"	105° 55' 42"					F-48-68-D-b
đền thờ Đàm Thận Huy	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 16"	105° 55' 35"					F-48-68-D-b
đền thờ Thám hoa Nguyễn Doãn Văn	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 12"	105° 55' 24"					F-48-68-D-b
đền thờ và phần mộ Hoàng giáp Đỗ Đại Uyên	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 25"	105° 55' 55"					F-48-68-D-b
đình Hương Mạc	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 22"	105° 55' 36"					F-48-68-D-b
đình Kim Bảng	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 08' 42"	105° 56' 13"					F-48-68-D-b
đình Kim Thiều	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 08"	105° 55' 33"					F-48-68-D-b
đình Mai Động	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 19"	105° 56' 28"					F-48-68-D-b
đình Vĩnh Thọ	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 40"	105° 55' 43"					F-48-68-D-b
Đường tỉnh 277	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn			21° 14' 00"	105° 56' 37"	21° 04' 23"	105° 57' 59"	F-48-68-D-b
lăng mộ Đàm Đình	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 08' 40"	105° 56' 17"					F-48-68-D-b
nhà thờ họ Đàm Công	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 08' 42"	105° 56' 14"					F-48-68-D-b
nhà thờ họ Đàm Đình Cư	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 19"	105° 55' 43"					F-48-68-D-b
nhà thờ họ Nguyễn Giản Thanh	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 19"	105° 55' 44"					F-48-68-D-b
nhà thờ họ Nguyễn Hữu	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 20"	105° 56' 35"					F-48-68-D-b
từ đường họ Nguyễn Chu	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 06"	105° 55' 39"					F-48-68-D-b
từ đường Tiến sỹ Vũ Công Dục	KX	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn	21° 09' 43"	105° 55' 48"					F-48-68-D-b
Ngôi Tó	TV	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn			21° 10' 10"	105° 54' 55"	21° 09' 43"	105° 57' 02"	F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
sông Ngũ Huyện Khê	TV	xã Hương Mạc	TX. Từ Sơn			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-68-D-b
thôn Dôi Sóc	DC	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn	21° 05' 34"	105° 58' 02"					F-48-68-D-d
thôn Phù Lộc	DC	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn	21° 05' 46"	105° 58' 25"					F-48-68-D-d
thôn Rích Gạo	DC	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn	21° 05' 20"	105° 58' 00"					F-48-68-D-d
Xóm Dôi	DC	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn	21° 05' 39"	105° 58' 04"					F-48-68-D-d
Xóm Miếu	DC	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn	21° 05' 51"	105° 58' 29"					F-48-68-D-d
Xóm Nội	DC	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn	21° 06' 03"	105° 58' 10"					F-48-68-D-d
Xóm Sông	DC	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn	21° 05' 47"	105° 58' 19"					F-48-68-D-d
đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính	KX	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn	21° 05' 09"	105° 57' 56"					F-48-68-D-d
Đình Keo	KX	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn	21° 05' 19"	105° 58' 04"					F-48-68-D-d
đình Phù Lộc	KX	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn	21° 05' 51"	105° 58' 33"					F-48-68-D-d
Đường tỉnh 277	KX	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn			21° 14' 00"	105° 56' 37"	21° 04' 23"	105° 57' 59"	F-48-68-D-d
Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh	KX	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn	21° 04' 41"	105° 58' 28"					F-48-68-D-d
lăng vua Lê Uy Mục	KX	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn	21° 05' 11"	105° 58' 01"					F-48-68-D-d
Quốc lộ 1	KX	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn			21° 12' 13"	106° 05' 52"	21° 05' 24"	105° 57' 28"	F-48-68-D-d
Kênh Nam	TV	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-68-D-d
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Phù Chẩn	TX. Từ Sơn			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-68-D-d
Thôn Đông	DC	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn	21° 08' 43"	105° 56' 03"					F-48-68-D-b
thôn Nghĩa Lập	DC	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn	21° 08' 10"	105° 55' 48"					F-48-68-D-b
thôn Tiến Bào	DC	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn	21° 08' 14"	105° 56' 06"					F-48-68-D-b
Thôn Thượng	DC	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn	21° 09' 00"	105° 55' 51"					F-48-68-D-b
chùa Vĩnh Lại	KX	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn	21° 08' 34"	105° 55' 57"					F-48-68-D-b
Đền thờ họ Nguyễn	KX	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn	21° 08' 54"	105° 55' 51"					F-48-68-D-b
đình Nghĩa Lập	KX	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn	21° 08' 11"	105° 55' 41"					F-48-68-D-b
đình Tiến Bào	KX	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn	21° 08' 14"	105° 56' 04"					F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn			21° 07' 09"	105° 57' 29"	21° 08' 39"	105° 55' 35"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 277	KX	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn			21° 14' 00"	105° 56' 37"	21° 04' 23"	105° 57' 59"	F-48-68-D-b
Nhà lưu niệm Đồng chí Nguyễn Văn Cừ	KX	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn	21° 08' 58"	105° 55' 46"					F-48-68-D-b
nhà thờ họ Nguyễn Bá	KX	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn	21° 08' 58"	105° 55' 51"					F-48-68-D-b
nhà thờ họ Nguyễn Ngô	KX	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn	21° 08' 48"	105° 55' 57"					F-48-68-D-b
nhà thờ họ Nguyễn Văn	KX	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn	21° 08' 13"	105° 55' 46"					F-48-68-D-b
Nhà thờ họ Phạm	KX	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn	21° 08' 14"	105° 56' 02"					F-48-68-D-b
Kênh Bắc	TV	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn			21° 07' 16"	105° 55' 54"	21° 08' 11"	105° 55' 12"	F-48-68-D-b
sông Ngũ Huyện Khê	TV	xã Phù Khê	TX. Từ Sơn			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-68-D-b
thôn Dương Sơn	DC	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 09' 01"	105° 57' 35"					F-48-68-D-b
thôn Phúc Tinh	DC	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 59"	105° 58' 55"					F-48-68-D-b
thôn Tam Sơn	DC	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 54"	105° 58' 31"					F-48-68-D-b
thôn Thọ Trai	DC	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 09' 44"	105° 57' 34"					F-48-68-D-b
Xóm Chi	DC	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 09' 07"	105° 57' 44"					F-48-68-D-b
Xóm Chúc	DC	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 09' 08"	105° 57' 30"					F-48-68-D-b
Xóm Đông	DC	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 49"	105° 58' 41"					F-48-68-D-b
Xóm Núi	DC	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 48"	105° 58' 17"					F-48-68-D-b
Xóm Ô	DC	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 09' 00"	105° 58' 32"					F-48-68-D-b
Xóm Tây	DC	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 09' 03"	105° 58' 23"					F-48-68-D-b
Xóm Tự	DC	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 56"	105° 57' 36"					F-48-68-D-b
Xóm Trước	DC	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 49"	105° 58' 34"					F-48-68-D-b
Xóm Xanh	DC	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 57"	105° 58' 36"					F-48-68-D-b
Cầu Nét	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 09' 55"	105° 57' 20"					F-48-68-D-b
Cụm công nghiệp Làng nghề Công nghệ cao Tam Sơn	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 49"	105° 57' 20"					F-48-68-D-b
chùa Cảm Ứng	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 42"	105° 58' 31"					F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Diên Phúc	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 49"	105° 58' 46"					F-48-68-D-b
Di tích lịch sử Khu lưu niệm Đồng chí Ngô Gia Tự	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 56"	105° 58' 33"					F-48-68-D-b
đền Thọ Trai	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 09' 42"	105° 57' 26"					F-48-68-D-b
đền thờ họ Ngô Nguyễn	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 51"	105° 58' 39"					F-48-68-D-b
đền thờ Tiết nghĩa Đại vương Nguyễn Tự Cường	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 41"	105° 58' 29"					F-48-68-D-b
đình Dương Sơn	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 09' 03"	105° 57' 35"					F-48-68-D-b
đình Phúc Tinh	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 57"	105° 58' 45"					F-48-68-D-b
đình Thọ Trai	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 09' 42"	105° 57' 35"					F-48-68-D-b
đường Ngô Gia Tự	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn			21° 07' 22"	105° 57' 52"	21° 09' 55"	105° 57' 20"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 295	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn			21° 13' 46"	105° 58' 40"	21° 07' 22"	105° 57' 52"	F-48-68-D-b
nhà thờ Quan thái y Vũ Viết Hiền	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 09' 06"	105° 57' 47"					F-48-68-D-b
Trường Cao đẳng Công nghệ Bắc Hà	KX	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 59"	105° 57' 19"					F-48-68-D-b
Núi Chùa	SV	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 42"	105° 58' 30"					F-48-68-D-b
Núi Trường	SV	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 47"	105° 58' 26"					F-48-68-D-b
Núi Vường	SV	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn	21° 08' 53"	105° 58' 19"					F-48-68-D-b
sông Ngũ Huyện Khê	TV	xã Tam Sơn	TX. Từ Sơn			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-68-D-b
thôn Hồi Quan	DC	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 53"	105° 59' 26"					F-48-68-D-b
thôn Hưng Phúc	DC	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 18"	105° 59' 15"					F-48-68-D-b
thôn Tà Xá	DC	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 18"	105° 59' 39"					F-48-68-D-b
thôn Tiêu Long	DC	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 08"	105° 59' 03"					F-48-68-D-b
thôn Tiêu Sơn	DC	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 09"	105° 59' 21"					F-48-68-D-b
thôn Tiêu Thượng	DC	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 12"	105° 58' 49"					F-48-68-D-b
chùa Tà Xá	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 21"	105° 59' 38"					F-48-68-D-b
Chùa Tiêu	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 19"	105° 58' 49"					F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đền thờ và phần mộ Tiến sỹ Nguyễn Văn Huy	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 08"	105° 58' 54"					F-48-68-D-b
đình Hồi Quan	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 51"	105° 59' 30"					F-48-68-D-b
đình Hưng Phúc	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 22"	105° 59' 24"					F-48-68-D-b
đình Tiêu Long	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 13"	105° 59' 03"					F-48-68-D-b
đình Tiêu Sơn	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 08"	105° 59' 27"					F-48-68-D-b
đình Tiêu Thượng	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 12"	105° 58' 48"					F-48-68-D-b
đường Minh Khai	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn			21° 07' 09"	105° 57' 49"	21° 08' 00"	105° 59' 37"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 295B	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-68-D-b
Khu công nghiệp làng nghề Hồi quan	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 47"	105° 59' 11"					F-48-68-D-b
Khu công nghiệp Tiên Sơn	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 06' 50"	105° 59' 09"					F-48-68-D-b
miếu thờ Tướng quân Lý Suý	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 12"	105° 59' 25"					F-48-68-D-b
từ đường họ Nguyễn Cảnh	KX	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 18"	105° 59' 26"					F-48-68-D-b
Núi Tiêu	SV	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn	21° 08' 18"	105° 58' 51"					F-48-68-D-b
kênh tiêu Phú Lâm	TV	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn			21° 09' 41"	106° 00' 10"	21° 08' 22"	105° 58' 37"	F-48-68-D-b
kênh tiêu Trịnh Xá	TV	xã Tương Giang	TX. Từ Sơn			21° 07' 17"	105° 55' 56"	21° 05' 51"	106° 02' 17"	F-48-68-D-b
thôn Đông Bình	DC	TT. Gia Bình	H. Gia Bình	21° 03' 20"	106° 11' 09"					F-48-69-C-d
thôn Hương Vinh	DC	TT. Gia Bình	H. Gia Bình	21° 03' 43"	106° 10' 28"					F-48-69-C-d
thôn Nội Phú	DC	TT. Gia Bình	H. Gia Bình	21° 03' 25"	106° 10' 12"					F-48-69-C-d
thôn Phú Ninh	DC	TT. Gia Bình	H. Gia Bình	21° 03' 11"	106° 10' 31"					F-48-69-C-d
thôn Song Quỳnh	DC	TT. Gia Bình	H. Gia Bình	21° 03' 10"	106° 09' 55"					F-48-69-C-d
chùa Hương Vinh	KX	TT. Gia Bình	H. Gia Bình	21° 03' 39"	106° 10' 31"					F-48-69-C-d
đình Hương Vinh	KX	TT. Gia Bình	H. Gia Bình	21° 03' 38"	106° 10' 31"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 280	KX	TT. Gia Bình	H. Gia Bình			21° 04' 04"	106° 05' 36"	20° 58' 14"	106° 09' 55"	F-48-69-C-d
nhà thờ họ Hoàng Đình	KX	TT. Gia Bình	H. Gia Bình	21° 03' 23"	106° 11' 14"					F-48-69-C-d
Quốc lộ 17	KX	TT. Gia Bình	H. Gia Bình			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Trường Trung học phổ thông Lê Văn Thịnh	KX	TT. Gia Bình	H. Gia Bình	21° 03' 43"	106° 10' 15"					F-48-69-C-d
Kênh Bắc	TV	TT. Gia Bình	H. Gia Bình			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-d
Thôn Bùng	DC	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 05' 33"	106° 14' 40"					F-48-69-C-d
Thôn Địa	DC	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 04' 27"	106° 14' 55"					F-48-69-D-c
thôn Gia Phú	DC	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 04' 11"	106° 15' 13"					F-48-69-C-d, F-48-69-D-c
thôn Phương Độ	DC	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 04' 42"	106° 15' 53"					F-48-69-D-c
xóm Bùng Hạ	DC	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 05' 11"	106° 15' 09"					F-48-69-D-c
xóm Địa Trên	DC	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 04' 29"	106° 14' 41"					F-48-69-C-d
chùa Gia Linh Tự	KX	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 04' 07"	106° 14' 52"					F-48-69-C-d
chùa Quang Linh	KX	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 04' 29"	106° 14' 54"					F-48-69-C-d
đền Cô Nương	KX	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 03' 47"	106° 15' 11"					F-48-69-D-c
đền Côn Nương	KX	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 05' 16"	106° 14' 47"					F-48-69-C-d
Đình Địa	KX	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 04' 31"	106° 14' 58"					F-48-69-C-d
Đình Đông (Gia Phú)	KX	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 04' 17"	106° 15' 14"					F-48-69-D-c
đình Phương Độ	KX	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 04' 36"	106° 15' 45"					F-48-69-D-c
Đình Tây	KX	xã Bình Dương	H. Gia Bình	21° 04' 13"	106° 15' 09"					F-48-69-D-c
Quốc lộ 17	KX	xã Bình Dương	H. Gia Bình			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-d, F-48-69-D-c
Sông Ngụ	TV	xã Bình Dương	H. Gia Bình			21° 02' 46"	106° 08' 52"	21° 03' 41"	106° 15' 19"	F-48-69-C-d, F-48-69-D-c
thôn Đình Than	DC	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 05' 40"	106° 16' 46"					F-48-69-D-c
Thôn Gồm	DC	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 05' 48"	106° 16' 45"					F-48-69-D-c
thôn Kênh Phở	DC	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 04' 47"	106° 16' 51"					F-48-69-D-c
Thôn Lớ	DC	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 05' 55"	106° 16' 46"					F-48-69-D-c
thôn Mỹ Lộc	DC	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 04' 13"	106° 17' 37"					F-48-69-D-c
thôn Tân Tiến	DC	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 05' 31"	106° 17' 03"					F-48-69-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Trại Than	DC	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 05' 25"	106° 16' 47"					F-48-69-D-c
thôn Văn Than	DC	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 05' 15"	106° 16' 26"					F-48-69-D-c
chùa Hồng Ân	KX	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 05' 29"	106° 16' 42"					F-48-69-D-c
chùa Thánh Ân	KX	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 05' 01"	106° 16' 53"					F-48-69-D-c
đền Cao Lỗ Vương	KX	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 05' 56"	106° 16' 52"					F-48-69-D-c
đền Tam Phủ - Bãi Nguyệt Bàn	KX	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 06' 12"	106° 17' 28"					F-48-69-D-c
đình Bình Than	KX	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 05' 33"	106° 16' 44"					F-48-69-D-c
Đình Gốm	KX	xã Cao Đức	H. Gia Bình	21° 05' 42"	106° 16' 43"					F-48-69-D-c
Đường tỉnh 282	KX	xã Cao Đức	H. Gia Bình			21° 05' 07"	106° 15' 30"	21° 05' 16"	106° 16' 51"	F-48-69-D-c
Kênh Bắc	TV	xã Cao Đức	H. Gia Bình			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-D-c
Sông Đuống	TV	xã Cao Đức	H. Gia Bình			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-D-c
sông Thái Bình	TV	xã Cao Đức	H. Gia Bình			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 59' 34"	106° 16' 15"	F-48-69-D-c
thôn Đại Bái	DC	xã Đại Bái	H. Gia Bình	21° 02' 34"	106° 08' 49"					F-48-69-C-d
thôn Đoan Bái	DC	xã Đại Bái	H. Gia Bình	21° 03' 01"	106° 08' 32"					F-48-69-C-d
thôn Ngọc Xuyên	DC	xã Đại Bái	H. Gia Bình	21° 03' 13"	106° 08' 46"					F-48-69-C-d
xóm Làng Mới	DC	xã Đại Bái	H. Gia Bình	21° 01' 31"	106° 09' 05"					F-48-69-C-d
Cụm công nghiệp làng nghề Đại Bái	KX	xã Đại Bái	H. Gia Bình	21° 02' 52"	106° 08' 24"					F-48-69-C-d
chùa Đại Bái	KX	xã Đại Bái	H. Gia Bình	21° 02' 35"	106° 08' 41"					F-48-69-C-d
chùa Đoan Bái	KX	xã Đại Bái	H. Gia Bình	21° 02' 59"	106° 08' 45"					F-48-69-C-d
chùa Ngọc Xuyên	KX	xã Đại Bái	H. Gia Bình	21° 03' 09"	106° 08' 47"					F-48-69-C-d
đình Diên Lộc	KX	xã Đại Bái	H. Gia Bình	21° 02' 36"	106° 08' 34"					F-48-69-C-d
đình Đoan Bái	KX	xã Đại Bái	H. Gia Bình	21° 02' 59"	106° 08' 39"					F-48-69-C-d
đình Ngọc Xuyên	KX	xã Đại Bái	H. Gia Bình	21° 03' 11"	106° 08' 47"					F-48-69-C-d
đình Văn Lăng	KX	xã Đại Bái	H. Gia Bình	21° 02' 38"	106° 08' 37"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 284	KX	xã Đại Bái	H. Gia Bình			21° 04' 39"	106° 08' 01"	20° 59' 24"	106° 15' 49"	F-48-69-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
lăng Ông tổ nghề gò đồng	KX	xã Đại Bái	H. Gia Bình	21° 02' 17"	106° 09' 01"					F-48-69-C-d
Quốc lộ 17	KX	xã Đại Bái	H. Gia Bình			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-d
kênh tiêu Đông Côi Đại Quảng Bình	TV	xã Đại Bái	H. Gia Bình			21° 03' 00"	106° 02' 54"	21° 02' 39"	106° 08' 25"	F-48-69-C-d
sông Đại Quảng Bình	TV	xã Đại Bái	H. Gia Bình			21° 02' 34"	106° 08' 30"	20° 59' 45"	106° 09' 39"	F-48-69-C-d
Sông Ngụ	TV	xã Đại Bái	H. Gia Bình			21° 02' 46"	106° 08' 52"	21° 03' 41"	106° 15' 19"	F-48-69-C-d
Áp Lai	DC	xã Đại Lai	H. Gia Bình	21° 04' 59"	106° 12' 49"					F-48-69-C-d
thôn Đại Lai	DC	xã Đại Lai	H. Gia Bình	21° 05' 27"	106° 12' 08"					F-48-69-C-d
thôn Huề Đông	DC	xã Đại Lai	H. Gia Bình	21° 05' 51"	106° 13' 07"					F-48-69-C-d
thôn Phương Triện	DC	xã Đại Lai	H. Gia Bình	21° 04' 54"	106° 13' 18"					F-48-69-C-d
thôn Trung Thành	DC	xã Đại Lai	H. Gia Bình	21° 05' 30"	106° 12' 43"					F-48-69-C-d
chùa Ngọc Hoàng	KX	xã Đại Lai	H. Gia Bình	21° 05' 28"	106° 12' 21"					F-48-69-C-d
chùa Phúc Linh	KX	xã Đại Lai	H. Gia Bình	21° 05' 29"	106° 12' 35"					F-48-69-C-d
chùa Phương Triện	KX	xã Đại Lai	H. Gia Bình	21° 04' 58"	106° 13' 23"					F-48-69-C-d
đền Lệ Chi Viên	KX	xã Đại Lai	H. Gia Bình	21° 05' 16"	106° 11' 57"					F-48-69-C-d
đình Huề Đông	KX	xã Đại Lai	H. Gia Bình	21° 05' 57"	106° 13' 16"					F-48-69-C-d
đình Phương Triện	KX	xã Đại Lai	H. Gia Bình	21° 04' 55"	106° 13' 23"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 285	KX	xã Đại Lai	H. Gia Bình			21° 08' 22"	106° 10' 32"	21° 00' 45"	106° 16' 25"	F-48-69-C-d
nhà thờ họ Trần Danh	KX	xã Đại Lai	H. Gia Bình	21° 04' 53"	106° 13' 20"					F-48-69-C-d
Kênh Bắc	TV	xã Đại Lai	H. Gia Bình			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-d
Sông Đoàn	TV	xã Đại Lai	H. Gia Bình			21° 04' 59"	106° 13' 28"	21° 03' 46"	106° 13' 29"	F-48-69-C-d
Sông Đuống	TV	xã Đại Lai	H. Gia Bình			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-d
Sông Lai	TV	xã Đại Lai	H. Gia Bình			21° 05' 08"	106° 09' 56"	21° 05' 39"	106° 11' 35"	F-48-69-C-d
thôn Bảo Tháp	DC	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 10"	106° 09' 57"					F-48-69-C-d
thôn Cứu Sơn	DC	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 08"	106° 09' 03"					F-48-69-C-d
thôn Đông Cao	DC	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 27"	106° 10' 17"					F-48-69-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Hiệp Sơn	DC	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 33"	106° 09' 48"					F-48-69-C-d
thôn Nghĩa Thắng	DC	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 00"	106° 10' 23"					F-48-69-C-d
thôn Yên Việt	DC	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 00"	106° 09' 38"					F-48-69-C-d
chùa Bảo Tháp	KX	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 23"	106° 10' 02"					F-48-69-C-d
chùa Đông Cao	KX	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 26"	106° 10' 10"					F-48-69-C-d
đền Doãn Công và Đào Nương	KX	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 18"	106° 10' 09"					F-48-69-C-d
đền thờ Lê Văn Thịnh	KX	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 23"	106° 10' 00"					F-48-69-C-d
đình Bảo Tháp	KX	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 18"	106° 10' 06"					F-48-69-C-d
đình Cứu Sơn	KX	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 07"	106° 08' 57"					F-48-69-C-d
đình Yên Việt	KX	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 01"	106° 09' 37"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 280	KX	xã Đông Cứu	H. Gia Bình			21° 04' 04"	106° 05' 36"	20° 58' 14"	106° 09' 55"	F-48-69-C-d
Khu du lịch sinh thái Thiên Thai	KX	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 12"	106° 09' 42"					F-48-69-C-d
núi Đình Quan	SV	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 13"	106° 09' 55"					F-48-69-C-d
núi Thiên Thai	SV	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 28"	106° 10' 00"					F-48-69-C-d
Núi Thiêng	SV	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 26"	106° 09' 44"					F-48-69-C-d
núi Trại Hương	SV	xã Đông Cứu	H. Gia Bình	21° 04' 04"	106° 09' 26"					F-48-69-C-d
Kênh Bắc	TV	xã Đông Cứu	H. Gia Bình			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-d
Sông Lai	TV	xã Đông Cứu	H. Gia Bình			21° 05' 08"	106° 09' 56"	21° 05' 39"	106° 11' 35"	F-48-69-C-d
thôn Cổ Thiết	DC	xã Giang Sơn	H. Gia Bình	21° 05' 48"	106° 08' 49"					F-48-69-C-d
thôn Du Trảng	DC	xã Giang Sơn	H. Gia Bình	21° 05' 05"	106° 09' 24"					F-48-69-C-d
thôn Hữu Ái	DC	xã Giang Sơn	H. Gia Bình	21° 05' 38"	106° 10' 33"					F-48-69-C-d
thôn Tiêu Xá	DC	xã Giang Sơn	H. Gia Bình	21° 06' 15"	106° 09' 25"					F-48-69-C-d
Xóm Tía	DC	xã Giang Sơn	H. Gia Bình	21° 06' 24"	106° 10' 02"					F-48-69-C-d
xóm Thái Bình	DC	xã Giang Sơn	H. Gia Bình	21° 06' 05"	106° 10' 37"					F-48-69-C-d
đền Du Trảng	KX	xã Giang Sơn	H. Gia Bình	21° 04' 45"	106° 09' 13"					F-48-69-C-d
Sông Đuống	TV	xã Giang Sơn	H. Gia Bình			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Sông Lai	TV	xã Giang Sơn	H. Gia Bình			21° 05' 08"	106° 09' 56"	21° 05' 39"	106° 11' 35"	F-48-69-C-d
Phổ Núi	DC	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 29"	106° 09' 23"					F-48-69-C-d
thôn An Quang	DC	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 36"	106° 09' 03"					F-48-69-C-d
thôn Môn Quảng	DC	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 32"	106° 08' 35"					F-48-69-C-d
thôn Ngâm Lương	DC	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 16"	106° 08' 00"					F-48-69-C-d
thôn Ngâm Mạc	DC	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 49"	106° 09' 04"					F-48-69-C-d
thôn Ngọc Tinh	DC	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 32"	106° 08' 05"					F-48-69-C-d
Di tích lịch sử văn hoá Bia đá chùa Tĩnh Lự	KX	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 36"	106° 09' 11"					F-48-69-C-d
đình An Quang	KX	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 34"	106° 09' 05"					F-48-69-C-d
đình Môn Quảng	KX	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 34"	106° 08' 31"					F-48-69-C-d
đình Ngâm Lương	KX	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 06"	106° 08' 02"					F-48-69-C-d
Đò Ngâm	KX	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 46"	106° 07' 51"					F-48-69-C-d
đường tỉnh 280	KX	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình			21° 04' 04"	106° 05' 36"	20° 58' 14"	106° 09' 55"	F-48-69-C-d
Đường tỉnh 284	KX	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình			21° 04' 39"	106° 08' 01"	20° 59' 24"	106° 15' 49"	F-48-69-C-d
Núi Đồn	SV	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 37"	106° 09' 10"					F-48-69-C-d
núi Đồng Chằm	SV	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 25"	106° 09' 20"					F-48-69-C-d
núi Ngâm Mạc	SV	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình	21° 04' 59"	106° 09' 12"					F-48-69-C-d
Kênh Bắc	TV	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-d
Sông Đuống	TV	xã Lãng Ngâm	H. Gia Bình			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-d
thôn Cẩm Xá	DC	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình	21° 04' 10"	106° 14' 31"					F-48-69-C-d
thôn Cầu Đào	DC	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình	21° 03' 46"	106° 13' 54"					F-48-69-C-d
thôn Hương Triện	DC	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình	21° 04' 15"	106° 13' 21"					F-48-69-C-d
thôn Khoái Khê	DC	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình	21° 03' 41"	106° 13' 11"					F-48-69-C-d
thôn Lê Lợi	DC	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình	21° 04' 03"	106° 14' 07"					F-48-69-C-d
thôn Ngô Cương	DC	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình	21° 04' 50"	106° 14' 22"					F-48-69-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Nhân Hữu	DC	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình	21° 04' 06"	106° 13' 39"					F-48-69-C-d
xóm Khoai Ngoài	DC	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình	21° 03' 42"	106° 12' 49"					F-48-69-C-d
xóm Trại Đoàn	DC	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình	21° 04' 24"	106° 14' 07"					F-48-69-C-d
Đền Ngụ	KX	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình	21° 03' 53"	106° 13' 39"					F-48-69-C-d
đình Cẩm Xá	KX	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình	21° 04' 06"	106° 14' 36"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 285	KX	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình			21° 08' 22"	106° 10' 32"	21° 00' 45"	106° 16' 25"	F-48-69-C-d
nhà thờ họ Nguyễn Đăng Sở	KX	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình	21° 04' 10"	106° 13' 13"					F-48-69-C-d
Quốc lộ 17	KX	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-d
Sông Đoàn	TV	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình			21° 04' 59"	106° 13' 28"	21° 03' 46"	106° 13' 29"	F-48-69-C-d
Sông Ngụ	TV	xã Nhân Thắng	H. Gia Bình			21° 02' 46"	106° 08' 52"	21° 03' 41"	106° 15' 19"	F-48-69-C-d
thôn Đỗ Xá	DC	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình	21° 01' 59"	106° 10' 54"					F-48-69-C-d
thôn Đồng Lâm	DC	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình	21° 02' 30"	106° 12' 23"					F-48-69-C-d
thôn Lương Pháp	DC	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình	21° 02' 33"	106° 10' 36"					F-48-69-C-d
thôn Phú Dư	DC	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình	21° 01' 16"	106° 10' 46"					F-48-69-C-d
thôn Quỳnh Bội	DC	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình	21° 02' 49"	106° 10' 04"					F-48-69-C-d
thôn Thủ Pháp	DC	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình	21° 02' 27"	106° 10' 55"					F-48-69-C-d
Cầu Móng	KX	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình	21° 02' 24"	106° 11' 20"					F-48-69-C-d
chùa Bảo Phúc	KX	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình	21° 02' 22"	106° 12' 11"					F-48-69-C-d
đình Phú Dư	KX	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình	21° 01' 30"	106° 10' 38"					F-48-69-C-d
đình Thủ Pháp	KX	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình	21° 02' 32"	106° 10' 56"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 280	KX	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình			21° 04' 04"	106° 05' 36"	20° 58' 14"	106° 09' 55"	F-48-69-C-d
Đường tỉnh 284	KX	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình			21° 04' 39"	106° 08' 01"	20° 59' 24"	106° 15' 49"	F-48-69-C-d
Sông Ngụ	TV	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình			21° 02' 46"	106° 08' 52"	21° 03' 41"	106° 15' 19"	F-48-69-C-d
Sông Văn	TV	xã Quỳnh Phú	H. Gia Bình			21° 03' 04"	106° 12' 40"	21° 02' 06"	106° 12' 30"	F-48-69-C-d
thôn Chi Nhị	DC	xã Song Giang	H. Gia Bình	21° 05' 25"	106° 11' 05"					F-48-69-C-d
thôn Ích Phú	DC	xã Song Giang	H. Gia Bình	21° 05' 07"	106° 10' 34"					F-48-69-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Lập Ái	DC	xã Song Giang	H. Gia Bình	21° 05' 24"	106° 10' 00"					F-48-69-C-d
thôn Từ Ái	DC	xã Song Giang	H. Gia Bình	21° 05' 12"	106° 10' 22"					F-48-69-C-d
xóm Trại Đồng	DC	xã Song Giang	H. Gia Bình	21° 05' 40"	106° 11' 01"					F-48-69-C-d
đền Lập Ái	KX	xã Song Giang	H. Gia Bình	21° 05' 19"	106° 09' 46"					F-48-69-C-d
nghe Chi Nhị	KX	xã Song Giang	H. Gia Bình	21° 05' 19"	106° 11' 04"					F-48-69-C-d
Sông Đuống	TV	xã Song Giang	H. Gia Bình			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-d
Sông Lai	TV	xã Song Giang	H. Gia Bình			21° 05' 08"	106° 09' 56"	21° 05' 39"	106° 11' 35"	F-48-69-C-d
thôn Bảo Ngọc	DC	xã Thái Bảo	H. Gia Bình	21° 05' 06"	106° 13' 50"					F-48-69-C-d
thôn Tân Hương	DC	xã Thái Bảo	H. Gia Bình	21° 05' 53"	106° 13' 46"					F-48-69-C-d
thôn Thiên Đức	DC	xã Thái Bảo	H. Gia Bình	21° 06' 08"	106° 14' 33"					F-48-69-C-d
thôn Vạn Ty	DC	xã Thái Bảo	H. Gia Bình	21° 05' 58"	106° 14' 00"					F-48-69-C-d
chùa Đại Bi	KX	xã Thái Bảo	H. Gia Bình	21° 06' 08"	106° 13' 52"					F-48-69-C-d
đình Đạo Viện	KX	xã Thái Bảo	H. Gia Bình	21° 06' 09"	106° 14' 20"					F-48-69-C-d
đình Vạn Tài	KX	xã Thái Bảo	H. Gia Bình	21° 06' 14"	106° 14' 29"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 285	KX	xã Thái Bảo	H. Gia Bình			21° 08' 22"	106° 10' 32"	21° 00' 45"	106° 16' 25"	F-48-69-C-d
lăng Hoàng Quận Công	KX	xã Thái Bảo	H. Gia Bình	21° 05' 15"	106° 13' 57"					F-48-69-C-d
từ đường họ Hoàng Quận Công	KX	xã Thái Bảo	H. Gia Bình	21° 05' 15"	106° 13' 55"					F-48-69-C-d
Kênh Bắc	TV	xã Thái Bảo	H. Gia Bình			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-d
Sông Đuống	TV	xã Thái Bảo	H. Gia Bình			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-d
thôn Cao Thọ	DC	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 05' 41"	106° 15' 33"					F-48-69-D-c
thôn Chính Thượng	DC	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 06' 27"	106° 15' 09"					F-48-69-D-c
thôn Tiểu Than	DC	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 06' 07"	106° 16' 06"					F-48-69-D-c
thôn Thọ Ninh	DC	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 06' 12"	106° 15' 49"					F-48-69-D-c
thôn Xuân Dương	DC	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 06' 22"	106° 15' 35"					F-48-69-D-c
cầu Bình Than	KX	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 06' 55"	106° 14' 46"					F-48-69-C-d
Đền Dinh	KX	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 06' 29"	106° 15' 28"					F-48-69-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đình Bà Dương	KX	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 06' 28"	106° 15' 36"					F-48-69-D-c
đình Cao Thọ	KX	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 05' 40"	106° 15' 35"					F-48-69-D-c
Đình Chính	KX	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 06' 24"	106° 15' 12"					F-48-69-D-c
đình Tiểu Than	KX	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 06' 11"	106° 16' 05"					F-48-69-D-c
đình Thọ Ninh	KX	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 06' 15"	106° 15' 46"					F-48-69-D-c
Đường tỉnh 282	KX	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình			21° 05' 07"	106° 15' 30"	21° 05' 16"	106° 16' 51"	F-48-69-D-c
lăng mộ Cao Lỗ Vương	KX	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 06' 11"	106° 16' 17"					F-48-69-D-c
Nhà máy Gạch Tuynel Cao Đức	KX	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình	21° 05' 06"	106° 15' 52"					F-48-69-D-c
Quốc lộ 17	KX	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-d
Kênh Bắc	TV	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-d, F-48-69-D-c
Sông Đuống	TV	xã Vạn Ninh	H. Gia Bình			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-d, F-48-69-D-c
thôn Đại Lộc	DC	xã Xuân Lai	H. Gia Bình	21° 03' 53"	106° 11' 51"					F-48-69-C-d
thôn Định Cương	DC	xã Xuân Lai	H. Gia Bình	21° 03' 39"	106° 12' 26"					F-48-69-C-d
thôn Định Mỗ	DC	xã Xuân Lai	H. Gia Bình	21° 03' 30"	106° 11' 30"					F-48-69-C-d
thôn Mỹ Thôn	DC	xã Xuân Lai	H. Gia Bình	21° 02' 37"	106° 11' 56"					F-48-69-C-d
thôn Ngô Thôn	DC	xã Xuân Lai	H. Gia Bình	21° 03' 14"	106° 12' 35"					F-48-69-C-d
thôn Phú Thọ	DC	xã Xuân Lai	H. Gia Bình	21° 04' 01"	106° 10' 59"					F-48-69-C-d
thôn Phúc Lai	DC	xã Xuân Lai	H. Gia Bình	21° 04' 31"	106° 11' 19"					F-48-69-C-d
thôn Vàng Thôn	DC	xã Xuân Lai	H. Gia Bình	21° 03' 44"	106° 12' 06"					F-48-69-C-d
thôn Xuân Lai	DC	xã Xuân Lai	H. Gia Bình	21° 04' 43"	106° 11' 50"					F-48-69-C-d
đình Định Mỗ	KX	xã Xuân Lai	H. Gia Bình	21° 03' 32"	106° 11' 26"					F-48-69-C-d
đình Mỹ Thôn	KX	xã Xuân Lai	H. Gia Bình	21° 02' 41"	106° 11' 51"					F-48-69-C-d
đình Xuân Lai	KX	xã Xuân Lai	H. Gia Bình	21° 04' 33"	106° 11' 42"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 280	KX	xã Xuân Lai	H. Gia Bình			21° 04' 04"	106° 05' 36"	20° 58' 14"	106° 09' 55"	F-48-69-C-d
nhà thờ họ Nguyễn Đình Tài	KX	xã Xuân Lai	H. Gia Bình	21° 04' 41"	106° 11' 39"					F-48-69-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Quốc lộ 17	KX	xã Xuân Lai	H. Gia Bình			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-d
Kênh Bắc	TV	xã Xuân Lai	H. Gia Bình			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-d
Sông Lai	TV	xã Xuân Lai	H. Gia Bình			21° 05' 08"	106° 09' 56"	21° 05' 39"	106° 11' 35"	F-48-69-C-d
Sông Ngụ	TV	xã Xuân Lai	H. Gia Bình			21° 02' 46"	106° 08' 52"	21° 03' 41"	106° 15' 19"	F-48-69-C-d
Thôn Bùi	DC	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 01' 48"	106° 12' 28"					F-48-69-C-d
thôn Đạo Sử	DC	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 01' 06"	106° 11' 47"					F-48-69-C-d
thôn Đông Hương	DC	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 01' 10"	106° 12' 17"					F-48-69-C-d
Thôn Giàng	DC	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 01' 30"	106° 12' 39"					F-48-69-C-d
thôn Kim Đào	DC	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 00' 36"	106° 11' 43"					F-48-69-C-d
thôn Phụng Giáo	DC	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 01' 23"	106° 12' 08"					F-48-69-C-d
thôn Phụng Trì	DC	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 01' 21"	106° 11' 54"					F-48-69-C-d
thôn Tân Dân	DC	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 00' 58"	106° 11' 59"					F-48-69-C-d
cầu Táo Đồi	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 01' 41"	106° 13' 37"					F-48-69-C-d
chùa Vĩnh Long Tự	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 01' 00"	106° 11' 40"					F-48-69-C-d
Đình Bùi	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 01' 57"	106° 12' 24"					F-48-69-C-d
đình Đạo Sử	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 00' 57"	106° 11' 50"					F-48-69-C-d
đình Đông Hương	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 01' 09"	106° 12' 14"					F-48-69-C-d
đình Phụng Trì	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 01' 20"	106° 11' 57"					F-48-69-C-d
đường Hàn Thuyên	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài			21° 01' 07"	106° 11' 58"	21° 02' 00"	106° 13' 26"	F-48-69-C-d
đường Lý Thái Tổ	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài			21° 01' 07"	106° 11' 58"	21° 01' 18"	106° 11' 22"	F-48-69-C-d
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài			21° 00' 21"	106° 11' 12"	21° 01' 18"	106° 11' 22"	F-48-69-C-d
đường Phá Lãng	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài			21° 01' 07"	106° 11' 58"	21° 00' 53"	106° 11' 52"	F-48-69-C-d
Đường tỉnh 280	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài			21° 04' 04"	106° 05' 36"	20° 58' 14"	106° 09' 55"	F-48-69-C-d
Đường tỉnh 281	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài			21° 00' 07"	106° 03' 57"	21° 02' 31"	106° 17' 21"	F-48-69-C-d
Đường tỉnh 284	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài			21° 04' 39"	106° 08' 01"	20° 59' 24"	106° 15' 49"	F-48-69-C-d
đường Vũ Giới	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài			21° 01' 08"	106° 11' 59"	21° 01' 00"	106° 12' 26"	F-48-69-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Trường Trung học phổ thông Lương Tài	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 00' 54"	106° 11' 57"					F-48-69-C-d
Trường Trung học phổ thông Lương Tài 3	KX	TT. Thửa	H. Lương Tài	21° 00' 46"	106° 11' 46"					F-48-69-C-d
Kênh Giữa	TV	TT. Thửa	H. Lương Tài			21° 01' 31"	106° 00' 18"	21° 03' 10"	106° 15' 06"	F-48-69-C-d
sông Đồng Khởi	TV	TT. Thửa	H. Lương Tài			21° 03' 46"	106° 13' 34"	20° 59' 39"	106° 13' 40"	F-48-69-C-d
Sông Thửa	TV	TT. Thửa	H. Lương Tài			21° 02' 04"	106° 12' 16"	20° 59' 21"	106° 09' 19"	F-48-69-C-d
thôn An Phú	DC	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 03' 36"	106° 16' 56"					F-48-69-D-c
thôn An Trụ	DC	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 04' 04"	106° 16' 37"					F-48-69-D-c
thôn Cáp Thuỷ	DC	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 03' 51"	106° 17' 37"					F-48-69-D-c
thôn Cường Tráng	DC	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 02' 49"	106° 16' 40"					F-48-69-D-c
thôn Lôi Châu	DC	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 04' 07"	106° 17' 14"					F-48-69-D-c
thôn Thanh Hà	DC	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 03' 30"	106° 16' 33"					F-48-69-D-c
thôn Thanh Lâm	DC	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 03' 05"	106° 16' 31"					F-48-69-D-c
Cầu Đò	KX	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 02' 44"	106° 16' 26"					F-48-69-D-c
chùa An Trụ	KX	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 04' 06"	106° 16' 27"					F-48-69-D-c
đền Thanh Lâm	KX	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 03' 03"	106° 16' 27"					F-48-69-D-c
đình An Trụ	KX	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 04' 02"	106° 16' 37"					F-48-69-D-c
đình Cường Tráng	KX	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 02' 52"	106° 16' 30"					F-48-69-D-c
đình Lôi Châu	KX	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 03' 59"	106° 17' 11"					F-48-69-D-c
đình Thanh Hà	KX	xã An Thịnh	H. Lương Tài	21° 03' 30"	106° 16' 22"					F-48-69-D-c
Đường tỉnh 281	KX	xã An Thịnh	H. Lương Tài			21° 00' 07"	106° 03' 57"	21° 02' 31"	106° 17' 21"	F-48-69-D-c
Kênh Bắc	TV	xã An Thịnh	H. Lương Tài			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-D-c
Sông Đò	TV	xã An Thịnh	H. Lương Tài			21° 03' 41"	106° 15' 19"	20° 59' 55"	106° 14' 40"	F-48-69-D-c
sông Thái Bình	TV	xã An Thịnh	H. Lương Tài			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 59' 34"	106° 16' 15"	F-48-69-D-c
thôn Cổ Lâm	DC	xã Bình Định	H. Lương Tài	21° 00' 32"	106° 10' 43"					F-48-69-C-d
thôn Ngọc Trì	DC	xã Bình Định	H. Lương Tài	20° 59' 42"	106° 09' 30"					F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Ngô Phần	DC	xã Bình Định	H. Lương Tài	20° 59' 56"	106° 10' 20"					F-48-81-A-b
thôn Quảng Cầu	DC	xã Bình Định	H. Lương Tài	21° 00' 08"	106° 09' 45"					F-48-69-C-d
thôn Tinh Ngô	DC	xã Bình Định	H. Lương Tài	20° 59' 40"	106° 09' 53"					F-48-81-A-b
chùa Cổ Hiền	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	21° 00' 30"	106° 10' 37"					F-48-69-D-c
chùa Đại Bi	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	21° 00' 03"	106° 09' 48"					F-48-69-D-c
chùa Ngọc Trì	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	20° 59' 43"	106° 09' 25"					F-48-81-A-b
chùa Phúc Sinh	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	20° 59' 56"	106° 10' 15"					F-48-81-A-b
chùa Tinh Ngô	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	20° 59' 45"	106° 09' 42"					F-48-81-A-b
đình Cổ Lâm	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	21° 00' 28"	106° 10' 36"					F-48-69-D-c
đình Ngọc Trì	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	20° 59' 43"	106° 09' 24"					F-48-81-A-b
đình Quảng Cầu	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	21° 00' 04"	106° 09' 46"					F-48-69-D-c
đình Tinh Ngô	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	20° 59' 41"	106° 09' 50"					F-48-81-A-b
Đường tỉnh 280	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài			21° 04' 04"	106° 05' 36"	20° 58' 14"	106° 09' 55"	F-48-69-C-d, F-48-81-A-b
Đường tỉnh 281	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài			21° 00' 07"	106° 03' 57"	21° 02' 31"	106° 17' 21"	F-48-69-D-c
lăng họ Vũ Xuân	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	20° 59' 47"	106° 09' 31"					F-48-81-A-b
miếu Ngô Phần	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	21° 00' 06"	106° 10' 09"					F-48-69-D-c
nghe Ngọc Trì	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	20° 59' 50"	106° 09' 27"					F-48-81-A-b
Nhà thờ họ Vũ	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	20° 59' 39"	106° 09' 30"					F-48-81-A-b
văn chỉ Cổ Lâm	KX	xã Bình Định	H. Lương Tài	21° 00' 40"	106° 10' 20"					F-48-69-D-c
Kênh Giữa	TV	xã Bình Định	H. Lương Tài			21° 01' 31"	106° 00' 18"	21° 03' 10"	106° 15' 06"	F-48-69-C-d
sông Đại Quảng Bình	TV	xã Bình Định	H. Lương Tài			21° 02' 34"	106° 08' 30"	20° 59' 45"	106° 09' 39"	F-48-69-C-d, F-48-81-A-b
Sông Thửa	TV	xã Bình Định	H. Lương Tài			21° 02' 04"	106° 12' 16"	20° 59' 21"	106° 09' 19"	F-48-69-C-d
thôn Bồng Lai	DC	xã Lai Hạ	H. Lương Tài	21° 01' 37"	106° 16' 37"					F-48-69-D-c
thôn Lai Hạ	DC	xã Lai Hạ	H. Lương Tài	21° 01' 00"	106° 16' 24"					F-48-69-D-c
thôn Thanh Khê	DC	xã Lai Hạ	H. Lương Tài	21° 01' 22"	106° 16' 06"					F-48-69-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Văn Phạm	DC	xã Lai Hạ	H. Lương Tài	21° 01' 44"	106° 15' 57"					F-48-69-D-c
đền Hàn Thuyên	KX	xã Lai Hạ	H. Lương Tài	21° 01' 14"	106° 16' 10"					F-48-69-D-c
đình Bồng Lai	KX	xã Lai Hạ	H. Lương Tài	21° 01' 36"	106° 16' 34"					F-48-69-D-c
đình Văn Phạm	KX	xã Lai Hạ	H. Lương Tài	21° 01' 40"	106° 15' 55"					F-48-69-D-c
Đường tỉnh 285	KX	xã Lai Hạ	H. Lương Tài			21° 08' 22"	106° 10' 32"	21° 00' 45"	106° 16' 25"	F-48-69-D-c
sông Thái Bình	TV	xã Lai Hạ	H. Lương Tài			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 59' 34"	106° 16' 15"	F-48-69-D-c
thôn Kim Thao	DC	xã Lâm Thao	H. Lương Tài	20° 59' 07"	106° 11' 12"					F-48-81-A-b
thôn Lâm Thao	DC	xã Lâm Thao	H. Lương Tài	20° 59' 10"	106° 10' 59"					F-48-81-A-b
thôn Ngọc Khám	DC	xã Lâm Thao	H. Lương Tài	20° 58' 57"	106° 11' 21"					F-48-81-A-b
thôn Ngọc Quan	DC	xã Lâm Thao	H. Lương Tài	20° 58' 36"	106° 09' 51"					F-48-81-A-b
thôn Nhiều Đậu	DC	xã Lâm Thao	H. Lương Tài	20° 58' 37"	106° 10' 23"					F-48-81-A-b
thôn Thái Trì	DC	xã Lâm Thao	H. Lương Tài	20° 58' 57"	106° 10' 55"					F-48-81-A-b
Cầu Sen	KX	xã Lâm Thao	H. Lương Tài	20° 58' 14"	106° 09' 55"					F-48-81-A-b
đình Kim Thao	KX	xã Lâm Thao	H. Lương Tài	20° 59' 12"	106° 11' 08"					F-48-81-A-b
đình Lâm Thao	KX	xã Lâm Thao	H. Lương Tài	20° 59' 05"	106° 10' 57"					F-48-81-A-b
đình Ngọc Khám	KX	xã Lâm Thao	H. Lương Tài	20° 58' 57"	106° 11' 13"					F-48-81-A-b
đình Ngọc Quan	KX	xã Lâm Thao	H. Lương Tài	20° 58' 35"	106° 09' 54"					F-48-81-A-b
đình Thái Trì	KX	xã Lâm Thao	H. Lương Tài	20° 58' 53"	106° 10' 43"					F-48-81-A-b
Đường tỉnh 280	KX	xã Lâm Thao	H. Lương Tài			21° 04' 04"	106° 05' 36"	20° 58' 14"	106° 09' 55"	F-48-81-A-b
Sông Bùi	TV	xã Lâm Thao	H. Lương Tài			20° 58' 13"	106° 09' 56"	20° 59' 33"	106° 16' 12"	F-48-81-A-b
sông Cẩm Giàng	TV	xã Lâm Thao	H. Lương Tài			20° 58' 36"	106° 09' 41"	20° 58' 13"	106° 09' 56"	F-48-81-A-b
thôn An Cường	DC	xã Minh Tân	H. Lương Tài	21° 00' 16"	106° 15' 18"					F-48-69-D-c
thôn Đạm Trai	DC	xã Minh Tân	H. Lương Tài	21° 00' 04"	106° 15' 55"					F-48-69-D-c
thôn Hương Trai	DC	xã Minh Tân	H. Lương Tài	20° 59' 41"	106° 15' 43"					F-48-81-B-a
thôn Nhất Trai	DC	xã Minh Tân	H. Lương Tài	21° 00' 39"	106° 15' 51"					F-48-69-D-c
thôn Thận Trai	DC	xã Minh Tân	H. Lương Tài	20° 59' 51"	106° 15' 51"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Đường tỉnh 284	KX	xã Minh Tân	H. Lương Tài			21° 04' 39"	106° 08' 01"	20° 59' 24"	106° 15' 49"	F-48-81-B-a
Đường tỉnh 285	KX	xã Minh Tân	H. Lương Tài			21° 08' 22"	106° 10' 32"	21° 00' 45"	106° 16' 25"	F-48-69-D-c
Sông Bưởi	TV	xã Minh Tân	H. Lương Tài			20° 58' 13"	106° 09' 56"	20° 59' 33"	106° 16' 12"	F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	xã Minh Tân	H. Lương Tài			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 59' 34"	106° 16' 15"	F-48-69-D-c
thôn An Mỹ	DC	xã Mỹ Hương	H. Lương Tài	21° 01' 55"	106° 15' 37"					F-48-69-D-c
thôn Mỹ Xuyên	DC	xã Mỹ Hương	H. Lương Tài	21° 02' 18"	106° 16' 20"					F-48-69-D-c
thôn Nghĩa Hương	DC	xã Mỹ Hương	H. Lương Tài	21° 02' 15"	106° 15' 32"					F-48-69-D-c
chùa Mỹ Xuyên	KX	xã Mỹ Hương	H. Lương Tài	21° 02' 15"	106° 16' 21"					F-48-69-D-c
đình Mỹ Xuyên	KX	xã Mỹ Hương	H. Lương Tài	21° 02' 12"	106° 16' 32"					F-48-69-D-c
Đường tỉnh 285	KX	xã Mỹ Hương	H. Lương Tài			21° 08' 22"	106° 10' 32"	21° 00' 45"	106° 16' 25"	F-48-69-D-c
Sông Đò	TV	xã Mỹ Hương	H. Lương Tài			21° 03' 41"	106° 15' 19"	20° 59' 55"	106° 14' 40"	F-48-69-D-c
thôn Bà Khê	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 03' 30"	106° 14' 34"					F-48-69-C-d
thôn Duyệt Dương	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 03' 29"	106° 13' 33"					F-48-69-C-d
thôn Hương Chi	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 27"	106° 14' 36"					F-48-69-C-d
thôn Mỹ Duệ	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 03' 24"	106° 13' 50"					F-48-69-C-d
thôn Ngọc Thượng	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 55"	106° 15' 40"					F-48-69-D-c
thôn Phú Dưới	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 57"	106° 13' 11"					F-48-69-C-d
thôn Phú Trên	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 03' 15"	106° 13' 24"					F-48-69-C-d
thôn Phương Mới	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 44"	106° 14' 00"					F-48-69-C-d
thôn Phương Thanh	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 16"	106° 14' 03"					F-48-69-C-d
thôn Phương Xá	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 24"	106° 13' 48"					F-48-69-C-d
thôn Tĩnh Xá	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 24"	106° 13' 29"					F-48-69-C-d
thôn Tỳ Điện	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 41"	106° 14' 55"					F-48-69-C-d, F-48-69-D-c
thôn Văn Ngoài	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 16"	106° 12' 44"					F-48-69-C-d
thôn Văn Trong	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 41"	106° 12' 48"					F-48-69-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Trại Ấp	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 47"	106° 14' 12"					F-48-69-C-d
xóm Lương Khê	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 03' 16"	106° 14' 21"					F-48-69-C-d
xóm Tỳ Thanh	DC	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 56"	106° 14' 29"					F-48-69-C-d
cầu Duyệt Dương	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 03' 28"	106° 13' 36"					F-48-69-C-d
cầu Phú Trên	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 03' 19"	106° 13' 35"					F-48-69-C-d
Cầu Phương	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 09"	106° 13' 36"					F-48-69-C-d
chùa Mỹ Duệ	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 03' 26"	106° 13' 57"					F-48-69-C-d
chùa Ngọc Xá	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 21"	106° 13' 49"					F-48-69-C-d
đình Bà Khê	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 03' 29"	106° 14' 24"					F-48-69-C-d
đình Ngọc Thượng	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 51"	106° 15' 41"					F-48-69-D-c
đình Phú Trên	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 03' 04"	106° 13' 12"					F-48-69-C-d
đình Phương Thanh	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 14"	106° 13' 58"					F-48-69-C-d
đình Tĩnh Xá	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 16"	106° 13' 27"					F-48-69-C-d
đình Tỳ Điện	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 38"	106° 14' 54"					F-48-69-C-d
đình Văn Xá Trong	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 37"	106° 12' 51"					F-48-69-C-d
đường Hàn Thuyên	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài			21° 01' 07"	106° 11' 58"	21° 02' 00"	106° 13' 26"	F-48-69-C-d
Đường tỉnh 281	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài			21° 00' 07"	106° 03' 57"	21° 02' 31"	106° 17' 21"	F-48-69-C-d
Đường tỉnh 285	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài			21° 08' 22"	106° 10' 32"	21° 00' 45"	106° 16' 25"	F-48-69-C-d
Nhà thờ họ Nguyễn	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 03' 14"	106° 13' 25"					F-48-69-C-d
từ chỉ họ Đặng	KX	xã Phú Hòa	H. Lương Tài	21° 02' 27"	106° 14' 24"					F-48-69-C-d
Kênh Giữa	TV	xã Phú Hòa	H. Lương Tài			21° 01' 31"	106° 00' 18"	21° 03' 10"	106° 15' 06"	F-48-69-C-d
Sông Đò	TV	xã Phú Hòa	H. Lương Tài			21° 03' 41"	106° 15' 19"	20° 59' 55"	106° 14' 40"	F-48-69-D-c
sông Đồng Khởi	TV	xã Phú Hòa	H. Lương Tài			21° 03' 46"	106° 13' 34"	20° 59' 39"	106° 13' 40"	F-48-69-C-d
Sông Ngụ	TV	xã Phú Hòa	H. Lương Tài			21° 02' 46"	106° 08' 52"	21° 03' 41"	106° 15' 19"	F-48-69-C-d
Sông Văn	TV	xã Phú Hòa	H. Lương Tài			21° 03' 04"	106° 12' 40"	21° 02' 06"	106° 12' 30"	F-48-69-C-d
thôn Bích Khê	DC	xã Phú Lương	H. Lương Tài	20° 59' 52"	106° 12' 04"					F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Lạng Dương	DC	xã Phú Lương	H. Lương Tài	21° 00' 02"	106° 11' 53"					F-48-69-C-d
thôn Lương Xá	DC	xã Phú Lương	H. Lương Tài	21° 00' 07"	106° 12' 38"					F-48-69-C-d
thôn Phú Lâu 1	DC	xã Phú Lương	H. Lương Tài	20° 59' 36"	106° 13' 02"					F-48-81-A-b
thôn Phú Lâu 2	DC	xã Phú Lương	H. Lương Tài	20° 59' 26"	106° 12' 51"					F-48-81-A-b
thôn Thọ Ninh	DC	xã Phú Lương	H. Lương Tài	20° 59' 16"	106° 12' 28"					F-48-81-A-b
đình Bích Khê	KX	xã Phú Lương	H. Lương Tài	20° 59' 47"	106° 12' 01"					F-48-81-A-b
đình Lương Xá	KX	xã Phú Lương	H. Lương Tài	21° 00' 05"	106° 12' 33"					F-48-69-C-d
Sông Bù	TV	xã Phú Lương	H. Lương Tài			20° 58' 13"	106° 09' 56"	20° 59' 33"	106° 16' 12"	F-48-81-A-b
Sông Lường	TV	xã Phú Lương	H. Lương Tài			21° 00' 28"	106° 12' 34"	20° 59' 48"	106° 13' 07"	F-48-69-C-d, F-48-81-A-b
thôn Lĩnh Mai	DC	xã Quảng Phú	H. Lương Tài	21° 00' 48"	106° 09' 59"					F-48-69-C-d
thôn Phú Thọ	DC	xã Quảng Phú	H. Lương Tài	21° 01' 30"	106° 10' 05"					F-48-69-C-d
thôn Quảng Bó	DC	xã Quảng Phú	H. Lương Tài	21° 02' 09"	106° 09' 34"					F-48-69-C-d
thôn Quảng Nạp	DC	xã Quảng Phú	H. Lương Tài	21° 00' 40"	106° 09' 59"					F-48-69-C-d
thôn Tuyên Bá	DC	xã Quảng Phú	H. Lương Tài	21° 00' 44"	106° 09' 44"					F-48-69-C-d
thôn Thanh Gia	DC	xã Quảng Phú	H. Lương Tài	21° 00' 56"	106° 09' 42"					F-48-69-C-d
đền Tân Trăn	KX	xã Quảng Phú	H. Lương Tài	21° 02' 07"	106° 10' 20"					F-48-69-C-d
đình Quảng Bó	KX	xã Quảng Phú	H. Lương Tài	21° 02' 11"	106° 09' 43"					F-48-69-C-d
đình Tuyên Bá	KX	xã Quảng Phú	H. Lương Tài	21° 00' 46"	106° 09' 45"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 281	KX	xã Quảng Phú	H. Lương Tài			21° 00' 07"	106° 03' 57"	21° 02' 31"	106° 17' 21"	F-48-69-C-d
Đường tỉnh 284	KX	xã Quảng Phú	H. Lương Tài			21° 04' 39"	106° 08' 01"	20° 59' 24"	106° 15' 49"	F-48-69-C-d
lăng mộ Đức tổ dạy nghề đức đồng Quảng Bó	KX	xã Quảng Phú	H. Lương Tài	21° 02' 14"	106° 09' 31"					F-48-69-C-d
Kênh Giữa	TV	xã Quảng Phú	H. Lương Tài			21° 01' 31"	106° 00' 18"	21° 03' 10"	106° 15' 06"	F-48-69-C-d
sông Đại Quảng Bình	TV	xã Quảng Phú	H. Lương Tài			21° 02' 34"	106° 08' 30"	20° 59' 45"	106° 09' 39"	F-48-69-C-d
Sông Ngụ	TV	xã Quảng Phú	H. Lương Tài			21° 02' 46"	106° 08' 52"	21° 03' 41"	106° 15' 19"	F-48-69-C-d
Sông Thửa	TV	xã Quảng Phú	H. Lương Tài			21° 02' 04"	106° 12' 16"	20° 59' 21"	106° 09' 19"	F-48-69-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Bái Giang	DC	xã Tân Lăng	H. Lương Tài	21° 02' 19"	106° 11' 35"					F-48-69-C-d
thôn Hương La	DC	xã Tân Lăng	H. Lương Tài	21° 02' 04"	106° 11' 47"					F-48-69-C-d
thôn Hữu Ái	DC	xã Tân Lăng	H. Lương Tài	21° 01' 19"	106° 11' 40"					F-48-69-C-d
thôn Lạng Khê	DC	xã Tân Lăng	H. Lương Tài	21° 01' 53"	106° 11' 56"					F-48-69-C-d
thôn Ngọc Cục	DC	xã Tân Lăng	H. Lương Tài	21° 01' 36"	106° 11' 36"					F-48-69-C-d
thôn Tam Sơn	DC	xã Tân Lăng	H. Lương Tài	21° 01' 32"	106° 11' 53"					F-48-69-C-d
thôn Tử Nê	DC	xã Tân Lăng	H. Lương Tài	21° 02' 09"	106° 11' 07"					F-48-69-C-d
Cầu Móng	KX	xã Tân Lăng	H. Lương Tài	21° 02' 24"	106° 11' 20"					F-48-69-C-d
đình Hữu Ái	KX	xã Tân Lăng	H. Lương Tài	21° 01' 17"	106° 11' 39"					F-48-69-C-d
đình Lạng Khê	KX	xã Tân Lăng	H. Lương Tài	21° 01' 55"	106° 11' 57"					F-48-69-C-d
đình Ngọc Cục	KX	xã Tân Lăng	H. Lương Tài	21° 01' 41"	106° 11' 35"					F-48-69-C-d
đình Tam Sơn	KX	xã Tân Lăng	H. Lương Tài	21° 01' 31"	106° 11' 54"					F-48-69-C-d
đường Lý Thái Tổ	KX	xã Tân Lăng	H. Lương Tài			21° 01' 07"	106° 11' 58"	21° 01' 18"	106° 11' 22"	F-48-69-C-d
Đường tỉnh 280	KX	xã Tân Lăng	H. Lương Tài			21° 04' 04"	106° 05' 36"	20° 58' 14"	106° 09' 55"	F-48-69-C-d
Đường tỉnh 284	KX	xã Tân Lăng	H. Lương Tài			21° 04' 39"	106° 08' 01"	20° 59' 24"	106° 15' 49"	F-48-69-C-d
Sông Ngụ	TV	xã Tân Lăng	H. Lương Tài			21° 02' 46"	106° 08' 52"	21° 03' 41"	106° 15' 19"	F-48-69-C-d
Sông Thứa	TV	xã Tân Lăng	H. Lương Tài			21° 02' 04"	106° 12' 16"	20° 59' 21"	106° 09' 19"	F-48-69-C-d
thôn Ấp Dừa	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 00' 59"	106° 13' 40"					F-48-69-C-d
thôn Ấp Ngoài	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 00' 56"	106° 13' 27"					F-48-69-C-d
thôn Đan Quế	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 00' 31"	106° 12' 44"					F-48-69-C-d
thôn Đào Xá	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 01' 22"	106° 13' 57"					F-48-69-C-d
thôn Đào Xuyên	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 01' 29"	106° 13' 49"					F-48-69-C-d
thôn Lai Đông 1	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	20° 59' 40"	106° 14' 23"					F-48-81-A-b
thôn Lai Đông 2	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	20° 59' 45"	106° 14' 07"					F-48-81-A-b
thôn Lai Đông 3	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	20° 59' 46"	106° 13' 46"					F-48-81-A-b
thôn Lai Tê	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	20° 59' 54"	106° 13' 32"					F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Nghĩa La	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 00' 20"	106° 14' 10"					F-48-69-C-d
thôn Tuần La	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 00' 06"	106° 14' 29"					F-48-69-C-d
thôn Thanh Dương	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 00' 47"	106° 12' 39"					F-48-69-C-d
thôn Thiên Đức	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 00' 45"	106° 13' 10"					F-48-69-C-d
thôn Thiên Lộc	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 00' 15"	106° 12' 56"					F-48-69-C-d
thôn Thiên Phúc	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 01' 07"	106° 13' 12"					F-48-69-C-d
thôn Trinh Khê	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 00' 46"	106° 12' 25"					F-48-69-C-d
thôn Trinh Phú	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 00' 48"	106° 14' 07"					F-48-69-C-d
thôn Trung Chính	DC	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 00' 41"	106° 13' 44"					F-48-69-C-d
cầu Táo Đồi	KX	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 01' 41"	106° 13' 37"					F-48-69-C-d
đình Tuần La	KX	xã Trung Chính	H. Lương Tài	21° 00' 08"	106° 14' 32"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 284	KX	xã Trung Chính	H. Lương Tài			21° 04' 39"	106° 08' 01"	20° 59' 24"	106° 15' 49"	F-48-69-C-d
Đường tỉnh 285	KX	xã Trung Chính	H. Lương Tài			21° 08' 22"	106° 10' 32"	21° 00' 45"	106° 16' 25"	F-48-69-C-d
đường Vũ Giới	KX	xã Trung Chính	H. Lương Tài			21° 01' 08"	106° 11' 59"	21° 01' 00"	106° 12' 26"	F-48-69-C-d
Sông Bùi	TV	xã Trung Chính	H. Lương Tài			20° 58' 13"	106° 09' 56"	20° 59' 33"	106° 16' 12"	F-48-81-A-b
Sông Đò	TV	xã Trung Chính	H. Lương Tài			21° 03' 41"	106° 15' 19"	20° 59' 55"	106° 14' 40"	F-48-69-C-d, F-48-81-A-b
sông Đồng Khởi	TV	xã Trung Chính	H. Lương Tài			21° 03' 46"	106° 13' 34"	20° 59' 39"	106° 13' 40"	F-48-69-C-d
Sông Lường	TV	xã Trung Chính	H. Lương Tài			21° 00' 28"	106° 12' 34"	20° 59' 48"	106° 13' 07"	F-48-69-C-d, F-48-81-A-b
thôn Cáp Hạ	DC	xã Trung Kênh	H. Lương Tài	21° 03' 11"	106° 17' 49"					F-48-69-D-c
thôn Cáp Trại	DC	xã Trung Kênh	H. Lương Tài	21° 02' 48"	106° 17' 29"					F-48-69-D-c
thôn Cáp Trên	DC	xã Trung Kênh	H. Lương Tài	21° 03' 37"	106° 17' 52"					F-48-69-D-c
thôn Hoàng Kênh	DC	xã Trung Kênh	H. Lương Tài	21° 02' 16"	106° 17' 14"					F-48-69-D-c
thôn Lai Nguyễn	DC	xã Trung Kênh	H. Lương Tài	21° 01' 44"	106° 17' 09"					F-48-69-D-c
thôn Quan Kênh	DC	xã Trung Kênh	H. Lương Tài	21° 01' 56"	106° 17' 10"					F-48-69-D-c
thôn Tảo Hoà	DC	xã Trung Kênh	H. Lương Tài	21° 03' 17"	106° 17' 26"					F-48-69-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Tháp Dương	DC	xã Trung Kênh	H. Lương Tài	21° 02' 46"	106° 17' 01"					F-48-69-D-c
chùa Diên Phúc	KX	xã Trung Kênh	H. Lương Tài	21° 03' 38"	106° 17' 55"					F-48-69-D-c
đình Hoàng Kênh	KX	xã Trung Kênh	H. Lương Tài	21° 02' 22"	106° 17' 16"					F-48-69-D-c
đình Tảo Hoà	KX	xã Trung Kênh	H. Lương Tài	21° 03' 18"	106° 17' 22"					F-48-69-D-c
Đường tỉnh 281	KX	xã Trung Kênh	H. Lương Tài			21° 00' 07"	106° 03' 57"	21° 02' 31"	106° 17' 21"	F-48-69-D-c
Kênh Bắc	TV	xã Trung Kênh	H. Lương Tài			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-D-c
sông Thái Bình	TV	xã Trung Kênh	H. Lương Tài			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 59' 34"	106° 16' 15"	F-48-69-D-c
thôn Đăng Triều	DC	xã Trùng Xá	H. Lương Tài	21° 00' 30"	106° 14' 49"					F-48-69-C-d
thôn Đình Dương	DC	xã Trùng Xá	H. Lương Tài	21° 01' 03"	106° 14' 36"					F-48-69-C-d
thôn Nhị Trai	DC	xã Trùng Xá	H. Lương Tài	21° 01' 13"	106° 15' 14"					F-48-69-D-c
thôn Trùng Xá	DC	xã Trùng Xá	H. Lương Tài	21° 01' 30"	106° 14' 13"					F-48-69-C-d
thôn Vĩnh Trai	DC	xã Trùng Xá	H. Lương Tài	21° 01' 56"	106° 14' 38"					F-48-69-C-d
chùa Đại Khánh	KX	xã Trùng Xá	H. Lương Tài	21° 01' 31"	106° 14' 15"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 285	KX	xã Trùng Xá	H. Lương Tài			21° 08' 22"	106° 10' 32"	21° 00' 45"	106° 16' 25"	F-48-69-C-d
Sông Đò	TV	xã Trùng Xá	H. Lương Tài			21° 03' 41"	106° 15' 19"	20° 59' 55"	106° 14' 40"	F-48-69-C-d
Khu 1	DC	TT. Phố Mới	H. Quế Võ	21° 09' 14"	106° 08' 55"					F-48-69-C-b
Khu 2	DC	TT. Phố Mới	H. Quế Võ	21° 09' 20"	106° 08' 53"					F-48-69-C-b
Khu 3	DC	TT. Phố Mới	H. Quế Võ	21° 09' 25"	106° 09' 03"					F-48-69-C-b
Khu 4	DC	TT. Phố Mới	H. Quế Võ	21° 09' 33"	106° 08' 59"					F-48-69-C-b
Khu 5	DC	TT. Phố Mới	H. Quế Võ	21° 09' 43"	106° 08' 58"					F-48-69-C-b
Thôn Đình	DC	TT. Phố Mới	H. Quế Võ	21° 09' 05"	106° 09' 31"					F-48-69-C-b
thôn Nghiêm Thôn	DC	TT. Phố Mới	H. Quế Võ	21° 08' 58"	106° 09' 15"					F-48-69-C-b
thôn Thịnh Cầu	DC	TT. Phố Mới	H. Quế Võ	21° 08' 57"	106° 09' 24"					F-48-69-C-b
Bệnh viện Đa khoa Huyện Quế Võ	KX	TT. Phố Mới	H. Quế Võ	21° 09' 20"	106° 09' 24"					F-48-69-C-b
cầu Phố Mới	KX	TT. Phố Mới	H. Quế Võ	21° 09' 37"	106° 08' 59"					F-48-69-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Bảo Sinh	KX	TT. Phố Mới	H. Quế Võ	21° 08' 58"	106° 09' 25"					F-48-69-C-b
đình Nghiêm Thôn	KX	TT. Phố Mới	H. Quế Võ	21° 08' 56"	106° 09' 08"					F-48-69-C-b
Đường tỉnh 279	KX	TT. Phố Mới	H. Quế Võ			21° 12' 17"	106° 05' 20"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-b
Quốc lộ 18	KX	TT. Phố Mới	H. Quế Võ			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-C-b
Kênh Nam	TV	TT. Phố Mới	H. Quế Võ			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-69-C-b
thôn Bình Lâm	DC	xã Bằng An	H. Quế Võ	21° 10' 24"	106° 09' 51"					F-48-69-C-b
Thôn Chùa	DC	xã Bằng An	H. Quế Võ	21° 10' 29"	106° 09' 48"					F-48-69-C-b
Thôn Đanh	DC	xã Bằng An	H. Quế Võ	21° 10' 19"	106° 09' 46"					F-48-69-C-b
Thôn Đông	DC	xã Bằng An	H. Quế Võ	21° 10' 13"	106° 09' 59"					F-48-69-C-b
Thôn Sau	DC	xã Bằng An	H. Quế Võ	21° 10' 25"	106° 09' 58"					F-48-69-C-b
thôn Yên Lâm	DC	xã Bằng An	H. Quế Võ	21° 10' 03"	106° 09' 07"					F-48-69-C-b
Trại Phán	DC	xã Bằng An	H. Quế Võ	21° 10' 16"	106° 08' 52"					F-48-69-C-b
Đường tỉnh 279	KX	xã Bằng An	H. Quế Võ			21° 12' 17"	106° 05' 20"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-b
Sông Cầu	TV	xã Bằng An	H. Quế Võ			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-C-b
thôn Bồng Lai	DC	xã Bồng Lai	H. Quế Võ	21° 07' 23"	106° 10' 01"					F-48-69-C-d
thôn Cẩm Chàng	DC	xã Bồng Lai	H. Quế Võ	21° 07' 43"	106° 09' 40"					F-48-69-C-b
thôn Tân Thịnh	DC	xã Bồng Lai	H. Quế Võ	21° 07' 25"	106° 09' 45"					F-48-69-C-d
thôn Vũ Dương	DC	xã Bồng Lai	H. Quế Võ	21° 06' 58"	106° 09' 35"					F-48-69-C-d
thôn Xa Loan	DC	xã Bồng Lai	H. Quế Võ	21° 07' 47"	106° 10' 11"					F-48-69-C-b
đình Tân Thịnh	KX	xã Bồng Lai	H. Quế Võ	21° 07' 25"	106° 09' 48"					F-48-69-C-d
đình Vũ Dương	KX	xã Bồng Lai	H. Quế Võ	21° 06' 56"	106° 09' 37"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 279	KX	xã Bồng Lai	H. Quế Võ			21° 12' 17"	106° 05' 20"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-b, F-48-69-C-d
Kênh Nam	TV	xã Bồng Lai	H. Quế Võ			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-69-C-b
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Bồng Lai	H. Quế Võ			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-b
Sông Đuống	TV	xã Bồng Lai	H. Quế Võ			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn An Đặng	DC	xã Cách Bi	H. Quế Võ	21° 07' 23"	106° 10' 36"					F-48-69-C-d
thôn Cách Bi	DC	xã Cách Bi	H. Quế Võ	21° 06' 48"	106° 10' 14"					F-48-69-C-d
thôn Mai Cương	DC	xã Cách Bi	H. Quế Võ	21° 07' 07"	106° 10' 46"					F-48-69-C-d
thôn Từ Phong	DC	xã Cách Bi	H. Quế Võ	21° 07' 42"	106° 11' 01"					F-48-69-C-b
thôn Vân Xá	DC	xã Cách Bi	H. Quế Võ	21° 06' 29"	106° 10' 47"					F-48-69-C-d
xóm Trại Tròn	DC	xã Cách Bi	H. Quế Võ	21° 08' 05"	106° 11' 12"					F-48-69-C-b
đền thờ Nguyễn Cao	KX	xã Cách Bi	H. Quế Võ	21° 06' 30"	106° 10' 33"					F-48-69-C-d
đình Cách Bi	KX	xã Cách Bi	H. Quế Võ	21° 06' 43"	106° 10' 10"					F-48-69-C-d
đình Từ Phong	KX	xã Cách Bi	H. Quế Võ	21° 07' 41"	106° 11' 04"					F-48-69-C-b
đình Vân Xá	KX	xã Cách Bi	H. Quế Võ	21° 06' 27"	106° 10' 45"					F-48-69-C-d
Quốc lộ 18	KX	xã Cách Bi	H. Quế Võ			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-C-b
núi Dải Từ Phong	SV	xã Cách Bi	H. Quế Võ	21° 07' 47"	106° 10' 56"					F-48-69-C-d
Kênh Nam	TV	xã Cách Bi	H. Quế Võ			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-69-C-d, F-48-69-C-b
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Cách Bi	H. Quế Võ			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-b
Sông Đuống	TV	xã Cách Bi	H. Quế Võ			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-d
thôn Châu Cầu	DC	xã Châu Phong	H. Quế Võ	21° 07' 39"	106° 14' 42"					F-48-69-C-b
thôn Phúc Lộc	DC	xã Châu Phong	H. Quế Võ	21° 08' 10"	106° 15' 51"					F-48-69-D-a
thôn Thất Gian	DC	xã Châu Phong	H. Quế Võ	21° 08' 11"	106° 14' 43"					F-48-69-C-b
thôn Văn Phong	DC	xã Châu Phong	H. Quế Võ	21° 08' 28"	106° 15' 19"					F-48-69-D-a
cầu Bình Than	KX	xã Châu Phong	H. Quế Võ	21° 06' 55"	106° 14' 46"					F-48-69-C-d
chùa Châu Cầu	KX	xã Châu Phong	H. Quế Võ	21° 07' 48"	106° 14' 35"					F-48-69-C-d
chùa Châu Sơn	KX	xã Châu Phong	H. Quế Võ	21° 08' 19"	106° 14' 43"					F-48-69-C-d
Quốc lộ 17	KX	xã Châu Phong	H. Quế Võ			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-d
Quốc lộ 18	KX	xã Châu Phong	H. Quế Võ			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-C-d, F-48-69-D-c
núi Ba Bậc	SV	xã Châu Phong	H. Quế Võ	21° 08' 03"	106° 14' 25"					F-48-69-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
núi Chùa Châu	SV	xã Châu Phong	H. Quế Võ	21° 08' 36"	106° 15' 01"					F-48-69-C-d, F-48-68-D-a
Núi Dinh	SV	xã Châu Phong	H. Quế Võ	21° 08' 24"	106° 14' 18"					F-48-69-C-d
Núi Dù	SV	xã Châu Phong	H. Quế Võ	21° 08' 23"	106° 14' 31"					F-48-69-C-d
Kênh Nam	TV	xã Châu Phong	H. Quế Võ			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-69-C-d
Sông Cầu	TV	xã Châu Phong	H. Quế Võ			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-D-a
Sông Đuống	TV	xã Châu Phong	H. Quế Võ			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-d, F-48-68-D-d
thôn Đô Đàn	DC	xã Chi Lăng	H. Quế Võ	21° 06' 15"	106° 08' 17"					F-48-69-C-d
Thôn Đồng	DC	xã Chi Lăng	H. Quế Võ	21° 05' 19"	106° 08' 09"					F-48-69-C-d
thôn Đức Tái	DC	xã Chi Lăng	H. Quế Võ	21° 06' 27"	106° 08' 28"					F-48-69-C-d
thôn Mai Thôn	DC	xã Chi Lăng	H. Quế Võ	21° 05' 37"	106° 08' 07"					F-48-69-C-d
Thôn Mão	DC	xã Chi Lăng	H. Quế Võ	21° 05' 06"	106° 07' 35"					F-48-69-C-d
thôn Quế Ổ	DC	xã Chi Lăng	H. Quế Võ	21° 06' 00"	106° 08' 21"					F-48-69-C-d
thôn Tập Ninh	DC	xã Chi Lăng	H. Quế Võ	21° 06' 23"	106° 08' 15"					F-48-69-C-d
Thôn Thủy	DC	xã Chi Lăng	H. Quế Võ	21° 04' 57"	106° 08' 10"					F-48-69-C-d
Đò Ngắm	KX	xã Chi Lăng	H. Quế Võ	21° 04' 46"	106° 07' 51"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 279	KX	xã Chi Lăng	H. Quế Võ			21° 12' 17"	106° 05' 20"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-c, F-48-69-C-d
nhà thờ 18 Quận công	KX	xã Chi Lăng	H. Quế Võ	21° 06' 02"	106° 08' 14"					F-48-69-C-d
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Chi Lăng	H. Quế Võ			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-c, F-48-69-C-d
Sông Đuống	TV	xã Chi Lăng	H. Quế Võ			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-c, F-48-69-C-d
thôn Công Cối	DC	xã Đại Xuân	H. Quế Võ	21° 11' 11"	106° 07' 06"					F-48-69-C-a
thôn Liễn Hạ	DC	xã Đại Xuân	H. Quế Võ	21° 12' 03"	106° 07' 48"					F-48-69-C-b
thôn Liễn Thượng	DC	xã Đại Xuân	H. Quế Võ	21° 11' 46"	106° 07' 23"					F-48-69-C-a
thôn Ngự Đại	DC	xã Đại Xuân	H. Quế Võ	21° 11' 33"	106° 07' 21"					F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Vĩnh Thề	DC	xã Đại Xuân	H. Quế Võ	21° 11' 48"	106° 07' 36"					F-48-69-C-b
thôn Xuân Bình	DC	xã Đại Xuân	H. Quế Võ	21° 11' 21"	106° 07' 24"					F-48-69-C-a
thôn Xuân Hoà	DC	xã Đại Xuân	H. Quế Võ	21° 11' 13"	106° 07' 25"					F-48-69-C-a
Xóm Chùa	DC	xã Đại Xuân	H. Quế Võ	21° 11' 56"	106° 08' 01"					F-48-69-C-b
đình Liễn Hạ	KX	xã Đại Xuân	H. Quế Võ	21° 11' 59"	106° 07' 49"					F-48-69-C-b
đình Vĩnh Thề	KX	xã Đại Xuân	H. Quế Võ	21° 11' 47"	106° 07' 39"					F-48-69-C-b
đình Xuân Lôi	KX	xã Đại Xuân	H. Quế Võ	21° 11' 23"	106° 07' 19"					F-48-69-C-a
Đường tỉnh 279	KX	xã Đại Xuân	H. Quế Võ			21° 12' 17"	106° 05' 20"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-a, F-48-69-C-b
nhà thờ Nguyễn Thuận Đức	KX	xã Đại Xuân	H. Quế Võ	21° 11' 13"	106° 07' 07"					F-48-69-C-a
Sông Cầu	TV	xã Đại Xuân	H. Quế Võ			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-C-a
Thôn Cống	DC	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 07' 01"	106° 12' 51"					F-48-69-C-d
Thôn Đông	DC	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 06' 56"	106° 13' 12"					F-48-69-C-d
thôn Đông Du Núi	DC	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 07' 26"	106° 11' 49"					F-48-69-C-b
Thôn Găng	DC	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 06' 53"	106° 12' 37"					F-48-69-C-d
Thôn Hòm	DC	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 06' 24"	106° 11' 55"					F-48-69-C-d
Thôn Lầy	DC	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 06' 40"	106° 12' 25"					F-48-69-C-d
Thôn Ngoài	DC	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 07' 00"	106° 11' 34"					F-48-69-C-d
thôn Phú Lão	DC	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 06' 29"	106° 11' 41"					F-48-69-C-d
thôn Thành Dền	DC	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 07' 57"	106° 12' 12"					F-48-69-C-b
Thôn Thi	DC	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 06' 27"	106° 12' 08"					F-48-69-C-d
Thôn Trong	DC	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 06' 59"	106° 11' 19"					F-48-69-C-d
Chùa Thi	KX	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 06' 24"	106° 12' 07"					F-48-69-C-b
Đình Thi	KX	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 06' 24"	106° 12' 08"					F-48-69-C-b
nhà thờ Bốn Tiến sỹ họ Mai	KX	xã Đào Viên	H. Quế Võ	21° 07' 04"	106° 12' 50"					F-48-69-C-b
Quốc lộ 18	KX	xã Đào Viên	H. Quế Võ			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Kênh Nam	TV	xã Đào Viên	H. Quế Võ			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-69-C-d
Sông Đuống	TV	xã Đào Viên	H. Quế Võ			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-d
thôn Kiều Lương	DC	xã Đức Long	H. Quế Võ	21° 06' 58"	106° 15' 50"					F-48-69-D-c
thôn Phả Lại	DC	xã Đức Long	H. Quế Võ	21° 07' 06"	106° 17' 22"					F-48-69-D-c
thôn Phong Cốc	DC	xã Đức Long	H. Quế Võ	21° 07' 27"	106° 17' 16"					F-48-69-D-c
thôn Phú Vân	DC	xã Đức Long	H. Quế Võ	21° 06' 30"	106° 17' 04"					F-48-69-D-c
thôn Thịnh Lai	DC	xã Đức Long	H. Quế Võ	21° 07' 39"	106° 16' 42"					F-48-69-D-a
thôn Vệ Xá	DC	xã Đức Long	H. Quế Võ	21° 07' 25"	106° 15' 57"					F-48-69-D-c
xóm Phú Đa	DC	xã Đức Long	H. Quế Võ	21° 06' 49"	106° 17' 15"					F-48-69-D-c
xóm Trại Phả Lại	DC	xã Đức Long	H. Quế Võ	21° 06' 53"	106° 16' 58"					F-48-69-D-c
cầu Phả Lại	KX	xã Đức Long	H. Quế Võ	21° 06' 54"	106° 17' 39"					F-48-69-D-c
chùa Phả Lại	KX	xã Đức Long	H. Quế Võ	21° 07' 08"	106° 17' 16"					F-48-69-D-c
đền Vệ Xá	KX	xã Đức Long	H. Quế Võ	21° 07' 26"	106° 16' 11"					F-48-69-D-c
đình Vân Đoàn	KX	xã Đức Long	H. Quế Võ	21° 06' 32"	106° 17' 01"					F-48-69-D-c
đình Vệ Xá	KX	xã Đức Long	H. Quế Võ	21° 07' 27"	106° 16' 12"					F-48-69-D-c
Quốc lộ 18	KX	xã Đức Long	H. Quế Võ			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-D-c
Sông Cầu	TV	xã Đức Long	H. Quế Võ			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-D-a
Sông Đuống	TV	xã Đức Long	H. Quế Võ			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-68-D-c
sông Thái Bình	TV	xã Đức Long	H. Quế Võ			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 59' 34"	106° 16' 15"	F-48-69-D-c, F-48-69-D-a
thôn Hán Đà	DC	xã Hán Quảng	H. Quế Võ	21° 04' 52"	106° 05' 57"					F-48-69-C-c
thôn Quảng Lãm	DC	xã Hán Quảng	H. Quế Võ	21° 05' 33"	106° 05' 54"					F-48-69-C-c
thôn Thị Thôn	DC	xã Hán Quảng	H. Quế Võ	21° 05' 52"	106° 06' 36"					F-48-69-C-c
đền thờ Tiến sỹ Nguyễn Đăng	KX	xã Hán Quảng	H. Quế Võ	21° 04' 44"	106° 05' 49"					F-48-69-C-c
đình Hán Đà	KX	xã Hán Quảng	H. Quế Võ	21° 04' 54"	106° 05' 55"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 279	KX	xã Hán Quảng	H. Quế Võ			21° 12' 17"	106° 05' 20"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Quốc lộ 38 (Mới)	KX	xã Hán Quảng	H. Quế Võ			21° 08' 22"	106° 04' 27"	21° 04' 59"	106° 05' 22"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Hán Quảng	H. Quế Võ			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-c
kênh TQ5	TV	xã Hán Quảng	H. Quế Võ			21° 04' 41"	106° 05' 46"	21° 06' 23"	106° 05' 29"	F-48-69-C-c
ngòi Con Tền	TV	xã Hán Quảng	H. Quế Võ			21° 08' 23"	106° 06' 06"	21° 05' 42"	106° 06' 52"	F-48-69-C-c
Sông Đuống	TV	xã Hán Quảng	H. Quế Võ			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-c
thôn Mai Ổ	DC	xã Mộ Đạo	H. Quế Võ	21° 06' 53"	106° 08' 45"					F-48-69-C-d
thôn Mộ Đạo	DC	xã Mộ Đạo	H. Quế Võ	21° 07' 46"	106° 08' 55"					F-48-69-C-b
thôn Trạc Nhiệt	DC	xã Mộ Đạo	H. Quế Võ	21° 07' 02"	106° 08' 33"					F-48-69-C-d
thôn Trúc Ổ	DC	xã Mộ Đạo	H. Quế Võ	21° 07' 12"	106° 08' 11"					F-48-69-C-d
Đền Đậu	KX	xã Mộ Đạo	H. Quế Võ	21° 06' 50"	106° 09' 24"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 279	KX	xã Mộ Đạo	H. Quế Võ			21° 12' 17"	106° 05' 20"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-d
Trường Trung học phổ thông Quế Võ số 3	KX	xã Mộ Đạo	H. Quế Võ	21° 07' 04"	106° 09' 05"					F-48-69-C-d
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Mộ Đạo	H. Quế Võ			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-d
Sông Đuống	TV	xã Mộ Đạo	H. Quế Võ			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-d
thôn Cự Tự	DC	xã Ngọc Xá	H. Quế Võ	21° 07' 52"	106° 14' 24"					F-48-69-C-b
thôn Hữu Bằng	DC	xã Ngọc Xá	H. Quế Võ	21° 08' 18"	106° 13' 13"					F-48-69-C-b
thôn Kim Sơn	DC	xã Ngọc Xá	H. Quế Võ	21° 08' 06"	106° 13' 47"					F-48-69-C-b
thôn Long Khê	DC	xã Ngọc Xá	H. Quế Võ	21° 07' 18"	106° 13' 20"					F-48-69-C-d
thôn Phùng Di	DC	xã Ngọc Xá	H. Quế Võ	21° 08' 45"	106° 12' 55"					F-48-69-C-b
chùa Hữu Bằng	KX	xã Ngọc Xá	H. Quế Võ	21° 08' 22"	106° 13' 21"					F-48-69-C-b
Khu công nghiệp Quế Võ II	KX	xã Ngọc Xá	H. Quế Võ	21° 07' 44"	106° 13' 15"					F-48-69-C-b
Nhà máy Gạch Tân Giếng Đáy	KX	xã Ngọc Xá	H. Quế Võ	21° 07' 37"	106° 12' 45"					F-48-69-C-b
Quốc lộ 18	KX	xã Ngọc Xá	H. Quế Võ			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-C-b, F-48-69-C-d
núi Châu Sơn	SV	xã Ngọc Xá	H. Quế Võ	21° 08' 30"	106° 13' 47"					F-48-69-C-b
Kênh Nam	TV	xã Ngọc Xá	H. Quế Võ			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-69-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Sông Đuống	TV	xã Ngọc Xá	H. Quế Võ			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-d
thôn Bất Phí	DC	xã Nhân Hòa	H. Quế Võ	21° 11' 13"	106° 08' 05"					F-48-69-C-b
thôn Cung Kiệm	DC	xã Nhân Hòa	H. Quế Võ	21° 11' 16"	106° 09' 28"					F-48-69-C-b
thôn Đồng Chuế	DC	xã Nhân Hòa	H. Quế Võ	21° 11' 20"	106° 08' 52"					F-48-69-C-b
thôn Trại Đường	DC	xã Nhân Hòa	H. Quế Võ	21° 10' 41"	106° 08' 48"					F-48-69-C-b
chùa Cung Kiệm	KX	xã Nhân Hòa	H. Quế Võ	21° 11' 11"	106° 09' 27"					F-48-69-C-b
Đường tỉnh 279	KX	xã Nhân Hòa	H. Quế Võ			21° 12' 17"	106° 05' 20"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-b
Sông Cầu	TV	xã Nhân Hòa	H. Quế Võ			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-C-b
thôn An Trạch	DC	xã Phù Lãng	H. Quế Võ	21° 10' 02"	106° 14' 44"					F-48-69-C-b
thôn Đoàn Kết	DC	xã Phù Lãng	H. Quế Võ	21° 09' 30"	106° 15' 05"					F-48-69-C-b
thôn Đồng Sài	DC	xã Phù Lãng	H. Quế Võ	21° 08' 53"	106° 13' 42"					F-48-69-C-b
thôn Phù Lãng	DC	xã Phù Lãng	H. Quế Võ	21° 08' 42"	106° 14' 50"					F-48-69-C-b
thôn Thủ Công	DC	xã Phù Lãng	H. Quế Võ	21° 09' 40"	106° 15' 04"					F-48-69-D-a
chùa An Trạch	KX	xã Phù Lãng	H. Quế Võ	21° 09' 54"	106° 14' 30"					F-48-69-C-b
chùa Cao Sơn	KX	xã Phù Lãng	H. Quế Võ	21° 09' 32"	106° 15' 01"					F-48-69-D-a
núi Châu Sơn	SV	xã Phù Lãng	H. Quế Võ	21° 08' 30"	106° 13' 47"					F-48-69-C-b
Sông Cầu	TV	xã Phù Lãng	H. Quế Võ			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-C-b, F-48-69-D-a
thôn Hiền Lương	DC	xã Phù Lương	H. Quế Võ	21° 08' 50"	106° 12' 26"					F-48-69-C-b
thôn Phù Lang	DC	xã Phù Lương	H. Quế Võ	21° 09' 33"	106° 11' 53"					F-48-69-C-b
thôn Yên Đình	DC	xã Phù Lương	H. Quế Võ	21° 09' 51"	106° 12' 09"					F-48-69-C-b
chùa Minh Lương	KX	xã Phù Lương	H. Quế Võ	21° 08' 51"	106° 12' 44"					F-48-69-C-b
chùa Yên Đình	KX	xã Phù Lương	H. Quế Võ	21° 09' 53"	106° 12' 03"					F-48-69-C-b
đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư	KX	xã Phù Lương	H. Quế Võ	21° 08' 55"	106° 12' 28"					F-48-69-C-b
đình Yên Đình	KX	xã Phù Lương	H. Quế Võ	21° 09' 55"	106° 11' 59"					F-48-69-C-b
Quốc lộ 17	KX	xã Phù Lương	H. Quế Võ			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Phù Lương	H. Quế Võ			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-b
Sông Cầu	TV	xã Phù Lương	H. Quế Võ			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-C-b
thôn Do Nha	DC	xã Phương Liễu	H. Quế Võ	21° 10' 31"	106° 06' 35"					F-48-69-C-a
thôn Giang Liễu	DC	xã Phương Liễu	H. Quế Võ	21° 09' 50"	106° 07' 33"					F-48-69-C-b
thôn Hà Liễu	DC	xã Phương Liễu	H. Quế Võ	21° 10' 01"	106° 08' 08"					F-48-69-C-b
thôn Phương Cầu	DC	xã Phương Liễu	H. Quế Võ	21° 10' 35"	106° 06' 13"					F-48-69-C-a
xóm Trại Hà	DC	xã Phương Liễu	H. Quế Võ	21° 09' 55"	106° 08' 38"					F-48-69-C-b
Công ty Liên doanh Kinh nội Việt - Nhật	KX	xã Phương Liễu	H. Quế Võ	21° 09' 46"	106° 06' 43"					F-48-69-C-a
chùa Giang Liễu	KX	xã Phương Liễu	H. Quế Võ	21° 09' 52"	106° 07' 24"					F-48-69-C-a
đền Giang Liễu	KX	xã Phương Liễu	H. Quế Võ	21° 09' 53"	106° 07' 23"					F-48-69-C-a
đình Do Nha	KX	xã Phương Liễu	H. Quế Võ	21° 10' 31"	106° 06' 26"					F-48-69-C-a
đình Giang Liễu	KX	xã Phương Liễu	H. Quế Võ	21° 09' 46"	106° 07' 33"					F-48-69-C-b
Đường tỉnh 279	KX	xã Phương Liễu	H. Quế Võ			21° 12' 17"	106° 05' 20"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-b
Khu công nghiệp Quế Võ	KX	xã Phương Liễu	H. Quế Võ	21° 09' 28"	106° 06' 27"					F-48-69-C-a
nghe Hà Liễu	KX	xã Phương Liễu	H. Quế Võ	21° 09' 59"	106° 07' 58"					F-48-69-C-b
Nhà máy phân bón Hà Gianh	KX	xã Phương Liễu	H. Quế Võ	21° 10' 17"	106° 08' 40"					F-48-69-C-b
Quốc lộ 18	KX	xã Phương Liễu	H. Quế Võ			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-C-a, F-48-69-C-b
thôn Mao Dộc	DC	xã Phương Mao	H. Quế Võ	21° 09' 09"	106° 08' 03"					F-48-69-C-b
thôn Mao Lại	DC	xã Phương Mao	H. Quế Võ	21° 08' 57"	106° 08' 55"					F-48-69-C-b
thôn Mao Trung	DC	xã Phương Mao	H. Quế Võ	21° 09' 06"	106° 08' 35"					F-48-69-C-b
thôn Mao Yên	DC	xã Phương Mao	H. Quế Võ	21° 08' 46"	106° 08' 21"					F-48-69-C-b
Đường tỉnh 279	KX	xã Phương Mao	H. Quế Võ			21° 12' 17"	106° 05' 20"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-b
Khu công nghiệp Quế Võ	KX	xã Phương Mao	H. Quế Võ	21° 09' 28"	106° 06' 27"					F-48-69-C-b
Quốc lộ 18	KX	xã Phương Mao	H. Quế Võ			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-C-b
Kênh Nam	TV	xã Phương Mao	H. Quế Võ			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-69-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Đông Viên Hạ	DC	xã Quế Tân	H. Quế Võ	21° 10' 30"	106° 12' 57"					F-48-69-C-b
thôn Đông Viên Thượng	DC	xã Quế Tân	H. Quế Võ	21° 10' 33"	106° 12' 15"					F-48-69-C-b
thôn Lạc Xá	DC	xã Quế Tân	H. Quế Võ	21° 10' 10"	106° 11' 30"					F-48-69-C-b
thôn Lê Độ	DC	xã Quế Tân	H. Quế Võ	21° 10' 48"	106° 11' 35"					F-48-69-C-b
thôn Quế Tân	DC	xã Quế Tân	H. Quế Võ	21° 09' 46"	106° 10' 34"					F-48-69-C-b
thôn Xuân Thuỷ	DC	xã Quế Tân	H. Quế Võ	21° 10' 30"	106° 10' 50"					F-48-69-C-b
trại Chùa Duối	DC	xã Quế Tân	H. Quế Võ	21° 10' 25"	106° 11' 57"					F-48-69-C-b
cầu Đông Viên	KX	xã Quế Tân	H. Quế Võ	21° 10' 38"	106° 12' 35"					F-48-69-C-b
chùa Lê Độ	KX	xã Quế Tân	H. Quế Võ	21° 10' 48"	106° 11' 30"					F-48-69-C-b
Quốc lộ 17	KX	xã Quế Tân	H. Quế Võ			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-b
Sông Cầu	TV	xã Quế Tân	H. Quế Võ			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-C-b
thôn Can Vũ	DC	xã Việt Hùng	H. Quế Võ	21° 08' 42"	106° 09' 25"					F-48-69-C-b
Thôn Guột	DC	xã Việt Hùng	H. Quế Võ	21° 08' 33"	106° 10' 48"					F-48-69-C-b
Thôn Lợ	DC	xã Việt Hùng	H. Quế Võ	21° 08' 51"	106° 09' 38"					F-48-69-C-b
Thôn Lừa	DC	xã Việt Hùng	H. Quế Võ	21° 08' 35"	106° 10' 28"					F-48-69-C-b
thôn Nghiêm Xá	DC	xã Việt Hùng	H. Quế Võ	21° 09' 12"	106° 09' 50"					F-48-69-C-b
Trại Lừa	DC	xã Việt Hùng	H. Quế Võ	21° 08' 52"	106° 10' 20"					F-48-69-C-b
cầu Dũng Quyết	KX	xã Việt Hùng	H. Quế Võ	21° 08' 11"	106° 10' 54"					F-48-69-C-b
chùa Nghiêm Xá	KX	xã Việt Hùng	H. Quế Võ	21° 09' 17"	106° 09' 47"					F-48-69-C-b
Đình Guột	KX	xã Việt Hùng	H. Quế Võ	21° 08' 24"	106° 10' 44"					F-48-69-C-b
Đình Lừa	KX	xã Việt Hùng	H. Quế Võ	21° 08' 36"	106° 10' 22"					F-48-69-C-b
Khu công nghiệp Quế Võ III	KX	xã Việt Hùng	H. Quế Võ	21° 08' 53"	106° 10' 51"					F-48-69-C-b
miếu Đại Trung	KX	xã Việt Hùng	H. Quế Võ	21° 08' 34"	106° 10' 42"					F-48-69-C-b
nhà thờ họ Nguyễn Quý	KX	xã Việt Hùng	H. Quế Võ	21° 08' 23"	106° 10' 45"					F-48-69-C-b
Quốc lộ 17	KX	xã Việt Hùng	H. Quế Võ			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-b
Quốc lộ 18	KX	xã Việt Hùng	H. Quế Võ			21° 10' 57"	106° 03' 42"	21° 06' 54"	106° 17' 39"	F-48-69-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Kênh Nam	TV	xã Việt Hùng	H. Quế Võ			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-69-C-d
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Việt Hùng	H. Quế Võ			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-b
thôn Thống Hạ	DC	xã Việt Thống	H. Quế Võ	21° 12' 42"	106° 08' 04"					F-48-69-C-b
thôn Thống Thượng	DC	xã Việt Thống	H. Quế Võ	21° 12' 29"	106° 07' 32"					F-48-69-C-b
thôn Việt Hưng	DC	xã Việt Thống	H. Quế Võ	21° 11' 58"	106° 09' 04"					F-48-69-C-b
thôn Việt Vân	DC	xã Việt Thống	H. Quế Võ	21° 12' 10"	106° 08' 46"					F-48-69-C-b
thôn Yên Ngô	DC	xã Việt Thống	H. Quế Võ	21° 12' 38"	106° 08' 41"					F-48-69-C-b
Sông Cầu	TV	xã Việt Thống	H. Quế Võ			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-C-b, F-48-69-C-a
thôn La Miệt	DC	xã Yên Giả	H. Quế Võ	21° 06' 52"	106° 07' 39"					F-48-69-C-d
thôn Nga Hoàng	DC	xã Yên Giả	H. Quế Võ	21° 07' 39"	106° 06' 37"					F-48-69-C-d
thôn Phương Lưu	DC	xã Yên Giả	H. Quế Võ	21° 07' 39"	106° 07' 15"					F-48-69-C-d
thôn Yên Giả	DC	xã Yên Giả	H. Quế Võ	21° 07' 52"	106° 07' 49"					F-48-69-C-d
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Yên Giả	H. Quế Võ			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-c, F-48-69-C-d
ngòi Con Tên	TV	xã Yên Giả	H. Quế Võ			21° 08' 23"	106° 06' 06"	21° 05' 42"	106° 06' 52"	F-48-69-C-c
khu phố Đông Côi	DC	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 02' 20"	106° 05' 28"					F-48-69-C-c
khu Phố Hồ	DC	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 03' 54"	106° 05' 06"					F-48-69-C-c
khu Phố Mới	DC	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 03' 22"	106° 05' 08"					F-48-69-C-c
thôn Ấp Đông Côi	DC	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 02' 22"	106° 05' 14"					F-48-69-C-c
thôn Bến Hồ	DC	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 04' 07"	106° 05' 07"					F-48-69-C-c
thôn Cả Đông Côi	DC	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 02' 49"	106° 05' 42"					F-48-69-C-c
thôn Chương Xá	DC	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 04' 01"	106° 05' 31"					F-48-69-C-c
thôn Lạc Thổ Bắc	DC	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 03' 59"	106° 05' 19"					F-48-69-C-c
thôn Lạc Thổ Nam	DC	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 03' 47"	106° 05' 23"					F-48-69-C-c
thôn Lê Đông Côi	DC	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 02' 44"	106° 05' 24"					F-48-69-C-c
cầu Đông Côi	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 02' 33"	106° 05' 33"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Cầu Hồ	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 04' 19"	106° 05' 33"					F-48-69-C-c
cầu Hồ Chương	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 03' 41"	106° 05' 37"					F-48-69-C-c
cầu Lạc Thổ	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 03' 38"	106° 05' 15"					F-48-69-C-c
Công ty Khai Sơn	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 02' 39"	106° 05' 15"					F-48-69-C-c
đình Đông Côi	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 02' 48"	106° 05' 41"					F-48-69-C-c
đình Lạc Thổ	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 04' 02"	106° 05' 16"					F-48-69-C-c
đường Kinh Dương Vương	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành			21° 04' 10"	106° 05' 35"	21° 02' 22"	106° 05' 36"	F-48-69-C-c
đường Lạc Long Quân	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành			21° 02' 22"	106° 05' 36"	21° 02' 18"	106° 05' 08"	F-48-69-C-c
Đường tỉnh 280	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành			21° 04' 04"	106° 05' 36"	20° 58' 14"	106° 09' 55"	F-48-69-C-c
Đường tỉnh 283	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành			21° 04' 04"	106° 05' 36"	21° 00' 15"	106° 00' 37"	F-48-69-C-c
đường Thiên Đức	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành			21° 04' 04"	106° 05' 36"	21° 03' 59"	106° 05' 02"	F-48-69-C-c
Khu công nghiệp Thuận Thành II	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 03' 36"	106° 06' 04"					F-48-69-C-c
Quốc lộ 17	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-c
Quốc lộ 38	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành			21° 10' 45"	106° 03' 26"	20° 59' 43"	106° 07' 45"	F-48-69-C-c
Trường Đại học Kỹ thuật Hậu cần Công an Nhân dân	KX	TT. Hồ	H. Thuận Thành	21° 02' 32"	106° 05' 52"					F-48-69-C-c
Kênh Bắc	TV	TT. Hồ	H. Thuận Thành			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Đông Côi Đại Quảng Bình	TV	TT. Hồ	H. Thuận Thành			21° 03' 00"	106° 02' 54"	21° 02' 39"	106° 08' 25"	F-48-69-C-c
Sông Đuống	TV	TT. Hồ	H. Thuận Thành			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-c
Thôn Chợ	DC	xã An Bình	H. Thuận Thành	21° 03' 01"	106° 06' 40"					F-48-69-C-c
Thôn Đường	DC	xã An Bình	H. Thuận Thành	21° 03' 03"	106° 06' 16"					F-48-69-C-c
Thôn Giữa	DC	xã An Bình	H. Thuận Thành	21° 03' 02"	106° 06' 28"					F-48-69-C-c
thôn Nghi Khúc	DC	xã An Bình	H. Thuận Thành	21° 02' 47"	106° 07' 43"					F-48-69-C-d
thôn Thường Vũ	DC	xã An Bình	H. Thuận Thành	21° 02' 46"	106° 06' 54"					F-48-69-C-c
thôn Yên Ngô	DC	xã An Bình	H. Thuận Thành	21° 02' 58"	106° 06' 54"					F-48-69-C-c
đền Bình Ngô	KX	xã An Bình	H. Thuận Thành	21° 02' 58"	106° 06' 23"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đình Phú Lộc	KX	xã An Bình	H. Thuận Thành	21° 02' 56"	106° 07' 48"					F-48-69-C-d
Khu công nghiệp Thuận Thành II	KX	xã An Bình	H. Thuận Thành	21° 03' 36"	106° 06' 04"					F-48-69-C-c
Quốc lộ 17	KX	xã An Bình	H. Thuận Thành			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-c, F-48-69-C-d
kênh tiêu Đông Côi Đại Quảng Bình	TV	xã An Bình	H. Thuận Thành			21° 03' 00"	106° 02' 54"	21° 02' 39"	106° 08' 25"	F-48-69-C-c, F-48-69-C-d
thôn Á Lữ	DC	xã Đại Đồng Thành	H. Thuận Thành	21° 04' 11"	106° 02' 44"					F-48-69-C-c
thôn Đồng Đoài	DC	xã Đại Đồng Thành	H. Thuận Thành	21° 04' 34"	106° 03' 37"					F-48-69-C-c
thôn Đồng Đông	DC	xã Đại Đồng Thành	H. Thuận Thành	21° 04' 27"	106° 04' 07"					F-48-69-C-c
thôn Đồng Văn	DC	xã Đại Đồng Thành	H. Thuận Thành	21° 04' 27"	106° 03' 13"					F-48-69-C-c
đền thờ Kinh Dương Vương	KX	xã Đại Đồng Thành	H. Thuận Thành	21° 04' 14"	106° 02' 44"					F-48-69-C-c
đình Đồng Đoài	KX	xã Đại Đồng Thành	H. Thuận Thành	21° 04' 38"	106° 03' 24"					F-48-69-C-c
đình Đồng Đông	KX	xã Đại Đồng Thành	H. Thuận Thành	21° 04' 24"	106° 04' 08"					F-48-69-C-c
đình Đồng Văn	KX	xã Đại Đồng Thành	H. Thuận Thành	21° 04' 28"	106° 03' 13"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 283	KX	xã Đại Đồng Thành	H. Thuận Thành			21° 04' 04"	106° 05' 36"	21° 00' 15"	106° 00' 37"	F-48-69-C-c
lăng Kinh Dương Vương	KX	xã Đại Đồng Thành	H. Thuận Thành	21° 04' 22"	106° 02' 50"					F-48-69-C-c
nghe Đồng Đoài	KX	xã Đại Đồng Thành	H. Thuận Thành	21° 04' 41"	106° 03' 31"					F-48-69-C-c
Kênh Bắc	TV	xã Đại Đồng Thành	H. Thuận Thành			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-c
Sông Đuống	TV	xã Đại Đồng Thành	H. Thuận Thành			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-c
thôn Bút Tháp	DC	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành	21° 03' 32"	106° 01' 34"					F-48-69-C-c
thôn Đại Trạch	DC	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành	21° 03' 29"	106° 02' 35"					F-48-69-C-c
thôn Đình Tổ	DC	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành	21° 03' 44"	106° 00' 42"					F-48-69-C-c
thôn Phú Mỹ	DC	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành	21° 04' 04"	106° 02' 26"					F-48-69-C-c
xóm Ô Chi	DC	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành	21° 03' 36"	106° 01' 49"					F-48-69-C-c
chùa Bút Tháp	KX	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành	21° 03' 42"	106° 01' 13"					F-48-69-C-c
chùa Hương Thủy	KX	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành	21° 03' 30"	106° 02' 18"					F-48-69-C-c
đình Bút Tháp	KX	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành	21° 03' 40"	106° 01' 30"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đình Đại Trạch	KX	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành	21° 03' 26"	106° 02' 37"					F-48-69-C-c
đình Đình Tổ	KX	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành	21° 03' 45"	106° 00' 48"					F-48-69-C-c
đình Phú Mỹ	KX	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành	21° 04' 02"	106° 02' 14"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 283	KX	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành			21° 04' 04"	106° 05' 36"	21° 00' 15"	106° 00' 37"	F-48-69-C-c
Kênh Bắc	TV	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-c
kênh dẫn Phù Sa	TV	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành			21° 03' 39"	106° 02' 58"	21° 01' 59"	106° 02' 42"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Đông Côi Đại Quảng Bình	TV	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành			21° 03' 00"	106° 02' 54"	21° 02' 39"	106° 08' 25"	F-48-69-C-c
sông Bắc Hưng Hải	TV	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành			21° 03' 31"	106° 02' 15"	20° 59' 54"	106° 00' 59"	F-48-69-C-c
Sông Đuống	TV	xã Đình Tổ	H. Thuận Thành			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-c
thôn Ngọc Khám	DC	xã Gia Đông	H. Thuận Thành	21° 02' 01"	106° 04' 40"					F-48-69-C-c
thôn Tam Á	DC	xã Gia Đông	H. Thuận Thành	21° 01' 58"	106° 03' 59"					F-48-69-C-c
thôn Yên Nho	DC	xã Gia Đông	H. Thuận Thành	21° 01' 43"	106° 05' 13"					F-48-69-C-c
Bệnh viện Đa khoa Huyện Thuận Thành	KX	xã Gia Đông	H. Thuận Thành	21° 02' 21"	106° 05' 06"					F-48-69-C-c
Công ty Đức Việt	KX	xã Gia Đông	H. Thuận Thành	21° 02' 30"	106° 03' 42"					F-48-69-C-c
chùa Linh Ứng	KX	xã Gia Đông	H. Thuận Thành	21° 02' 18"	106° 05' 02"					F-48-69-C-c
đền Sỹ Nhiếp	KX	xã Gia Đông	H. Thuận Thành	21° 02' 03"	106° 03' 46"					F-48-69-C-c
Khu công nghiệp Thuận Thành III	KX	xã Gia Đông	H. Thuận Thành	21° 02' 34"	106° 03' 28"					F-48-69-C-c
Quốc lộ 17	KX	xã Gia Đông	H. Thuận Thành			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-c
Quốc lộ 38	KX	xã Gia Đông	H. Thuận Thành			21° 10' 45"	106° 03' 26"	20° 59' 43"	106° 07' 45"	F-48-69-C-c
Kênh Giữa	TV	xã Gia Đông	H. Thuận Thành			21° 01' 31"	106° 00' 18"	21° 03' 10"	106° 15' 06"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Đông Côi Đại Quảng Bình	TV	xã Gia Đông	H. Thuận Thành			21° 03' 00"	106° 02' 54"	21° 02' 39"	106° 08' 25"	F-48-69-C-c
thôn Công Hà	DC	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành	21° 01' 58"	106° 02' 03"					F-48-69-C-c
thôn Đông Cốc	DC	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành	21° 01' 38"	106° 02' 27"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Mãn Xá Đông	DC	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành	21° 01' 24"	106° 01' 49"					F-48-69-C-c
thôn Mãn Xá Tây	DC	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành	21° 01' 20"	106° 01' 31"					F-48-69-C-c
Cầu Cốc	KX	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành	21° 01' 49"	106° 02' 24"					F-48-69-C-c
Cầu Dâu	KX	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành	21° 02' 10"	106° 02' 16"					F-48-69-C-c
cầu Giữa Làng Cốc	KX	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành	21° 01' 36"	106° 02' 25"					F-48-69-C-c
Cầu Lươn	KX	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành	21° 01' 46"	106° 02' 13"					F-48-69-C-c
cầu Mãn Xá	KX	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành	21° 01' 40"	106° 01' 47"					F-48-69-C-c
chùa Phúc Nghiêm	KX	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành	21° 01' 54"	106° 01' 51"					F-48-69-C-c
đình Công Hà	KX	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành	21° 01' 57"	106° 02' 01"					F-48-69-C-c
đình Đông Cốc	KX	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành	21° 01' 34"	106° 02' 26"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 283	KX	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành			21° 04' 04"	106° 05' 36"	21° 00' 15"	106° 00' 37"	F-48-69-C-c
Khu công nghiệp vừa và nhỏ Hà Mãn - Trí Quả	KX	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành	21° 02' 03"	106° 01' 30"					F-48-69-C-c
Quốc lộ 17	KX	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-c
Kênh Giữa	TV	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành			21° 01' 31"	106° 00' 18"	21° 03' 10"	106° 15' 06"	F-48-69-C-c
sông Bắc Hưng Hải	TV	xã Hà Mãn	H. Thuận Thành			21° 03' 31"	106° 02' 15"	20° 59' 54"	106° 00' 59"	F-48-69-C-c
thôn Bình Cầu	DC	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 05' 30"	106° 06' 38"					F-48-69-C-c
thôn Dực Vy	DC	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 04' 54"	106° 06' 31"					F-48-69-C-c
thôn Đại Mão	DC	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 05' 04"	106° 06' 50"					F-48-69-C-c
thôn Đông Miếu	DC	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 04' 55"	106° 07' 12"					F-48-69-C-c
thôn Lam Cầu	DC	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 05' 29"	106° 06' 49"					F-48-69-C-c
thôn Nghĩa Vy	DC	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 05' 10"	106° 06' 30"					F-48-69-C-c
thôn Ngọ Xá	DC	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 04' 01"	106° 05' 53"					F-48-69-C-c
thôn Thượng Trí Ấp	DC	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 04' 08"	106° 06' 21"					F-48-69-C-c
thôn Thượng Trí Làng	DC	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 04' 24"	106° 06' 07"					F-48-69-C-c
bến đò Lam Cầu	KX	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 05' 35"	106° 06' 48"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Đông Miếu	KX	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 04' 54"	106° 07' 08"					F-48-69-C-c
đình Bình Cầu	KX	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 05' 26"	106° 06' 35"					F-48-69-C-c
đình Đại Mão	KX	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 05' 01"	106° 06' 48"					F-48-69-C-c
đình Đông Miếu	KX	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 04' 55"	106° 07' 06"					F-48-69-C-c
đình Lam Cầu	KX	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 05' 22"	106° 06' 48"					F-48-69-C-c
đình Ngọ Xá	KX	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 03' 59"	106° 05' 57"					F-48-69-C-c
đình Thượng Tri	KX	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 04' 26"	106° 06' 06"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 280	KX	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành			21° 04' 04"	106° 05' 36"	20° 58' 14"	106° 09' 55"	F-48-69-C-c
Khu công nghiệp Thuận Thành II	KX	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 03' 36"	106° 06' 04"					F-48-69-C-c
nhà thờ họ Lê Doãn	KX	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành	21° 05' 04"	106° 06' 56"					F-48-69-C-c
Kênh Bắc	TV	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-c
Sông Đuống	TV	xã Hoài Thượng	H. Thuận Thành			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-c
thôn Ba Xóm Ba	DC	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 03' 52"	106° 07' 42"					F-48-69-C-d
thôn Bàng Cả Đình Mạn	DC	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 03' 54"	106° 07' 16"					F-48-69-C-c
Thôn Công	DC	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 03' 36"	106° 07' 31"					F-48-69-C-d
thôn Lũy Hậu	DC	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 04' 04"	106° 07' 33"					F-48-69-C-d
Thôn Nội	DC	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 03' 18"	106° 07' 40"					F-48-69-C-d
thôn Ngòi Hồ Tùng	DC	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 03' 46"	106° 07' 24"					F-48-69-C-c
Thôn Táo	DC	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 03' 47"	106° 07' 49"					F-48-69-C-d
thôn Thụy Mão	DC	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 04' 24"	106° 07' 20"					F-48-69-C-c
chùa Khánh Lâm	KX	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 03' 34"	106° 07' 27"					F-48-69-C-c
đền Hồi Nguyên Đường	KX	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 04' 04"	106° 07' 42"					F-48-69-C-d
đình Mão Điền Đoài	KX	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 03' 52"	106° 07' 31"					F-48-69-C-d
đình Mão Điền Đông	KX	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 03' 38"	106° 07' 48"					F-48-69-C-d
đình Thụy Mão	KX	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 04' 21"	106° 07' 19"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Đường tỉnh 280	KX	xã Mão Điền	H. Thuận Thành			21° 04' 04"	106° 05' 36"	20° 58' 14"	106° 09' 55"	F-48-69-C-c, F-48-69-C-d
Khu công nghiệp Thuận Thành II	KX	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 03' 36"	106° 06' 04"					F-48-69-C-c
Nhà thờ họ Ngô	KX	xã Mão Điền	H. Thuận Thành	21° 03' 18"	106° 07' 38"					F-48-69-C-d
Quốc lộ 17	KX	xã Mão Điền	H. Thuận Thành			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-d
Kênh Bắc	TV	xã Mão Điền	H. Thuận Thành			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-c, F-48-69-C-d
kênh tiêu Đông Côi Đại Quảng Bình	TV	xã Mão Điền	H. Thuận Thành			21° 03' 00"	106° 02' 54"	21° 02' 39"	106° 08' 25"	F-48-69-C-c, F-48-69-C-d
Sông Đuống	TV	xã Mão Điền	H. Thuận Thành			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-c, F-48-69-C-d
thôn Đạo Xá	DC	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành	21° 00' 17"	106° 06' 46"					F-48-69-C-c
thôn Đông Lĩnh	DC	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành	21° 00' 13"	106° 06' 57"					F-48-69-C-c
thôn Đông Ngoại	DC	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành	21° 00' 11"	106° 07' 13"					F-48-69-C-c
thôn Nội Trung	DC	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành	21° 00' 30"	106° 07' 14"					F-48-69-C-c
thôn Nghĩa Thuận	DC	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành	21° 00' 35"	106° 08' 07"					F-48-69-C-d
thôn Nghĩa Xá	DC	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành	21° 00' 44"	106° 07' 02"					F-48-69-C-c
thôn Nhiễm Dương	DC	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành	20° 59' 18"	106° 07' 20"					F-48-81-A-a
thôn Phúc Lâm	DC	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành	21° 00' 23"	106° 06' 54"					F-48-69-C-c
thôn Quang Hưng	DC	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành	21° 00' 53"	106° 06' 56"					F-48-69-C-c
đền Nghĩa Xá	KX	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành	21° 00' 45"	106° 07' 03"					F-48-69-C-d
Đường tỉnh 281	KX	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành			21° 00' 07"	106° 03' 57"	21° 02' 31"	106° 17' 21"	F-48-69-C-c
Quốc lộ 38	KX	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành			21° 10' 45"	106° 03' 26"	20° 59' 43"	106° 07' 45"	F-48-69-C-c, F-48-69-C-d, F-48-81-A-b
xí nghiệp Tam Thiên Mầu	KX	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành	21° 00' 43"	106° 08' 03"					F-48-69-C-d
Kênh Giữa	TV	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành			21° 01' 31"	106° 00' 18"	21° 03' 10"	106° 15' 06"	F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Sông Bui	TV	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành			21° 00' 34"	106° 05' 52"	20° 59' 44"	106° 07' 42"	F-48-69-C-c
sông Nội Trung	TV	xã Nghĩa Đạo	H. Thuận Thành			20° 59' 44"	106° 07' 44"	21° 02' 18"	106° 07' 09"	F-48-69-C-c
thôn Bui Xá	DC	xã Ngũ Thái	H. Thuận Thành	21° 00' 47"	106° 01' 55"					F-48-69-C-c
thôn Cừ Yên	DC	xã Ngũ Thái	H. Thuận Thành	21° 01' 21"	106° 02' 06"					F-48-69-C-c
thôn Đồng Ngư	DC	xã Ngũ Thái	H. Thuận Thành	21° 00' 48"	106° 01' 32"					F-48-69-C-c
thôn Liễu Ngạn	DC	xã Ngũ Thái	H. Thuận Thành	21° 00' 32"	106° 01' 36"					F-48-69-C-c
thôn Tứ Cờ	DC	xã Ngũ Thái	H. Thuận Thành	21° 01' 04"	106° 02' 11"					F-48-69-C-c
đền Đồng Ngư	KX	xã Ngũ Thái	H. Thuận Thành	21° 00' 48"	106° 01' 20"					F-48-69-C-c
đình Cừ Yên	KX	xã Ngũ Thái	H. Thuận Thành	21° 01' 19"	106° 02' 06"					F-48-69-C-c
đình Liễu Ngạn	KX	xã Ngũ Thái	H. Thuận Thành	21° 00' 24"	106° 01' 27"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 283	KX	xã Ngũ Thái	H. Thuận Thành			21° 04' 04"	106° 05' 36"	21° 00' 15"	106° 00' 37"	F-48-69-C-c
nhà thờ họ Nguyễn Gia Thiều	KX	xã Ngũ Thái	H. Thuận Thành	21° 00' 30"	106° 01' 33"					F-48-69-C-c
sông Bắc Hưng Hải	TV	xã Ngũ Thái	H. Thuận Thành			21° 03' 31"	106° 02' 15"	20° 59' 54"	106° 00' 59"	F-48-69-C-c
sông Lang Tài (Nôm)	TV	xã Ngũ Thái	H. Thuận Thành			21° 01' 18"	106° 02' 19"	20° 59' 48"	106° 04' 41"	F-48-69-C-c
thôn Đào Viên	DC	xã Nguyệt Đức	H. Thuận Thành	20° 59' 55"	106° 04' 34"					F-48-69-C-c
thôn Điện Tiền	DC	xã Nguyệt Đức	H. Thuận Thành	21° 00' 15"	106° 04' 11"					F-48-69-C-c
thôn Kim Tháp	DC	xã Nguyệt Đức	H. Thuận Thành	21° 00' 36"	106° 04' 01"					F-48-69-C-c
thôn Lê Xá	DC	xã Nguyệt Đức	H. Thuận Thành	21° 00' 24"	106° 03' 55"					F-48-69-C-c
thôn Quán Tranh	DC	xã Nguyệt Đức	H. Thuận Thành	21° 01' 25"	106° 03' 42"					F-48-69-C-c
thôn Thư Đôi	DC	xã Nguyệt Đức	H. Thuận Thành	21° 00' 47"	106° 03' 32"					F-48-69-C-c
thôn Yên Nhuế	DC	xã Nguyệt Đức	H. Thuận Thành	21° 00' 32"	106° 02' 39"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 281	KX	xã Nguyệt Đức	H. Thuận Thành			21° 00' 07"	106° 03' 57"	21° 02' 31"	106° 17' 21"	F-48-69-C-c
Kênh Giữa	TV	xã Nguyệt Đức	H. Thuận Thành			21° 01' 31"	106° 00' 18"	21° 03' 10"	106° 15' 06"	F-48-69-C-c
sông Lang Tài (Nôm)	TV	xã Nguyệt Đức	H. Thuận Thành			21° 01' 18"	106° 02' 19"	20° 59' 48"	106° 04' 41"	F-48-69-C-c, F-48-81-A-a
thôn Bui Xá	DC	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 00' 15"	106° 06' 12"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Thôn Chè	DC	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 00' 46"	106° 05' 32"					F-48-69-C-c
Thôn Dành	DC	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 00' 37"	106° 05' 02"					F-48-69-C-c
thôn Dư Xá	DC	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 01' 15"	106° 04' 49"					F-48-69-C-c
thôn Hoàng Xá	DC	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 00' 53"	106° 06' 26"					F-48-69-C-c
Thôn Kênh	DC	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 00' 53"	106° 04' 58"					F-48-69-C-c
Thôn Phú	DC	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 01' 09"	106° 05' 42"					F-48-69-C-c
thôn Thiện Dũ	DC	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 00' 43"	106° 06' 05"					F-48-69-C-c
thôn Trạm Trai	DC	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 01' 08"	106° 06' 24"					F-48-69-C-c
đình Bùi Xá	KX	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 00' 22"	106° 06' 12"					F-48-69-C-c
đình Dư Xá	KX	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 01' 16"	106° 04' 49"					F-48-69-C-c
đình Hoàng Xá	KX	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 00' 50"	106° 06' 24"					F-48-69-C-c
đình Thiện Dũ	KX	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 00' 42"	106° 06' 03"					F-48-69-C-c
đình Trạm Trai	KX	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 01' 13"	106° 05' 54"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 281	KX	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành			21° 00' 07"	106° 03' 57"	21° 02' 31"	106° 17' 21"	F-48-69-C-c
Quốc lộ 38	KX	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành			21° 10' 45"	106° 03' 26"	20° 59' 43"	106° 07' 45"	F-48-69-C-c
Trung tâm Điều dưỡng Thương binh Thuận Thành	KX	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành	21° 01' 03"	106° 05' 31"					F-48-69-C-c
Kênh Giữa	TV	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành			21° 01' 31"	106° 00' 18"	21° 03' 10"	106° 15' 06"	F-48-69-C-c
Sông Bùi	TV	xã Ninh Xá	H. Thuận Thành			21° 00' 34"	106° 05' 52"	20° 59' 44"	106° 07' 42"	F-48-69-C-c
thôn Đạo Tú	DC	xã Song Hồ	H. Thuận Thành	21° 03' 59"	106° 04' 36"					F-48-69-C-c
thôn Đông Khê	DC	xã Song Hồ	H. Thuận Thành	21° 04' 07"	106° 04' 28"					F-48-69-C-c
thôn Lạc Hoài	DC	xã Song Hồ	H. Thuận Thành	21° 03' 01"	106° 04' 49"					F-48-69-C-c
thôn Tú Tháp	DC	xã Song Hồ	H. Thuận Thành	21° 03' 42"	106° 04' 51"					F-48-69-C-c
đình Đạo Tú	KX	xã Song Hồ	H. Thuận Thành	21° 03' 56"	106° 04' 38"					F-48-69-C-c
đình Tú Tháp	KX	xã Song Hồ	H. Thuận Thành	21° 03' 41"	106° 04' 48"					F-48-69-C-c
đình Tranh Đông Hồ	KX	xã Song Hồ	H. Thuận Thành	21° 04' 16"	106° 04' 21"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Đường tỉnh 283	KX	xã Song Hồ	H. Thuận Thành			21° 04' 04"	106° 05' 36"	21° 00' 15"	106° 00' 37"	F-48-69-C-c
Kênh Bắc	TV	xã Song Hồ	H. Thuận Thành			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Đông Côi Đại Quảng Bình	TV	xã Song Hồ	H. Thuận Thành			21° 03' 00"	106° 02' 54"	21° 02' 39"	106° 08' 25"	F-48-69-C-c
Sông Đuống	TV	xã Song Hồ	H. Thuận Thành			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-c
thôn Bến Long	DC	xã Song Liễu	H. Thuận Thành	21° 00' 35"	106° 00' 37"					F-48-69-C-c
thôn Liễu Khê	DC	xã Song Liễu	H. Thuận Thành	21° 00' 21"	106° 00' 52"					F-48-69-C-c
thôn Liễu Lâm	DC	xã Song Liễu	H. Thuận Thành	21° 00' 05"	106° 00' 25"					F-48-69-C-c
thôn Ngọc Lâm	DC	xã Song Liễu	H. Thuận Thành	21° 00' 17"	106° 00' 15"					F-48-69-C-c
thôn Ngọc Tinh	DC	xã Song Liễu	H. Thuận Thành	21° 00' 24"	106° 01' 17"					F-48-69-C-c
đỉnh Bến Long	KX	xã Song Liễu	H. Thuận Thành	21° 00' 37"	106° 00' 39"					F-48-69-C-c
đỉnh Liễu Khê	KX	xã Song Liễu	H. Thuận Thành	21° 00' 13"	106° 00' 52"					F-48-69-C-c
đỉnh Ngọc Tinh	KX	xã Song Liễu	H. Thuận Thành	21° 00' 21"	106° 01' 20"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 283	KX	xã Song Liễu	H. Thuận Thành			21° 04' 04"	106° 05' 36"	21° 00' 15"	106° 00' 37"	F-48-69-C-c
sông Bắc Hưng Hải	TV	xã Song Liễu	H. Thuận Thành			21° 03' 31"	106° 02' 15"	20° 59' 54"	106° 00' 59"	F-48-69-C-c, F-48-81-A-a
thôn Đại Tự	DC	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 09"	106° 02' 33"					F-48-69-C-c
thôn Khương Tự	DC	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 19"	106° 02' 37"					F-48-69-C-c
thôn Lũng Khê	DC	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 21"	106° 02' 27"					F-48-69-C-c
thôn Thanh Hoài	DC	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 29"	106° 02' 50"					F-48-69-C-c
thôn Thanh Tương	DC	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 32"	106° 02' 31"					F-48-69-C-c
Cầu Dâu	KX	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 10"	106° 02' 16"					F-48-69-C-c
Cụm công nghiệp Thanh Khương	KX	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 05"	106° 03' 16"					F-48-69-C-c
Chùa Dâu	KX	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 11"	106° 02' 27"					F-48-69-C-c
chùa Phi Tướng	KX	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 19"	106° 02' 15"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Di tích lịch sử Thành cổ Luy Lâu	KX	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 22"	106° 02' 20"					F-48-69-C-c
đình Thanh Tương	KX	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 30"	106° 02' 34"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 283	KX	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành			21° 04' 04"	106° 05' 36"	21° 00' 15"	106° 00' 37"	F-48-69-C-c
Khu công nghiệp Thuận Thành III	KX	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 34"	106° 03' 28"					F-48-69-C-c
nghe Đại Tự	KX	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 09"	106° 02' 37"					F-48-69-C-c
nghe Thanh Hoài	KX	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 21"	106° 02' 43"					F-48-69-C-c
nhà thờ gia tộc Hoàng giáp Nguyễn Khắc Kính	KX	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành	21° 02' 30"	106° 02' 52"					F-48-69-C-c
Quốc lộ 17	KX	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-c
kênh dẫn Phù Sa	TV	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành			21° 03' 39"	106° 02' 58"	21° 01' 59"	106° 02' 42"	F-48-69-C-c
Kênh Giữa	TV	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành			21° 01' 31"	106° 00' 18"	21° 03' 10"	106° 15' 06"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Đông Côi Đại Quảng Bình	TV	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành			21° 03' 00"	106° 02' 54"	21° 02' 39"	106° 08' 25"	F-48-69-C-c
sông Bắc Hưng Hải	TV	xã Thanh Khương	H. Thuận Thành			21° 03' 31"	106° 02' 15"	20° 59' 54"	106° 00' 59"	F-48-69-C-c
thôn Đức Nhân	DC	xã Trạm Lộ	H. Thuận Thành	21° 02' 08"	106° 06' 47"					F-48-69-C-c
thôn Nghi An	DC	xã Trạm Lộ	H. Thuận Thành	21° 02' 04"	106° 07' 28"					F-48-69-C-c
thôn Ngọc Nội	DC	xã Trạm Lộ	H. Thuận Thành	21° 01' 26"	106° 05' 57"					F-48-69-C-c
thôn Ngọc Tri	DC	xã Trạm Lộ	H. Thuận Thành	21° 02' 04"	106° 06' 06"					F-48-69-C-c
thôn Thuận An	DC	xã Trạm Lộ	H. Thuận Thành	21° 02' 00"	106° 06' 34"					F-48-69-C-c
đình Nghi An	KX	xã Trạm Lộ	H. Thuận Thành	21° 02' 07"	106° 07' 20"					F-48-69-C-c
đình Ngọc Nội	KX	xã Trạm Lộ	H. Thuận Thành	21° 01' 39"	106° 06' 19"					F-48-69-C-c
đình Thuận An	KX	xã Trạm Lộ	H. Thuận Thành	21° 01' 54"	106° 06' 31"					F-48-69-C-c
Quốc lộ 17	KX	xã Trạm Lộ	H. Thuận Thành			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-c, F-48-69-C-d
Quốc lộ 38	KX	xã Trạm Lộ	H. Thuận Thành			21° 10' 45"	106° 03' 26"	20° 59' 43"	106° 07' 45"	F-48-69-C-c
sông Nội Trung	TV	xã Trạm Lộ	H. Thuận Thành			20° 59' 44"	106° 07' 44"	21° 02' 18"	106° 07' 09"	F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Phương Quan	DC	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 40"	106° 02' 01"					F-48-69-C-c
thôn Tư Thế	DC	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 40"	106° 01' 35"					F-48-69-C-c
thôn Trà Lâm	DC	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 03' 00"	106° 01' 27"					F-48-69-C-c
thôn Văn Quan	DC	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 32"	106° 02' 13"					F-48-69-C-c
thôn Xuân Quan	DC	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 55"	106° 01' 42"					F-48-69-C-c
Cầu Dâu	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 10"	106° 02' 16"					F-48-69-C-c
chùa Phương Quan	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 41"	106° 01' 57"					F-48-69-C-c
chùa Tư Thế	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 40"	106° 01' 21"					F-48-69-C-c
chùa Trà Lâm	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 57"	106° 01' 23"					F-48-69-C-c
chùa Văn Quan	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 37"	106° 02' 17"					F-48-69-C-c
chùa Xuân Quan	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 56"	106° 01' 39"					F-48-69-C-c
đền Tư Thế	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 39"	106° 01' 32"					F-48-69-C-c
đình Phương Quan	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 42"	106° 01' 57"					F-48-69-C-c
đình Tư Thế	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 40"	106° 01' 31"					F-48-69-C-c
đình Trà Lâm	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 03' 01"	106° 01' 21"					F-48-69-C-c
đình Văn Quan	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 36"	106° 02' 14"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 283	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành			21° 04' 04"	106° 05' 36"	21° 00' 15"	106° 00' 37"	F-48-69-C-c
Khu công nghiệp vừa và nhỏ Hà Mãn - Trí Quả	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành	21° 02' 03"	106° 01' 30"					F-48-69-C-c
Quốc lộ 17	KX	xã Trí Quả	H. Thuận Thành			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-c
Kênh Bắc	TV	xã Trí Quả	H. Thuận Thành			21° 02' 56"	106° 01' 03"	21° 02' 50"	106° 17' 12"	F-48-69-C-c
sông Bắc Hưng Hải	TV	xã Trí Quả	H. Thuận Thành			21° 03' 31"	106° 02' 15"	20° 59' 54"	106° 00' 59"	F-48-69-C-c
thôn Doãn Hạ	DC	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 01' 23"	106° 01' 14"					F-48-69-C-c
thôn Doãn Thượng	DC	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 00' 52"	106° 00' 46"					F-48-69-C-c
thôn Đa Tiện	DC	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 01' 16"	106° 00' 33"					F-48-69-C-c
thôn Đức Hiệp	DC	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 02' 14"	106° 01' 10"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Thanh Bình	DC	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 01' 22"	106° 00' 55"					F-48-69-C-c
thôn Xuân Lê	DC	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 01' 45"	106° 01' 18"					F-48-69-C-c
cầu Xuân Lâm	KX	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 01' 33"	106° 01' 06"					F-48-69-C-c
Công ty Gạch Đại Thịnh	KX	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 01' 51"	106° 00' 55"					F-48-69-C-c
đình Doãn Hạ	KX	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 01' 22"	106° 01' 05"					F-48-69-C-c
đình Doãn Thượng	KX	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 00' 50"	106° 00' 43"					F-48-69-C-c
đình Đa Tiện	KX	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 01' 18"	106° 00' 29"					F-48-69-C-c
đình Đức Hiệp	KX	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 02' 11"	106° 01' 08"					F-48-69-C-c
đình Thanh Bình	KX	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 01' 21"	106° 00' 54"					F-48-69-C-c
Quốc lộ 17	KX	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành			21° 01' 50"	106° 00' 26"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-c
Trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội	KX	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành	21° 01' 45"	106° 00' 30"					F-48-69-C-c
Kênh Giữa	TV	xã Xuân Lâm	H. Thuận Thành			21° 01' 31"	106° 00' 18"	21° 03' 10"	106° 15' 06"	F-48-69-C-c
thôn Duệ Đông	DC	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 11"	106° 00' 44"					F-48-69-C-a
thôn Lũng Giang	DC	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 56"	106° 01' 15"					F-48-69-C-a
thôn Lũng Sơn	DC	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 09' 17"	106° 01' 56"					F-48-69-C-a
xóm Thanh Lê	DC	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 48"	106° 01' 44"					F-48-69-C-a
cầu Hoài Thượng	KX	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 03"	106° 01' 17"					F-48-69-C-a
Chùa Lim	KX	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 30"	106° 01' 06"					F-48-69-C-a
đền Bắc Hợp	KX	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 28"	106° 00' 50"					F-48-69-C-a
đền Liễu Giáp	KX	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 39"	106° 01' 22"					F-48-69-C-a
đình 3 Xã	KX	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 54"	106° 01' 37"					F-48-69-C-a
Đình Lim	KX	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 39"	106° 01' 01"					F-48-69-C-a
đình Phúc Bình	KX	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 13"	106° 00' 47"					F-48-69-C-a
đình Phúc Hậu	KX	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 38"	106° 01' 25"					F-48-69-C-a
đường Hai Bà Trưng	KX	TT. Lim	H. Tiên Du			21° 09' 57"	106° 02' 30"	21° 08' 41"	106° 01' 02"	F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường Lý Thường Kiệt	KX	TT. Lim	H. Tiên Du			21° 08' 41"	106° 01' 02"	21° 08' 29"	106° 00' 50"	F-48-69-C-a
đường Nguyễn Đăng Đạo	KX	TT. Lim	H. Tiên Du			21° 10' 09"	105° 58' 18"	21° 08' 12"	106° 01' 13"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 276	KX	TT. Lim	H. Tiên Du			21° 10' 09"	105° 58' 18"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 276 (Mới)	KX	TT. Lim	H. Tiên Du			21° 11' 10"	105° 56' 36"	21° 08' 08"	106° 01' 07"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 295B	KX	TT. Lim	H. Tiên Du			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-69-C-a
Ga Lim	KX	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 47"	106° 00' 59"					F-48-69-C-a
Trường Trung học cơ sở Tiên Du	KX	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 20"	106° 01' 08"					F-48-69-C-a
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đăng Đạo	KX	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 13"	106° 01' 09"					F-48-69-C-a
Đồi Lim	SV	TT. Lim	H. Tiên Du	21° 08' 33"	106° 01' 06"					F-48-69-C-a
Thôn Rền	DC	xã Cảnh Hưng	H. Tiên Du	21° 04' 38"	106° 01' 43"					F-48-69-C-c
Thôn Thượng	DC	xã Cảnh Hưng	H. Tiên Du	21° 05' 06"	106° 01' 48"					F-48-69-C-c
Thôn Trung	DC	xã Cảnh Hưng	H. Tiên Du	21° 04' 52"	106° 01' 33"					F-48-69-C-c
Chùa Rền	KX	xã Cảnh Hưng	H. Tiên Du	21° 04' 38"	106° 01' 46"					F-48-69-C-c
Đình Rền	KX	xã Cảnh Hưng	H. Tiên Du	21° 04' 39"	106° 01' 45"					F-48-69-C-c
Đình Thượng	KX	xã Cảnh Hưng	H. Tiên Du	21° 05' 11"	106° 01' 50"					F-48-69-C-c
Đình Trung	KX	xã Cảnh Hưng	H. Tiên Du	21° 04' 52"	106° 01' 30"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 276	KX	xã Cảnh Hưng	H. Tiên Du			21° 10' 09"	105° 58' 18"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Cảnh Hưng	H. Tiên Du			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Trạm bơm Tri Phương I	TV	xã Cảnh Hưng	H. Tiên Du			21° 05' 23"	106° 01' 28"	21° 04' 40"	105° 59' 44"	F-48-69-C-c
Sông Đuống	TV	xã Cảnh Hưng	H. Tiên Du			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-c
thôn Dương Húc	DC	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 50"	105° 59' 14"					F-48-68-D-d
thôn Đại Thượng	DC	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 13"	105° 59' 15"					F-48-68-D-d
thôn Đại Trung	DC	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 04' 47"	105° 59' 35"					F-48-68-D-d
thôn Đại Vy	DC	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 24"	105° 59' 38"					F-48-68-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Xóm Đa	DC	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 45"	105° 59' 07"					F-48-68-D-d
Xóm Gạ	DC	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 02"	105° 59' 58"					F-48-68-D-d
Xóm Giai	DC	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 29"	105° 58' 58"					F-48-68-D-d
Xóm Lai	DC	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 43"	105° 59' 38"					F-48-68-D-d
Xóm Lê	DC	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 06' 10"	105° 58' 38"					F-48-68-D-d
Xóm Phan	DC	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 46"	105° 59' 01"					F-48-68-D-d
Xóm Tờ	DC	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 51"	105° 58' 46"					F-48-68-D-d
Xóm Tự	DC	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 52"	105° 59' 01"					F-48-68-D-d
Xóm Viên	DC	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 59"	105° 59' 05"					F-48-68-D-d
chùa Dương Húc	KX	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 53"	105° 58' 57"					F-48-68-D-d
đền Dương Húc	KX	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 53"	105° 58' 58"					F-48-68-D-d
đền Tam Giang	KX	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 41"	105° 59' 56"					F-48-68-D-d
đền Thánh Cả	KX	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 59"	105° 59' 02"					F-48-68-D-d
đền thờ Nguyễn Đương Hồ	KX	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 46"	105° 58' 58"					F-48-68-D-d
đình Dương Húc	KX	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 52"	105° 59' 10"					F-48-68-D-d
đình Đại Thượng	KX	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 17"	105° 59' 11"					F-48-68-D-d
đình Đại Trung	KX	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 04' 45"	105° 59' 33"					F-48-68-D-d
đình Đại Vi	KX	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 05' 18"	105° 59' 54"					F-48-68-D-d
Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn	KX	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 06' 21"	105° 59' 02"					F-48-68-D-d
Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh	KX	xã Đại Đồng	H. Tiên Du	21° 04' 41"	105° 58' 28"					F-48-68-D-d
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Đại Đồng	H. Tiên Du			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-68-D-d
Thôn Kiều	DC	xã Hiên Vân	H. Tiên Du	21° 07' 16"	106° 02' 14"					F-48-69-C-c
Thôn Khám	DC	xã Hiên Vân	H. Tiên Du	21° 07' 34"	106° 02' 00"					F-48-69-C-c
Thôn Na	DC	xã Hiên Vân	H. Tiên Du	21° 07' 15"	106° 02' 41"					F-48-69-C-c
Thôn Nội	DC	xã Hiên Vân	H. Tiên Du	21° 07' 19"	106° 02' 32"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Thôn Nguyễn	DC	xã Hiên Vân	H. Tiên Du	21° 07' 30"	106° 02' 30"					F-48-69-C-c
cầu Hiên Vân	KX	xã Hiên Vân	H. Tiên Du	21° 07' 12"	106° 03' 21"					F-48-69-C-c
Chùa Khám	KX	xã Hiên Vân	H. Tiên Du	21° 07' 31"	106° 01' 56"					F-48-69-C-a
Đường tỉnh 276	KX	xã Hiên Vân	H. Tiên Du			21° 10' 09"	105° 58' 18"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-a
núi Vân Khám	SV	xã Hiên Vân	H. Tiên Du	21° 07' 18"	106° 01' 53"					F-48-69-C-c
kênh N6	TV	xã Hiên Vân	H. Tiên Du			21° 07' 44"	106° 01' 41"	21° 05' 31"	106° 05' 11"	F-48-69-C-c
kênh Trung Thủy Nông	TV	xã Hiên Vân	H. Tiên Du			21° 06' 53"	106° 02' 06"	21° 06' 55"	106° 03' 24"	F-48-69-C-c
thôn Đại Sơn	DC	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 34"	105° 59' 46"					F-48-68-D-d
Thôn Đoài	DC	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 25"	106° 00' 06"					F-48-69-C-c
Thôn Đông	DC	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 13"	106° 00' 23"					F-48-69-C-c
thôn Đông Lâu	DC	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 00"	106° 00' 59"					F-48-69-C-c
thôn Đồng Xép	DC	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 39"	105° 59' 22"					F-48-68-D-b
thôn Làng Bất Lự	DC	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 45"	105° 59' 35"					F-48-68-D-d
thôn Làng Móng	DC	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 07' 14"	106° 00' 07"					F-48-69-C-c
thôn Núi Bất Lự	DC	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 07' 02"	105° 59' 20"					F-48-68-D-d
thôn Núi Đông	DC	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 41"	106° 00' 17"					F-48-69-C-c
thôn Núi Móng	DC	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 07' 41"	106° 00' 03"					F-48-69-C-a
chùa Nguyệt Hằng	KX	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 31"	106° 00' 32"					F-48-69-C-c
đền Nguyệt Hằng	KX	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 32"	106° 00' 32"					F-48-69-C-c
đỉnh Bất Lự	KX	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 52"	105° 59' 29"					F-48-68-D-d
đỉnh Đại Sơn	KX	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 31"	105° 59' 48"					F-48-68-D-d
đỉnh Làng Đông	KX	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 23"	106° 00' 20"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 287	KX	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du			21° 07' 29"	105° 58' 04"	21° 06' 31"	106° 04' 36"	F-48-69-C-c, F-48-68-D-d
Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn	KX	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 21"	105° 59' 02"					F-48-68-D-d
Khu công nghiệp Tiên Sơn	KX	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 50"	105° 59' 09"					F-48-68-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Nhà máy Gạch Hoa Sơn	KX	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 05"	106° 00' 05"					F-48-69-C-c
nhà thờ họ Nguyễn Vũ	KX	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 50"	105° 59' 31"					F-48-68-D-d
Quốc lộ 1	KX	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du			21° 12' 13"	106° 05' 52"	21° 05' 24"	105° 57' 28"	F-48-69-C-c, F-48-68-D-d
núi Bất Lự	SV	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 59"	105° 59' 22"					F-48-68-D-d
Núi Chè	SV	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 52"	106° 00' 22"					F-48-69-C-c
núi Đông Lâu	SV	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 06' 08"	106° 01' 00"					F-48-69-C-c
Núi Móng	SV	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du	21° 07' 36"	106° 00' 07"					F-48-69-C-a
Kênh Nam	TV	xã Hoàn Sơn	H. Tiên Du			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-69-C-c, F-48-68-D-d
thôn An Động	DC	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 06' 57"	106° 06' 05"					F-48-69-C-c
thôn Hộ Vệ	DC	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 26"	106° 04' 33"					F-48-69-C-c
thôn Hương Vân	DC	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 01"	106° 04' 43"					F-48-69-C-c
thôn Nam Viên	DC	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 06' 46"	106° 03' 57"					F-48-69-C-c
thôn Nội Viên	DC	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 12"	106° 03' 46"					F-48-69-C-c
thôn Xuân Hội	DC	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 14"	106° 05' 22"					F-48-69-C-c
Xóm Cầu	DC	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 26"	106° 04' 49"					F-48-69-C-c
Xóm Chùa	DC	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 20"	106° 04' 25"					F-48-69-C-c
Xóm Dinh	DC	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 25"	106° 04' 56"					F-48-69-C-c
cầu Hiên Vân	KX	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 12"	106° 03' 21"					F-48-69-C-c
cầu Nội Viên	KX	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 15"	106° 04' 06"					F-48-69-C-c
chùa An Động	KX	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 04"	106° 06' 02"					F-48-69-C-c
chùa Nội Viên	KX	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 10"	106° 03' 33"					F-48-69-C-c
chùa Phúc Nguyên	KX	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 25"	106° 05' 02"					F-48-69-C-c
đình An Động	KX	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 06' 57"	106° 06' 08"					F-48-69-C-c
đình Hộ Vệ	KX	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 23"	106° 04' 41"					F-48-69-C-c
đình Hương Vân	KX	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 00"	106° 04' 43"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đình Nội Viên	KX	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 05"	106° 03' 34"					F-48-69-C-c
đình Xuân Hội	KX	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du	21° 07' 11"	106° 05' 21"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 287	KX	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du			21° 07' 29"	105° 58' 04"	21° 06' 31"	106° 04' 36"	F-48-69-C-c
Quốc lộ 38	KX	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du			21° 10' 45"	106° 03' 26"	20° 59' 43"	106° 07' 45"	F-48-69-C-c
Quốc lộ 38 (Mới)	KX	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du			21° 08' 22"	106° 04' 27"	21° 04' 59"	106° 05' 22"	F-48-69-C-c
kênh N6	TV	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du			21° 07' 44"	106° 01' 41"	21° 05' 31"	106° 05' 11"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-c
ngòi Con Tên	TV	xã Lạc Vệ	H. Tiên Du			21° 08' 23"	106° 06' 06"	21° 05' 42"	106° 06' 52"	F-48-69-C-c
thôn Bái Uyên	DC	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 08' 36"	106° 02' 14"					F-48-69-C-a
Thôn Chè	DC	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 07' 14"	106° 00' 27"					F-48-69-C-c
Thôn Dọc	DC	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 07' 20"	106° 00' 47"					F-48-69-C-c
thôn Hoài Thị	DC	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 07' 54"	106° 01' 55"					F-48-69-C-a
thôn Hoài Thượng	DC	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 07' 40"	106° 01' 21"					F-48-69-C-a
thôn Hoài Trung	DC	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 07' 58"	106° 01' 38"					F-48-69-C-a
cầu Hoài Thượng	KX	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 08' 03"	106° 01' 17"					F-48-69-C-a
cầu Nội Duệ	KX	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 07' 43"	106° 00' 43"					F-48-69-C-a
đền thờ Nguyễn Đăng Cáo	KX	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 07' 39"	106° 01' 21"					F-48-69-C-a
đền thờ Nguyễn Đăng Đạo	KX	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 07' 39"	106° 01' 20"					F-48-69-C-a
đình Bái Uyên	KX	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 08' 34"	106° 02' 11"					F-48-69-C-a
Đình Dọc	KX	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 07' 14"	106° 00' 47"					F-48-69-C-c
đình Hoài Thị	KX	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 07' 49"	106° 01' 50"					F-48-69-C-a
đình Hoài Thượng	KX	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 07' 41"	106° 01' 29"					F-48-69-C-a
đình Hoài Trung	KX	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 07' 51"	106° 01' 34"					F-48-69-C-a
Đường tỉnh 276	KX	xã Liên Bảo	H. Tiên Du			21° 10' 09"	105° 58' 18"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-a
Khu công nghiệp Tiên Sơn	KX	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 06' 50"	105° 59' 09"					F-48-69-C-a
nghe Bái Uyên	KX	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 08' 35"	106° 02' 02"					F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Quốc lộ 1	KX	xã Liên Bảo	H. Tiên Du			21° 12' 13"	106° 05' 52"	21° 05' 24"	105° 57' 28"	F-48-69-C-a
Núi Chè	SV	xã Liên Bảo	H. Tiên Du	21° 06' 52"	106° 00' 22"					F-48-69-C-c
kênh N6	TV	xã Liên Bảo	H. Tiên Du			21° 07' 44"	106° 01' 41"	21° 05' 31"	106° 05' 11"	F-48-69-C-a
Kênh Nam	TV	xã Liên Bảo	H. Tiên Du			21° 07' 10"	106° 14' 55"	21° 07' 16"	105° 55' 54"	F-48-69-C-a, F-48-69-C-c
kênh tiêu Trịnh Xá	TV	xã Liên Bảo	H. Tiên Du			21° 07' 17"	105° 55' 56"	21° 05' 51"	106° 02' 17"	F-48-69-C-a, F-48-69-C-c
thôn Nghĩa Chỉ	DC	xã Minh Đạo	H. Tiên Du	21° 05' 18"	106° 03' 03"					F-48-69-C-c
thôn Từ Nê	DC	xã Minh Đạo	H. Tiên Du	21° 05' 24"	106° 03' 56"					F-48-69-C-c
Xóm Lãng	DC	xã Minh Đạo	H. Tiên Du	21° 05' 18"	106° 04' 13"					F-48-69-C-c
Xóm Ngoài	DC	xã Minh Đạo	H. Tiên Du	21° 05' 11"	106° 03' 52"					F-48-69-C-c
Xóm Trong	DC	xã Minh Đạo	H. Tiên Du	21° 05' 06"	106° 04' 17"					F-48-69-C-c
đình Nghĩa Chỉ	KX	xã Minh Đạo	H. Tiên Du	21° 05' 12"	106° 03' 09"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 276	KX	xã Minh Đạo	H. Tiên Du			21° 10' 09"	105° 58' 18"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-c
kênh N6	TV	xã Minh Đạo	H. Tiên Du			21° 07' 44"	106° 01' 41"	21° 05' 31"	106° 05' 11"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Minh Đạo	H. Tiên Du			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-c
Sông Đuống	TV	xã Minh Đạo	H. Tiên Du			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-c
thôn Duệ Khánh	DC	xã Nội Duệ	H. Tiên Du	21° 08' 29"	106° 00' 21"					F-48-69-C-a
thôn Duệ Nam	DC	xã Nội Duệ	H. Tiên Du	21° 08' 10"	105° 59' 56"					F-48-68-D-b
thôn Đình Cả	DC	xã Nội Duệ	H. Tiên Du	21° 08' 15"	106° 00' 12"					F-48-69-C-a
thôn Lộ Bao	DC	xã Nội Duệ	H. Tiên Du	21° 08' 26"	106° 00' 39"					F-48-69-C-a
chùa Cổ Lũng	KX	xã Nội Duệ	H. Tiên Du	21° 08' 23"	106° 00' 01"					F-48-69-C-a
đền thờ Nguyễn Diễn	KX	xã Nội Duệ	H. Tiên Du	21° 08' 12"	106° 00' 08"					F-48-69-C-a
đình Lộ Bao	KX	xã Nội Duệ	H. Tiên Du	21° 08' 21"	106° 00' 34"					F-48-69-C-a
Đường tỉnh 276 (Mới)	KX	xã Nội Duệ	H. Tiên Du			21° 11' 10"	105° 56' 36"	21° 08' 08"	106° 01' 07"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 295B	KX	xã Nội Duệ	H. Tiên Du			21° 12' 21"	106° 05' 21"	21° 06' 12"	105° 55' 59"	F-48-69-C-a, F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu công nghiệp Tiên Sơn	KX	xã Nội Duệ	H. Tiên Du	21° 06' 50"	105° 59' 09"					F-48-69-C-a
lăng Đỗ Nguyên Thụy	KX	xã Nội Duệ	H. Tiên Du	21° 08' 09"	106° 00' 02"					F-48-69-C-a
nghe Cỗ Lũng	KX	xã Nội Duệ	H. Tiên Du	21° 08' 23"	106° 00' 02"					F-48-69-C-a
Trường Cao đẳng Đại Việt	KX	xã Nội Duệ	H. Tiên Du	21° 07' 50"	106° 00' 43"					F-48-69-C-a
kênh tiêu Trịnh Xá	TV	xã Nội Duệ	H. Tiên Du			21° 07' 17"	105° 55' 56"	21° 05' 51"	106° 02' 17"	F-48-68-D-b, F-48-69-C-a
thôn Cỗ Miếu	DC	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 06' 19"	106° 01' 10"					F-48-69-C-c
thôn Ngô Xá	DC	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 06' 12"	106° 01' 42"					F-48-69-C-c
thôn Phật Tích	DC	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 05' 46"	106° 01' 40"					F-48-69-C-c
thôn Phúc Nghiêm	DC	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 06' 19"	106° 02' 07"					F-48-69-C-c
thôn Vĩnh Phú	DC	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 05' 45"	106° 01' 16"					F-48-69-C-c
chùa Phật Tích	KX	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 05' 41"	106° 01' 28"					F-48-69-C-c
chùa Vĩnh Phú	KX	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 05' 53"	106° 01' 17"					F-48-69-C-c
đền thờ Nguyên phi Ỡ Lan	KX	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 05' 53"	106° 01' 20"					F-48-69-C-c
đình Phúc Nghiêm	KX	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 06' 16"	106° 02' 08"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 276	KX	xã Phật Tích	H. Tiên Du			21° 10' 09"	105° 58' 18"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-c
Đường tỉnh 287	KX	xã Phật Tích	H. Tiên Du			21° 07' 29"	105° 58' 04"	21° 06' 31"	106° 04' 36"	F-48-69-C-c
lăng Quốc Hoa Công chúa	KX	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 06' 24"	106° 01' 13"					F-48-69-C-c
Nhà thờ họ Nguyễn	KX	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 05' 45"	106° 01' 36"					F-48-69-C-c
núi Bát Vạn	SV	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 06' 20"	106° 01' 53"					F-48-69-C-c
núi Đông Lâu	SV	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 06' 08"	106° 01' 00"					F-48-69-C-c
núi Đông Sơn	SV	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 06' 39"	106° 02' 11"					F-48-69-C-c
núi Lạng Kha	SV	xã Phật Tích	H. Tiên Du	21° 05' 51"	106° 01' 31"					F-48-69-C-c
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Phật Tích	H. Tiên Du			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Trạm bơm Tri Phương I	TV	xã Phật Tích	H. Tiên Du			21° 05' 23"	106° 01' 28"	21° 04' 40"	105° 59' 44"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Trịnh Xá	TV	xã Phật Tích	H. Tiên Du			21° 07' 17"	105° 55' 56"	21° 05' 51"	106° 02' 17"	F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Ân Phú	DC	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 10' 13"	105° 58' 45"					F-48-68-D-b
thôn Đông Phù	DC	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 10' 10"	105° 59' 54"					F-48-68-D-b
thôn Giới Tế	DC	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 10' 30"	105° 59' 40"					F-48-68-D-b
thôn Tam Tảo	DC	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 09' 41"	106° 00' 15"					F-48-69-C-a
thôn Vĩnh Phục	DC	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 10' 31"	106° 00' 11"					F-48-69-C-a
xóm Ấp Vang	DC	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 09' 29"	106° 00' 53"					F-48-69-C-a
xóm Đông Thịnh	DC	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 10' 18"	106° 00' 08"					F-48-69-C-a
xóm Hạ Giang	DC	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 10' 05"	106° 01' 16"					F-48-69-C-a
Xóm Miếu	DC	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 09' 32"	105° 59' 52"					F-48-68-D-b
xóm Tế Tây	DC	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 10' 19"	105° 59' 21"					F-48-68-D-b
Cụm công nghiệp Phú Lâm	KX	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 10' 19"	106° 01' 20"					F-48-69-C-a
chùa Tam Tảo	KX	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 09' 54"	106° 00' 01"					F-48-69-C-a
đền Phụ Quốc	KX	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 09' 33"	105° 59' 46"					F-48-68-D-b
đình Ân Phú	KX	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 10' 11"	105° 58' 39"					F-48-68-D-b
đình Đông Phù	KX	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 10' 14"	105° 59' 53"					F-48-68-D-b
đình Giới Tế	KX	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 10' 20"	105° 59' 31"					F-48-68-D-b
đình Hạ Giang	KX	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 10' 10"	106° 01' 16"					F-48-69-C-a
đình Tam Tảo	KX	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 09' 40"	106° 00' 07"					F-48-69-C-a
đường Nguyễn Đăng Đạo	KX	xã Phú Lâm	H. Tiên Du			21° 10' 09"	105° 58' 18"	21° 08' 12"	106° 01' 13"	F-48-69-C-a, F-48-68-D-b
Đường tỉnh 276	KX	xã Phú Lâm	H. Tiên Du			21° 10' 09"	105° 58' 18"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-a, F-48-68-D-b
Đường tỉnh 276 (Mới)	KX	xã Phú Lâm	H. Tiên Du			21° 11' 10"	105° 56' 36"	21° 08' 08"	106° 01' 07"	F-48-69-C-a, F-48-68-D-b
nghe Tam Tảo	KX	xã Phú Lâm	H. Tiên Du	21° 09' 55"	106° 00' 00"					F-48-69-C-a
kênh tiêu Phú Lâm	TV	xã Phú Lâm	H. Tiên Du			21° 09' 41"	106° 00' 10"	21° 08' 22"	105° 58' 37"	F-48-69-C-a, F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
sông Ngũ Huyện Khê	TV	xã Phú Lâm	H. Tiên Du			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-69-C-a, F-48-68-D-b
thôn Chi Đông	DC	xã Tân Chi	H. Tiên Du	21° 04' 52"	106° 04' 57"					F-48-69-C-c
thôn Chi Hồ	DC	xã Tân Chi	H. Tiên Du	21° 04' 41"	106° 05' 00"					F-48-69-C-c
thôn Chi Trung	DC	xã Tân Chi	H. Tiên Du	21° 04' 34"	106° 05' 17"					F-48-69-C-c
thôn Tư Chi	DC	xã Tân Chi	H. Tiên Du	21° 05' 42"	106° 04' 58"					F-48-69-C-c
thôn Văn Trung	DC	xã Tân Chi	H. Tiên Du	21° 06' 22"	106° 04' 24"					F-48-69-C-c
Cầu Châm	KX	xã Tân Chi	H. Tiên Du	21° 06' 09"	106° 04' 40"					F-48-69-C-c
Cầu Hồ	KX	xã Tân Chi	H. Tiên Du	21° 04' 19"	106° 05' 33"					F-48-69-C-c
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Bắc Hưng	KX	xã Tân Chi	H. Tiên Du	21° 05' 20"	106° 04' 42"					F-48-69-C-c
chùa Chi Hồ	KX	xã Tân Chi	H. Tiên Du	21° 04' 34"	106° 05' 03"					F-48-69-C-c
chùa Chi Nội	KX	xã Tân Chi	H. Tiên Du	21° 05' 47"	106° 04' 59"					F-48-69-C-c
chùa Giáo Đường	KX	xã Tân Chi	H. Tiên Du	21° 04' 22"	106° 05' 19"					F-48-69-C-c
đình Chi Nội	KX	xã Tân Chi	H. Tiên Du	21° 05' 47"	106° 04' 57"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 276	KX	xã Tân Chi	H. Tiên Du			21° 10' 09"	105° 58' 18"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-c
Đường tỉnh 279	KX	xã Tân Chi	H. Tiên Du			21° 12' 17"	106° 05' 20"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-c
Đường tỉnh 287	KX	xã Tân Chi	H. Tiên Du			21° 07' 29"	105° 58' 04"	21° 06' 31"	106° 04' 36"	F-48-69-C-c
Quốc lộ 38	KX	xã Tân Chi	H. Tiên Du			21° 10' 45"	106° 03' 26"	20° 59' 43"	106° 07' 45"	F-48-69-C-c
Quốc lộ 38 (Mới)	KX	xã Tân Chi	H. Tiên Du			21° 08' 22"	106° 04' 27"	21° 04' 59"	106° 05' 22"	F-48-69-C-c
kênh N6	TV	xã Tân Chi	H. Tiên Du			21° 07' 44"	106° 01' 41"	21° 05' 31"	106° 05' 11"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Tân Chi	H. Tiên Du			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-c
kênh TQ5	TV	xã Tân Chi	H. Tiên Du			21° 04' 41"	106° 05' 46"	21° 06' 23"	106° 05' 29"	F-48-69-C-c
Sông Đuống	TV	xã Tân Chi	H. Tiên Du			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-c
thôn Cao Đình	DC	xã Tri Phương	H. Tiên Du	21° 04' 47"	106° 00' 41"					F-48-69-C-c
Thôn Đình	DC	xã Tri Phương	H. Tiên Du	21° 04' 54"	106° 00' 19"					F-48-69-C-c
Thôn Giáo	DC	xã Tri Phương	H. Tiên Du	21° 05' 15"	106° 00' 11"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Thôn Lương	DC	xã Tri Phương	H. Tiên Du	21° 04' 54"	106° 00' 31"					F-48-69-C-c
Xóm Sen	DC	xã Tri Phương	H. Tiên Du	21° 05' 12"	106° 00' 31"					F-48-69-C-c
đình Cao Đình	KX	xã Tri Phương	H. Tiên Du	21° 04' 47"	106° 00' 51"					F-48-69-C-c
Đình Lương	KX	xã Tri Phương	H. Tiên Du	21° 05' 04"	106° 00' 10"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 287	KX	xã Tri Phương	H. Tiên Du			21° 07' 29"	105° 58' 04"	21° 06' 31"	106° 04' 36"	F-48-69-C-c
từ đường họ Trịnh	KX	xã Tri Phương	H. Tiên Du	21° 04' 48"	106° 00' 36"					F-48-69-C-c
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Tri Phương	H. Tiên Du			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Trạm bơm Tri Phương I	TV	xã Tri Phương	H. Tiên Du			21° 05' 23"	106° 01' 28"	21° 04' 40"	105° 59' 44"	F-48-69-C-c, F-48-68-D-d
Sông Đuống	TV	xã Tri Phương	H. Tiên Du			21° 04' 14"	105° 59' 57"	21° 04' 27"	106° 17' 54"	F-48-69-C-c, F-48-68-D-d
phố Chợ Sơn	DC	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 06' 41"	106° 02' 06"					F-48-69-C-c
thôn Đại Tảo	DC	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 06' 40"	106° 01' 04"					F-48-69-C-c
thôn Đông Sơn	DC	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 06' 41"	106° 02' 42"					F-48-69-C-c
thôn Liên Ấp	DC	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 05' 55"	106° 02' 56"					F-48-69-C-c
thôn Long Khám	DC	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 07' 01"	106° 01' 33"					F-48-69-C-c
thôn Long Vãn	DC	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 06' 33"	106° 01' 28"					F-48-69-C-c
xóm Đồng Cỏ	DC	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 06' 21"	106° 03' 52"					F-48-69-C-c
chùa Bách Môn	KX	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 07' 09"	106° 02' 04"					F-48-69-C-c
chùa Chân Khai	KX	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 06' 40"	106° 02' 36"					F-48-69-C-c
đình Đại Tảo	KX	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 06' 40"	106° 01' 03"					F-48-69-C-c
đình Long Khám	KX	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 07' 00"	106° 01' 31"					F-48-69-C-c
Đường tỉnh 276	KX	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du			21° 10' 09"	105° 58' 18"	21° 04' 32"	106° 05' 30"	F-48-69-C-c
Đường tỉnh 287	KX	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du			21° 07' 29"	105° 58' 04"	21° 06' 31"	106° 04' 36"	F-48-69-C-c
núi Đông Sơn	SV	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 06' 39"	106° 02' 11"					F-48-69-C-c
núi Long Khám	SV	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 07' 08"	106° 01' 40"					F-48-69-C-c
núi Vãn Khám	SV	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du	21° 07' 18"	106° 01' 53"					F-48-69-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh N6	TV	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du			21° 07' 44"	106° 01' 41"	21° 05' 31"	106° 05' 11"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Tào Khê	TV	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du			21° 05' 23"	105° 57' 28"	21° 09' 17"	106° 12' 43"	F-48-69-C-c
kênh tiêu Trịnh Xá	TV	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du			21° 07' 17"	105° 55' 56"	21° 05' 51"	106° 02' 17"	F-48-69-C-c
kênh Trung Thuỷ Nông	TV	xã Việt Đoàn	H. Tiên Du			21° 06' 53"	106° 02' 06"	21° 06' 55"	106° 03' 24"	F-48-69-C-c
khu 1 - Đô thị mới	DC	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 58"	105° 56' 42"					F-48-68-D-b
khu 2 - Đô thị mới	DC	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 12' 08"	105° 56' 55"					F-48-68-D-b
Khu phố Chờ	DC	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 49"	105° 57' 00"					F-48-68-D-b
Khu phố Mới	DC	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 12' 00"	105° 57' 13"					F-48-68-D-b
thôn Ngân Cầu	DC	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 50"	105° 57' 17"					F-48-68-D-b
thôn Nghiêm Xá	DC	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 22"	105° 57' 20"					F-48-68-D-b
thôn Phú Mẫn	DC	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 33"	105° 56' 59"					F-48-68-D-b
thôn Trác Bút	DC	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 12' 39"	105° 56' 53"					F-48-68-D-b
thôn Trung Bạ	DC	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 34"	105° 57' 15"					F-48-68-D-b
Chợ Chờ	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 44"	105° 57' 16"					F-48-68-D-b
chùa Đàng Sơn Tự	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 24"	105° 57' 14"					F-48-68-D-b
chùa Huệ Linh	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 12' 35"	105° 56' 52"					F-48-68-D-b
chùa Linh Quang	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 36"	105° 56' 54"					F-48-68-D-b
chùa Phú Mẫn	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 43"	105° 57' 00"					F-48-68-D-b
chùa Vạn Phúc	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 28"	105° 57' 16"					F-48-68-D-b
đình Nghiêm Xá	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 20"	105° 57' 14"					F-48-68-D-b
đình Phú Mẫn	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 42"	105° 56' 58"					F-48-68-D-b
đình Trác Bút	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 12' 32"	105° 56' 51"					F-48-68-D-b
đình Trung Bạ	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong	21° 11' 33"	105° 57' 12"					F-48-68-D-b
đường Nội Bài - Bắc Ninh	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong			21° 12' 48"	105° 54' 49"	21° 09' 26"	106° 03' 14"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 276 (Mới)	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong			21° 11' 10"	105° 56' 36"	21° 08' 08"	106° 01' 07"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 277	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong			21° 14' 00"	105° 56' 37"	21° 04' 23"	105° 57' 59"	F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Đường tỉnh 286	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong			21° 10' 55"	106° 03' 39"	21° 12' 04"	105° 54' 27"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 295	KX	TT. Chờ	H. Yên Phong			21° 13' 46"	105° 58' 40"	21° 07' 22"	105° 57' 52"	F-48-68-D-b
Ấp Choá	DC	xã Dũng Liệt	H. Yên Phong	21° 14' 19"	106° 00' 11"					F-48-69-C-a
thôn Chân Lạc	DC	xã Dũng Liệt	H. Yên Phong	21° 14' 54"	105° 59' 42"					F-48-68-D-b
thôn Lạc Trung	DC	xã Dũng Liệt	H. Yên Phong	21° 14' 37"	105° 59' 29"					F-48-68-D-b
thôn Lương Cầm	DC	xã Dũng Liệt	H. Yên Phong	21° 15' 15"	106° 01' 03"					F-48-69-A-c
thôn Phù Cầm	DC	xã Dũng Liệt	H. Yên Phong	21° 15' 24"	106° 00' 23"					F-48-69-A-c
thôn Phù Yên	DC	xã Dũng Liệt	H. Yên Phong	21° 15' 42"	105° 59' 32"					F-48-68-B-d
chùa Thiện Khánh	KX	xã Dũng Liệt	H. Yên Phong	21° 14' 56"	105° 59' 47"					F-48-68-D-b
Đền Choá	KX	xã Dũng Liệt	H. Yên Phong	21° 14' 52"	105° 59' 44"					F-48-68-D-b
đình Chân Lạc	KX	xã Dũng Liệt	H. Yên Phong	21° 14' 53"	105° 59' 46"					F-48-68-D-b
miếu Bà Cô	KX	xã Dũng Liệt	H. Yên Phong	21° 14' 49"	105° 59' 44"					F-48-68-D-b
Sông Cầu	TV	xã Dũng Liệt	H. Yên Phong			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-A-c, F-48-68-B-d, F-48-68-D-b
thôn Đông Xá	DC	xã Đông Phong	H. Yên Phong	21° 11' 50"	106° 01' 15"					F-48-69-C-a
thôn Đông Yên	DC	xã Đông Phong	H. Yên Phong	21° 11' 22"	106° 00' 27"					F-48-69-C-a
thôn Phong Nắm	DC	xã Đông Phong	H. Yên Phong	21° 11' 59"	106° 01' 08"					F-48-69-C-a
thôn Phong Xá	DC	xã Đông Phong	H. Yên Phong	21° 11' 39"	106° 00' 48"					F-48-69-C-a
Xóm Chùa	DC	xã Đông Phong	H. Yên Phong	21° 11' 33"	106° 00' 44"					F-48-69-C-a
Xóm Đông	DC	xã Đông Phong	H. Yên Phong	21° 11' 53"	106° 00' 59"					F-48-69-C-a
Xóm Sau	DC	xã Đông Phong	H. Yên Phong	21° 11' 32"	106° 00' 33"					F-48-69-C-a
chùa Phong Xá	KX	xã Đông Phong	H. Yên Phong	21° 11' 46"	106° 00' 57"					F-48-69-C-a
đền Đông Xá	KX	xã Đông Phong	H. Yên Phong	21° 11' 46"	106° 01' 16"					F-48-69-C-a
đền Phong Xá	KX	xã Đông Phong	H. Yên Phong	21° 11' 32"	106° 00' 42"					F-48-69-C-a
đình Đông Xá	KX	xã Đông Phong	H. Yên Phong	21° 11' 45"	106° 01' 16"					F-48-69-C-a
đình Đông Yên	KX	xã Đông Phong	H. Yên Phong	21° 11' 19"	106° 00' 26"					F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đình Phong Xá	KX	xã Đông Phong	H. Yên Phong	21° 11' 46"	106° 00' 58"					F-48-69-C-a
đường Nội Bài - Bắc Ninh	KX	xã Đông Phong	H. Yên Phong			21° 12' 48"	105° 54' 49"	21° 09' 26"	106° 03' 14"	F-48-69-C-a
Đường tỉnh 286	KX	xã Đông Phong	H. Yên Phong			21° 10' 55"	106° 03' 39"	21° 12' 04"	105° 54' 27"	F-48-69-C-a
sông Ngũ Huyện Khê	TV	xã Đông Phong	H. Yên Phong			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-69-C-a
thôn Bình An	DC	xã Đông Thọ	H. Yên Phong	21° 10' 34"	105° 56' 22"					F-48-68-D-b
thôn Đông Bích	DC	xã Đông Thọ	H. Yên Phong	21° 10' 16"	105° 56' 15"					F-48-68-D-b
thôn Đông Xuất	DC	xã Đông Thọ	H. Yên Phong	21° 10' 16"	105° 56' 42"					F-48-68-D-b
thôn Phú Đức	DC	xã Đông Thọ	H. Yên Phong	21° 10' 32"	105° 57' 21"					F-48-68-D-b
thôn Thọ Khê	DC	xã Đông Thọ	H. Yên Phong	21° 09' 54"	105° 57' 08"					F-48-68-D-b
thôn Thọ Vuông	DC	xã Đông Thọ	H. Yên Phong	21° 10' 06"	105° 56' 58"					F-48-68-D-b
thôn Trung Bạ	DC	xã Đông Thọ	H. Yên Phong	21° 10' 16"	105° 56' 30"					F-48-68-D-b
Cầu Nét	KX	xã Đông Thọ	H. Yên Phong	21° 09' 55"	105° 57' 20"					F-48-68-D-b
Cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ	KX	xã Đông Thọ	H. Yên Phong	21° 10' 51"	105° 56' 46"					F-48-68-D-b
đền thờ Thám hoa Nguyễn Hữu Nghiê	KX	xã Đông Thọ	H. Yên Phong	21° 09' 59"	105° 57' 10"					F-48-68-D-b
đình Đông Bích	KX	xã Đông Thọ	H. Yên Phong	21° 10' 11"	105° 56' 11"					F-48-68-D-b
đình Thọ Khê	KX	xã Đông Thọ	H. Yên Phong	21° 10' 01"	105° 57' 04"					F-48-68-D-b
đường Ngô Gia Tự	KX	xã Đông Thọ	H. Yên Phong			21° 07' 22"	105° 57' 52"	21° 09' 55"	105° 57' 20"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 277	KX	xã Đông Thọ	H. Yên Phong			21° 14' 00"	105° 56' 37"	21° 04' 23"	105° 57' 59"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 295	KX	xã Đông Thọ	H. Yên Phong			21° 13' 46"	105° 58' 40"	21° 07' 22"	105° 57' 52"	F-48-68-D-b
Ngôi Tỏ	TV	xã Đông Thọ	H. Yên Phong			21° 10' 10"	105° 54' 55"	21° 09' 43"	105° 57' 02"	F-48-68-D-b
sông Ngũ Huyện Khê	TV	xã Đông Thọ	H. Yên Phong			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-68-D-b
thôn Đông Thái	DC	xã Đông Tiến	H. Yên Phong	21° 13' 20"	105° 58' 18"					F-48-68-D-b
thôn Đồng Thôn	DC	xã Đông Tiến	H. Yên Phong	21° 13' 01"	105° 58' 25"					F-48-68-D-b
thôn Đông Xuyên	DC	xã Đông Tiến	H. Yên Phong	21° 13' 26"	105° 57' 59"					F-48-68-D-b
thôn Ô Cách	DC	xã Đông Tiến	H. Yên Phong	21° 12' 24"	105° 58' 33"					F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Thượng Thôn	DC	xã Đông Tiến	H. Yên Phong	21° 12' 52"	105° 58' 02"					F-48-68-D-b
chùa Đông Xuyên	KX	xã Đông Tiến	H. Yên Phong	21° 13' 30"	105° 57' 53"					F-48-68-D-b
đền Ô Cách	KX	xã Đông Tiến	H. Yên Phong	21° 12' 21"	105° 58' 25"					F-48-68-D-b
đình Đông Xuyên	KX	xã Đông Tiến	H. Yên Phong	21° 13' 21"	105° 57' 58"					F-48-68-D-b
đình Ô Cách	KX	xã Đông Tiến	H. Yên Phong	21° 12' 22"	105° 58' 33"					F-48-68-D-b
đường Nội Bài - Bắc Ninh	KX	xã Đông Tiến	H. Yên Phong			21° 12' 48"	105° 54' 49"	21° 09' 26"	106° 03' 14"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 295	KX	xã Đông Tiến	H. Yên Phong			21° 13' 46"	105° 58' 40"	21° 07' 22"	105° 57' 52"	F-48-68-D-b
Sông Cầu	TV	xã Đông Tiến	H. Yên Phong			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-68-D-b
thôn Diên Lộc	DC	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong	21° 13' 40"	105° 54' 37"					F-48-68-D-b
thôn Đồng Nhân	DC	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong	21° 12' 25"	105° 54' 33"					F-48-68-D-b
thôn Yên Hậu	DC	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong	21° 12' 18"	105° 55' 04"					F-48-68-D-b
thôn Yên Tân	DC	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong	21° 11' 50"	105° 54' 50"					F-48-68-D-b
thôn Yên Vỹ	DC	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong	21° 12' 57"	105° 55' 18"					F-48-68-D-b
Xóm Chùa	DC	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong	21° 12' 53"	105° 55' 08"					F-48-68-D-b
Xóm Đình	DC	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong	21° 12' 54"	105° 55' 24"					F-48-68-D-b
đình Yên Hậu	KX	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong	21° 12' 20"	105° 55' 01"					F-48-68-D-b
đình Yên Tân	KX	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong	21° 11' 58"	105° 54' 51"					F-48-68-D-b
đình Yên Vỹ	KX	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong	21° 12' 52"	105° 55' 24"					F-48-68-D-b
đường Nội Bài - Bắc Ninh	KX	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong			21° 12' 48"	105° 54' 49"	21° 09' 26"	106° 03' 14"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 286	KX	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong			21° 10' 55"	106° 03' 39"	21° 12' 04"	105° 54' 27"	F-48-68-D-b
Quốc lộ 3B	KX	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong			21° 10' 44"	105° 55' 08"	21° 14' 18"	105° 55' 25"	F-48-68-D-b
sông Cà Lồ	TV	xã Hòa Tiến	H. Yên Phong			21° 11' 37"	105° 54' 19"	21° 14' 41"	105° 56' 08"	F-48-68-D-b
thôn Chi Long	DC	xã Long Châu	H. Yên Phong	21° 11' 28"	105° 59' 57"					F-48-68-D-b
thôn Đại Chu	DC	xã Long Châu	H. Yên Phong	21° 11' 34"	105° 58' 36"					F-48-68-D-b
thôn Mẫn Xá	DC	xã Long Châu	H. Yên Phong	21° 11' 42"	105° 59' 13"					F-48-68-D-b
thôn Ngô Xá	DC	xã Long Châu	H. Yên Phong	21° 11' 35"	105° 59' 36"					F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Ngô Xá	KX	xã Long Châu	H. Yên Phong	21° 11' 33"	105° 59' 22"					F-48-68-D-b
đền Chi Long	KX	xã Long Châu	H. Yên Phong	21° 11' 31"	105° 59' 50"					F-48-68-D-b
đền Ngô Xá	KX	xã Long Châu	H. Yên Phong	21° 11' 37"	105° 59' 21"					F-48-68-D-b
đình Mẫn Xá	KX	xã Long Châu	H. Yên Phong	21° 11' 34"	105° 59' 01"					F-48-68-D-b
đường Nội Bài - Bắc Ninh	KX	xã Long Châu	H. Yên Phong			21° 12' 48"	105° 54' 49"	21° 09' 26"	106° 03' 14"	F-48-68-D-b, F-48-69-C-a
Đường tỉnh 286	KX	xã Long Châu	H. Yên Phong			21° 10' 55"	106° 03' 39"	21° 12' 04"	105° 54' 27"	F-48-68-D-b, F-48-69-C-a
Khu công nghiệp Yên Phong	KX	xã Long Châu	H. Yên Phong	21° 11' 57"	105° 59' 16"					F-48-68-D-b
sông Ngũ Huyện Khê	TV	xã Long Châu	H. Yên Phong			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-68-D-b, F-48-69-C-a
thôn Đại Lâm	DC	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 12' 52"	106° 01' 53"					F-48-69-C-a
thôn Đức Lý	DC	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 14' 26"	106° 00' 59"					F-48-69-C-a
thôn Phấn Động	DC	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 13' 47"	106° 01' 50"					F-48-69-C-a
thôn Thọ Đức	DC	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 14' 34"	106° 01' 24"					F-48-69-C-a
chùa Phấn Động	KX	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 13' 35"	106° 01' 49"					F-48-69-C-a
chùa Thiên Phúc	KX	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 12' 42"	106° 01' 57"					F-48-69-C-a
chùa Thiên Tích	KX	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 12' 58"	106° 01' 51"					F-48-69-C-a
chùa Thọ Đức	KX	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 14' 48"	106° 01' 23"					F-48-69-C-a
đền Can Vang	KX	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 14' 46"	106° 01' 55"					F-48-69-C-a
đền Đại Lâm	KX	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 13' 10"	106° 01' 50"					F-48-69-C-a
đền Phấn Động	KX	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 13' 38"	106° 01' 54"					F-48-69-C-a
đình Đại Lâm	KX	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 13' 08"	106° 01' 49"					F-48-69-C-a
đình Thọ Đức	KX	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 14' 39"	106° 01' 19"					F-48-69-C-a
nghe Đại Lâm	KX	xã Tam Đa	H. Yên Phong	21° 13' 08"	106° 01' 50"					F-48-69-C-a
Sông Cầu	TV	xã Tam Đa	H. Yên Phong			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-C-a, F-48-69-A-c
Thôn Đoài	DC	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 14' 04"	105° 55' 57"					F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Thôn Đông	DC	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 49"	105° 56' 05"					F-48-68-D-b
thôn Nguyệt Cầu	DC	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 40"	105° 56' 34"					F-48-68-D-b
thôn Như Nguyệt	DC	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 58"	105° 56' 40"					F-48-68-D-b
thôn Vọng Nguyệt	DC	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 40"	105° 56' 59"					F-48-68-D-b
cầu Xuân Tảo	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 14' 18"	105° 55' 25"					F-48-68-D-b
chùa Bồ Vàng	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 14' 00"	105° 56' 43"					F-48-68-D-b
chùa Vọng Nguyệt	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 43"	105° 56' 45"					F-48-68-D-b
Di tích lịch sử Phòng tuyến sông Như Nguyệt	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 14' 00"	105° 56' 39"					F-48-68-D-b
đền Lý Thường Kiệt	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 59"	105° 56' 39"					F-48-68-D-b
đền thờ Tiến sỹ Nguyễn Duy Thúc	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 46"	105° 56' 54"					F-48-68-D-b
đền Vọng Nguyệt	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 43"	105° 57' 01"					F-48-68-D-b
Đền Xà	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 14' 35"	105° 55' 57"					F-48-68-D-b
đình Nguyệt Cầu	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 42"	105° 56' 38"					F-48-68-D-b
đình Như Nguyệt	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 58"	105° 56' 37"					F-48-68-D-b
đình Vọng Nguyệt	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 41"	105° 57' 03"					F-48-68-D-b
đình Xà Đông	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 45"	105° 56' 09"					F-48-68-D-b
Đường tỉnh 277	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong			21° 14' 00"	105° 56' 37"	21° 04' 23"	105° 57' 59"	F-48-68-D-b
nhà thờ 5 Tiến sỹ họ Ngô	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 40"	105° 56' 58"					F-48-68-D-b
nhà thờ họ Lê Duy	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 48"	105° 56' 16"					F-48-68-D-b
Quốc lộ 3B	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong			21° 10' 44"	105° 55' 08"	21° 14' 18"	105° 55' 25"	F-48-68-D-b
từ đường họ Lê Danh	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 49"	105° 56' 14"					F-48-68-D-b
từ đường Nguyễn Trung	KX	xã Tam Giang	H. Yên Phong	21° 13' 42"	105° 56' 49"					F-48-68-D-b
sông Cà Lồ	TV	xã Tam Giang	H. Yên Phong			21° 11' 37"	105° 54' 19"	21° 14' 41"	105° 56' 08"	F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Sông Cầu	TV	xã Tam Giang	H. Yên Phong			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-68-D-b
thôn Bằng Lục	DC	xã Thụy Hòa	H. Yên Phong	21° 12' 18"	106° 00' 53"					F-48-69-C-a
thôn Đông Tảo	DC	xã Thụy Hòa	H. Yên Phong	21° 12' 39"	106° 01' 23"					F-48-69-C-a
thôn Lạc Nhuế	DC	xã Thụy Hòa	H. Yên Phong	21° 12' 27"	106° 00' 22"					F-48-69-C-a
thôn Thiêm Xuyên	DC	xã Thụy Hòa	H. Yên Phong	21° 13' 19"	106° 01' 05"					F-48-69-C-a
đình Bằng Lục	KX	xã Thụy Hòa	H. Yên Phong	21° 12' 17"	106° 00' 49"					F-48-69-C-a
đình Đông Tảo	KX	xã Thụy Hòa	H. Yên Phong	21° 12' 37"	106° 01' 19"					F-48-69-C-a
đình Lạc Nhuế	KX	xã Thụy Hòa	H. Yên Phong	21° 12' 19"	106° 00' 26"					F-48-69-C-a
đình Thiêm Xuyên	KX	xã Thụy Hòa	H. Yên Phong	21° 13' 29"	106° 01' 05"					F-48-69-C-a
thôn Đông Mai	DC	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong	21° 10' 38"	105° 58' 08"					F-48-68-D-b
thôn Ngô Nội	DC	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong	21° 11' 30"	105° 57' 30"					F-48-68-D-b
thôn Phù Lưu	DC	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong	21° 11' 09"	105° 57' 51"					F-48-68-D-b
thôn Tiên Trà	DC	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong	21° 11' 19"	105° 57' 44"					F-48-68-D-b
thôn Yên Từ	DC	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong	21° 10' 08"	105° 58' 11"					F-48-68-D-b
đình Đông Mai	KX	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong	21° 10' 34"	105° 58' 01"					F-48-68-D-b
đình Ngô Nội	KX	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong	21° 11' 22"	105° 57' 27"					F-48-68-D-b
đình Phù Lưu	KX	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong	21° 11' 08"	105° 57' 43"					F-48-68-D-b
đình Tiên Trà	KX	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong	21° 11' 19"	105° 57' 41"					F-48-68-D-b
đình Yên Từ	KX	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong	21° 10' 01"	105° 58' 13"					F-48-68-D-b
đường Nội Bài - Bắc Ninh	KX	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong			21° 12' 48"	105° 54' 49"	21° 09' 26"	106° 03' 14"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 276 (Mới)	KX	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong			21° 11' 10"	105° 56' 36"	21° 08' 08"	106° 01' 07"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 286	KX	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong			21° 10' 55"	106° 03' 39"	21° 12' 04"	105° 54' 27"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 295	KX	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong			21° 13' 46"	105° 58' 40"	21° 07' 22"	105° 57' 52"	F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
sông Ngũ Huyện Khê	TV	xã Trung Nghĩa	H. Yên Phong			21° 07' 23"	105° 54' 46"	21° 12' 17"	106° 02' 45"	F-48-68-D-b
thôn Mẫn Xá	DC	xã Văn Môn	H. Yên Phong	21° 10' 20"	105° 55' 52"					F-48-68-D-b
thôn Phù Xá	DC	xã Văn Môn	H. Yên Phong	21° 10' 33"	105° 55' 45"					F-48-68-D-b
thôn Quan Đình	DC	xã Văn Môn	H. Yên Phong	21° 10' 21"	105° 55' 31"					F-48-68-D-b
thôn Quan Độ	DC	xã Văn Môn	H. Yên Phong	21° 10' 04"	105° 55' 28"					F-48-68-D-b
thôn Tiền Thôn	DC	xã Văn Môn	H. Yên Phong	21° 10' 10"	105° 55' 49"					F-48-68-D-b
đền Đại Tư Mã	KX	xã Văn Môn	H. Yên Phong	21° 10' 11"	105° 55' 31"					F-48-68-D-b
Đền Tó	KX	xã Văn Môn	H. Yên Phong	21° 09' 59"	105° 55' 41"					F-48-68-D-b
đền thờ Nghiêm Kế	KX	xã Văn Môn	H. Yên Phong	21° 10' 05"	105° 55' 29"					F-48-68-D-b
đình Phù Xá	KX	xã Văn Môn	H. Yên Phong	21° 10' 42"	105° 55' 38"					F-48-68-D-b
đình Quan Đình	KX	xã Văn Môn	H. Yên Phong	21° 10' 24"	105° 55' 29"					F-48-68-D-b
đình Quan Độ	KX	xã Văn Môn	H. Yên Phong	21° 10' 10"	105° 55' 22"					F-48-68-D-b
đình Tướng Quốc	KX	xã Văn Môn	H. Yên Phong	21° 10' 17"	105° 55' 45"					F-48-68-D-b
Đường tỉnh 277	KX	xã Văn Môn	H. Yên Phong			21° 14' 00"	105° 56' 37"	21° 04' 23"	105° 57' 59"	F-48-68-D-b
nhà thờ gia tộc Nguyễn Thuý Doanh	KX	xã Văn Môn	H. Yên Phong	21° 10' 17"	105° 55' 29"					F-48-68-D-b
Quốc lộ 3B	KX	xã Văn Môn	H. Yên Phong			21° 10' 44"	105° 55' 08"	21° 14' 18"	105° 55' 25"	F-48-68-D-b
Ngòi Tó	TV	xã Văn Môn	H. Yên Phong			21° 10' 10"	105° 54' 55"	21° 09' 43"	105° 57' 02"	F-48-68-D-b
thôn An Ninh	DC	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 12' 09"	105° 55' 22"					F-48-68-D-b
thôn An Tập	DC	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 11' 42"	105° 55' 28"					F-48-68-D-b
thôn Cầu Gạo	DC	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 11' 37"	105° 55' 05"					F-48-68-D-b
thôn Cầu Giữa	DC	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 11' 54"	105° 55' 26"					F-48-68-D-b
thôn Đức Lâm	DC	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 11' 30"	105° 55' 26"					F-48-68-D-b
chùa Phúc Sơn	KX	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 11' 53"	105° 55' 24"					F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Yên Phụ	KX	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 11' 54"	105° 55' 20"					F-48-68-D-b
Di tích lịch sử Điểm Trung Quân	KX	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 11' 33"	105° 55' 11"					F-48-68-D-b
Đền Núi	KX	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 11' 53"	105° 55' 21"					F-48-68-D-b
đình Yên Phụ	KX	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 12' 07"	105° 55' 22"					F-48-68-D-b
đường Nội Bài - Bắc Ninh	KX	xã Yên Phụ	H. Yên Phong			21° 12' 48"	105° 54' 49"	21° 09' 26"	106° 03' 14"	F-48-68-D-b
Đường tỉnh 286	KX	xã Yên Phụ	H. Yên Phong			21° 10' 55"	106° 03' 39"	21° 12' 04"	105° 54' 27"	F-48-68-D-b
nhà thờ chi họ Trần	KX	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 11' 33"	105° 55' 12"					F-48-68-D-b
Quốc lộ 3B	KX	xã Yên Phụ	H. Yên Phong			21° 10' 44"	105° 55' 08"	21° 14' 18"	105° 55' 25"	F-48-68-D-b
Núi Dục	SV	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 12' 21"	105° 55' 23"					F-48-68-D-b
Núi Múc	SV	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 11' 20"	105° 54' 59"					F-48-68-D-b
Núi Trại	SV	xã Yên Phụ	H. Yên Phong	21° 12' 14"	105° 55' 26"					F-48-68-D-b
thôn Ấp Đồn	DC	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 12' 28"	105° 59' 51"					F-48-68-D-b
thôn Chính Trung	DC	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 13' 25"	105° 59' 06"					F-48-68-D-b
thôn Lương Tân	DC	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 13' 29"	105° 58' 48"					F-48-68-D-b
thôn Thân Thượng	DC	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 13' 10"	105° 59' 16"					F-48-68-D-b
thôn Trần Xá	DC	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 12' 35"	105° 59' 06"					F-48-68-D-b
thôn Trung Lạc	DC	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 13' 14"	106° 00' 14"					F-48-69-C-a
thôn Vọng Đông	DC	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 13' 33"	105° 59' 14"					F-48-68-D-b
thôn Xuân Cai	DC	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 13' 56"	105° 59' 13"					F-48-68-D-b
thôn Yên Lãng	DC	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 12' 32"	105° 59' 32"					F-48-68-D-b
đình Thân Thượng	KX	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 13' 06"	105° 59' 16"					F-48-68-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đình Trần Xá	KX	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 12' 32"	105° 59' 08"					F-48-68-D-b
đình Xuân Cai	KX	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 14' 01"	105° 59' 10"					F-48-68-D-b
Đường tỉnh 295	KX	xã Yên Trung	H. Yên Phong			21° 13' 46"	105° 58' 40"	21° 07' 22"	105° 57' 52"	F-48-68-D-b
Khu công nghiệp Yên Phong I	KX	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 12' 28"	105° 59' 12"					F-48-68-D-b
Khu công nghiệp Yên Phong I mở rộng	KX	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 13' 48"	105° 59' 54"					F-48-68-D-b
Trường Trung học phổ thông Yên Phong 2	KX	xã Yên Trung	H. Yên Phong	21° 13' 03"	106° 00' 08"					F-48-69-C-a
Sông Cầu	TV	xã Yên Trung	H. Yên Phong			21° 14' 39"	105° 56' 09"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-68-D-b

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà